



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình ảnh: **internet**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), tr. 3
- ♦ **KHÍ HẬU XỨ HOA KỲ - 2023** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 6
- ♦ **NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC**, t.t. (HT. Thích Thăng Hoan), trang 7
- ♦ **KAPPA, TÊN CƯỚP** (Thiền sư Bankei – TN Trí Hải dịch), tr. 10
- ♦ **NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI** (HT. Thích Thái Hòa), trang 11
- ♦ **6 BÀI HÁN THI CỦA BẠCH CƯ DỊ** (Pháp Hoa dịch), tr. 12
- ♦ **HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ - CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ GHPGVNTN** (HT. Thích Nguyên Siêu), trang 13
- ♦ **CHÍNH NGŨ TÂM, RỜI XA...** (thơ Minh Đạo), trang 16
- ♦ **KHÔNG ĐỂ NÓI LỜI LÀNH** (Quảng Tánh), trang 17
- ♦ **LIÊN KHÚC LÁ VÀNG LÁ XANH** (thơ Vĩnh Hữu – Tâm Không), trang 18
- ♦ **SƠ QUÁT VỀ CỘI NGUỒN VỌNG TƯƠNG QUA DUY THỨC HỌC** (Khánh Hoàng), trang 19
- ♦ **TRUNG ĐẠO** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 22
- ♦ **VÍ DỤ VỀ CON KIỂN** (Thích Tâm Nhân), trang 23
- ♦ **ĐI THEO CÙNG MÙA THU, SÔNG...** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 24
- ♦ **GIỮ GIỚI CẦN THẬN SẼ GIẢI THOÁT** (Nguyên Giác), trang 25
- ♦ **ĐỌC BÀI "THUYẾT ĐIỀU CA ĐÀU" CỦA TÔ ĐỒNG PHA** (Lam Nguyên), trang 28
- ♦ **VỀ XUÔI MƯA NGUỒN...** (thơ Tịnh Bình), trang 29
- ♦ **SỐNG HÝ XẢ ĐỂ DỪNG TIẾN** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ **VẤN ĐỀ THÂN GIÁO CỦA MỘT HUYNH TRƯỞNG GĐPT** (Tâm Quả), trang 31
- ♦ **ĐẠO CỦA KHÔNG...** (thơ Trúc Nguyên – Th. Chúc Hiền), tr. 32
- ♦ **CÂU CHUYỆN THƯƠNG TÂM CỦA CA NƯƠNG TÚ THANH...** (ĐNT Tín Nghĩa sưu tập), tr. 33
- ♦ **TÌM HIỂU THUYẾT "NGŨ THỪA" TRONG PHẬT GIÁO** (TN. Hằng Như), trang 39
- ♦ **GIEO MÈ** (thơ TM Ngô Tăng Giao) trang 43
- ♦ **QUÁN QUÂN NOBEL VĂN CHƯƠNG 2023 – JON FOSSE...** (Huỳnh Kim Quang), trang 44
- ♦ **VÔ BIÊN KHÔNG GIAN** (thơ Diệu Viên), trang 47
- ♦ **BUN XÀO NGHỆ CHAY** (Đào Thị Bích Châu), trang 48
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGẮN** (Steven N), trang 49
- ♦ **MỘT PHẬT TỬ HẢI NGOẠI** (Thanh Nguyễn), trang 51
- ♦ **CỎ CÂY VÀ PHẬT PHÁP** (Đạo Sinh), trang 53
- ♦ **THANH VĂN TANG ĐẾN TÍCH LAN** (Thích Thanh An), trang 54
- ♦ **BỔ THÍ THÂN MẠNG** (Truyện cổ Phật giáo), trang 58
- ♦ **LỢI LẠC TỬ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ** (TL Đào Mạnh Xuân), tr. 59
- ♦ **ĐỘC HÀNH, THƠ HAIKU** (thơ Hoàng Long), trang 60
- ♦ **CỜ TRỜI tập 1 – chương 6**, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), tr. 61
- ♦ **HIỀN SĨ** (thơ Đồng Thiện), trang 65
- ♦ **STORY OF THE GIVER OF THE FIRST-FRUITS...** (Daw Tin), trang 66
- ♦ **MÙA THU VÀ NIỀM HẠNH PHÚC...** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 67
- ♦ **MỆT MỎI** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 68
- ♦ **CHÂN LÝ, ĐỊNH HƯỚNG** (thơ Minh Trí), trang 69

Báo Chánh Pháp số 144, tháng 11.2022, do Phật Học Viện Quốc Tế (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

CƠN MÊ DÀI

Lá thu đã rơi; vàng ngập quanh những gốc cây già cỗi, tràn lấn qua những con đường nhỏ trong khu xóm. Nhưng ngoài đường lớn, hàng thông vẫn xanh lá bất kể thu đông.

Đâu đó trên khắp các trang báo, người ta vẫn như mọi năm, nói về mùa thu lá vàng, và nói về vô thường biến dịch. Có vẻ như lý vô thường đã được hiểu là cái thường nhất của thế gian, như kinh điển từng minh thị từ hơn hai nghìn năm qua (1). Lý này không còn xa lạ với những người học đạo, hiểu đạo ngày nay. Nhưng học, hiểu về vô thường để làm gì?

Vô thường là cơn động chuyển sinh-diệt miên tục (2), một cách hiển nhiên của các hiện tượng tâm lý và ngoại giới, trên từng sát-na nhỏ nhiệm nhất của thời gian. Hiện tượng này, nếu chỉ thấy, hiểu một cách tổng quát và hời hợt, hoặc chỉ nói suông như một lời cảm thán, sẽ chẳng mang lại lợi ích gì ngoài niềm an ủi nhất thời, nếu không muốn nói là chỉ gợi cho ta một ý niệm bi quan trước cảnh già, bệnh, chết. Trong khi đó, quán chiếu thường xuyên và sâu xa về vô thường là một phép thiền định có thể dẫn đến sự buông xả, dứt bỏ những tà kiến, vọng niệm, và sự chấp thủ đối với tâm, thân và ngoại cảnh.

Từ nơi vô thường, từ nơi già, bệnh, chết của chúng sinh mà đức Phật xuất hiện ở đời để trình bày những gì mà ngài đã chứng nghiệm, và hướng dẫn phương cách vượt khỏi chúng (3). Chính từ vô thường mà nghiệm ra sự thực về khổ não của chúng sinh. Chính từ vô thường mà nghiệm ra không có một thực ngã (vô ngã) (4), một thực thể độc lập cố định, bởi vì tất cả tâm và cảnh đều có liên hệ hỗ tương, duyên với nhau mà sinh và diệt.

Chúng ta sinh ra nơi đời này là đã trầm mình trong một cơn mê dài. Có những khoảnh khắc tỉnh thức, nhưng cũng chỉ thoáng qua, rồi lại tiếp tục mê mông. Biết thân này vô thường từ lâu,

nhưng vẫn đắm trước, trói buộc. Biết tâm này, với suy tưởng và cảm giác, là vô thường, mà vẫn cứ bám chặt, không rời. Biết là sai mà không chịu sửa. Biết là hệ lụy mà không chịu cởi trói. Khổ não đi theo suốt cuộc đời là vì lẽ đó.

Lá thu điểm tô cả một công viên tĩnh mịch bằng những mảng màu vàng, cam, đỏ. Hãy cứ tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên trong từng phút giây tĩnh lặng. Nhưng trong những cơn sóng đập chùng của sinh, trụ, di, diệt (5), một lúc nào đó, hãy thử nghiệm một cách chân xác về bản chất vô thường của mọi sự, mọi vật. Có như vậy, mới có thể ra khỏi cơn mê dài, ra khỏi cuộc trầm luân khổ ải từ nhiều đời kiếp.

- 1) “*Vô thường thị thường*” (無常是常) Vô thường chính là lẽ thường (được cho là xuất xứ từ Kinh Pháp Hoa; người viết chưa xác thực).
- 2) Trường kỳ và liên tục 綿續.
- 3) “Phật nói Kinh Vô Thường”, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch ra chữ Hán, HT. Thích Trí Thủ dịch ra chữ Việt. Trong bài kinh ngắn này, đức Phật dạy “*thế gian có ba pháp không thể yếu, không trong sạch, không thể muốn, không vừa ý. Ba pháp là gì? Là già, bệnh, chết. Nay các Tỷ kheo, nếu trong thế gian không già, bệnh, chết thì Như Lai ứng chánh đẳng giác không xuất hiện ra đời vì các chúng sanh nói pháp để chứng và cách điều phục.*”
- 4) Ba pháp ấn (ba dấu ấn nền tảng) của giáo lý Phật là Vô thường, Khổ và Vô ngã. Giáo lý nào được cho là Phật nói mà không y cứ nơi ba pháp ấn này thì cần nghiệm xét lại.
- 5) Sinh, trụ, di, diệt: bốn tướng trạng vô thường của thân tâm. Thành, trụ, hoại, không: bốn tướng trạng vô thường của thế giới.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Thành phố Wichita chứng kiến sự tăng trưởng phi thường về dân số theo đạo Phật

Thành phố Wichita, Kansas, với dân số 393,000 người, là nơi có số lượng Phật tử ngày càng tăng qua sự nhập cư từ một số nước châu Á và sự bùng nổ quan tâm của người dân địa phương. Thành phố này hiện có hơn 12 tăng đoàn Phật giáo, theo giáo sư tôn giáo Gordon Melton của Đại học Baylor, người thu thập dữ liệu cho một cuộc điều tra dân số tôn giáo quốc gia Hoa Kỳ.

Ở Wichita, một số cộng đồng Phật giáo được xây dựng xung quanh những người nhập cư từ các quốc gia cụ thể. Chùa Pháp Hoa là một trong số đó. Được thành lập lần đầu tiên bởi những người nhập cư Việt Nam vào những năm 1980, ngày nay chùa này có nhiều thể hệ người Mỹ gốc Việt tổ chức các lễ hội văn hóa và ngày lễ Phật giáo.

Bên kia thành phố, ngôi chùa của người Lào cũng đang phát triển: một thiền đường mới vừa được khai trương trong tháng 9 này.

Khoảng 10 năm trước, cộng đồng người Lào bắt đầu chứng kiến sự phát triển đáng chú ý khi một số tu sĩ đến Wichita để hướng dẫn họ.

Tại những nơi khác ở Wichita là Trung tâm Thiền Kansas, được thành lập vào năm 2012 bởi tu sĩ người Tích Lan Bhante Ratana. Ngoài công việc của mình với những người Tích Lan trong thành phố, Ratana còn nhận thấy tiềm năng tiếp cận những người không theo đạo Phật.

Ngoài ra còn có các Tăng đoàn Thiền tông và Tây Tạng, cũng như một cộng đồng tín đồ của cõ Thích

Nhất Hạnh và những Tăng đoàn khác.
(Buddhistdoor Global - September 12, 2023)



Chùa Pháp Hoa của người Việt (ảnh trên) và Trung tâm Thiền Kansas của Tích Lan tại Wichita



Photos: kmuw.org

ANH QUỐC: Phật giáo và Vật lý lượng tử: Khoa học & Trí tuệ TRỰC TIẾP ra mắt chương trình học trực tuyến mới

Khoa học & Trí tuệ TRỰC TIẾP (Science & Wisdom LIVE), một dự án của Trung tâm Phật giáo Jamyang Luân Đôn, đã công bố ra mắt chương trình học trực tuyến mới có tên 'Phật giáo & Vật lý lượng tử'. Khóa học trực tuyến này tập trung vào sự giao thoa giữa triết học Phật giáo và khoa học như một phương tiện để phân tích tâm trí và điều tra bản chất của thực tại và bản ngã.

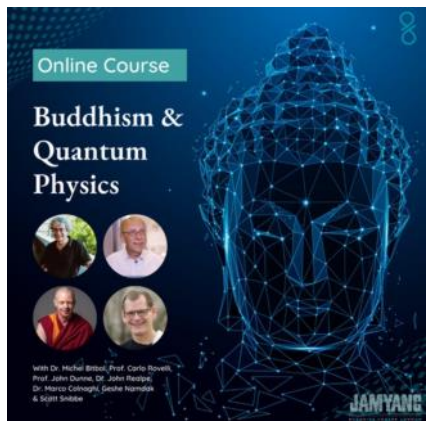
Khóa học nhằm mục đích giúp sinh viên phát triển sự hiểu biết sâu sắc hơn về mối liên hệ giữa khoa học

và tâm linh bằng cách tìm hiểu bản chất của thực tế, tâm trí và bản thân. Kết quả bao gồm việc giúp các học viên đào sâu và làm phong phú thêm việc thực hành thiền định của họ, nâng cao chánh niệm và hạnh phúc.

Phật giáo & Vật lý lượng tử dành cho tất cả sinh viên tương lai; không cần có kiến thức trước đây về Phật giáo hay vật lý lượng tử. Khóa học hướng dẫn sinh viên thông qua một loạt các nguyên tắc, lý thuyết và ứng dụng thực tế sâu sắc.

Trung tâm Phật giáo Jamyang Luân Đôn được thành lập vào năm 1978 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và thực hành Phật giáo Tây Tạng. Trung tâm cũng liên kết với Hội Bảo tồn Truyền thống Đại thừa (FPMT) dưới sự chỉ đạo tâm linh của Lạt ma Zopa Rinpoche, và cung cấp một chương trình giảng dạy có cấu trúc gồm các khóa học và lớp học về triết học và thực hành Phật giáo.

(Buddhistdoor Global - September 8, 2023)



Poster của chương trình 'Phật giáo và Vật lý lượng tử' với ảnh của các diễn giả
Photo: Science & Wisdom LIVE

HÀN QUỐC: Phiên âm văn bản Phật giáo thời Goryeo hồi hương từ Nhật Bản

Một bản chép lại kinh Phật được viết bằng vàng trên giấy nhuộm chàm từ thời Goryeo đã được Nhật Bản trao trả về Hàn Quốc, Cơ quan Quản lý Di sản Văn hóa (CHA) cho biết hôm thứ Năm 15-6-2023.

Bản thảo này là Tập 6 của "Saddharmapundarika Sutra" - còn được gọi là "Kinh Pháp Hoa", được làm bằng giấy nhuộm chàm theo dạng xếp nếp, và bìa trước của nó được trang trí với họa tiết bốn hoa sen có dây leo được vẽ bằng vàng và bạc.

Những đường nét vàng tinh tế và dày đặc cho thấy bản thảo lỏng lẻo này được sản xuất vào thời kỳ cuối của Vương quốc Goryeo 918-1392, theo CHA.

Không rõ hiện vật này đã được đưa ra khỏi đất nước như thế nào, theo CHA. Cơ quan này cho biết chủ sở hữu trước đó, là người Nhật, đã mua tập kinh từ một cuộc đấu giá tư nhân vào năm 2012 và bày tỏ ý định bán nó cho Quỹ Di sản Văn hóa Hàn Quốc ở nước ngoài vào tháng 6-2022. Sau nhiều vòng điều tra và đàm phán chuyên sâu, chính phủ đã hồi hương thành công nó vào tháng 3.

Văn bản của tập kinh được viết trên 108 trang theo định dạng 6 dòng dọc mỗi trang với 17 Hán tự trên mỗi dòng.

(The Korea Times - September 14, 2023)



*Tập 6 của "Kinh Saddharmapundarika", còn được gọi là "Kinh Pháp Hoa", được trưng bày tại Bảo tàng Cung điện Quốc gia Hàn Quốc
Photo: CHA*

TÂN CƯƠNG: Hang động Phật giáo Kizil: Di tích quý giá của đất nước Kucha cổ đại

Nằm trên bờ phía bắc của sông Muzal, Hang động Kizil ở huyện Baicheng (thuộc Khu tự

trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương) là một quần thể lớn hang động Phật giáo đục cắt từ đá được xây dựng từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 9. Màu sắc của đá tạo nên tên gọi cho hang động này - "kizil" có nghĩa là màu đỏ trong tiếng Duy Ngô Nhĩ.

Các bức bích họa và tác phẩm điêu khắc đầy màu sắc rộng 10,000 m2 trong khu phức hợp kiệt lộ lịch sử Phật giáo vốn lan truyền về phía đông từ các khu vực phía tây của Trung Hoa, và thường được xem là di tích văn hóa tiêu biểu của vương quốc Kucha cổ đại.

Được biết đến là một trong "Tứ Đại Hang động" của Trung Hoa, Hang động Kizil là một phần của Di sản Thế giới rộng lớn được UNESCO công nhận năm 2014, gọi là "Con đường Tơ lụa: Mạng lưới các Tuyến đường của Hành lang Trường An-Thiên Sơn."

(NewsNow - October 16, 2023)



Hang động Kizil nằm ở bờ phía bắc của sông Muzal, thuộc huyện Baicheng, Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương



*Một số bức tranh tường Phật giáo đầy màu sắc tại Hang động Kizil ở Tân Cương
Photos: IC & Shutterstock*

NHẬT BẢN: Hai tấm vải bàn thờ Phật giáo có từ nhiều thế kỷ trước được phục chế và ra mắt tại chùa Kodaiji ở Kyoto

KYOTO - Một cặp khăn trải bàn thờ Phật nhuộm màu có thể là thuộc niên đại từ cuối thế kỷ 16 đã được phục hồi và gần đây đã ra mắt báo chí tại Chùa Kodaiji ở Kyoto.

Những tấm vải này, được gọi là "uchishiki", là những vật dụng trang trí trải trên bàn trước tượng Phật, nơi đặt các dụng cụ dùng trong nghi lễ.

Kể từ năm 2018, ngôi chùa Kodaiji đã phục chế 12 chiếc uchishiki mà mình sở hữu và hiện đã sửa xong 8 chiếc trong số đó.

*Hai tấm vải bàn thờ Phật giáo được phục chế tại chùa Kodaiji ở Kyoto
Photo: The Yomiuri Shimbun*



Những tấm vải được khôi phục gần đây nhất có kích thước 1.7 và 1.3 m2. Chúng được dệt bằng kỹ thuật gọi là "karaori", tạo ra hoa và các họa tiết khác bằng những sợi chỉ có màu sắc rực rỡ.

Quá trình khôi phục kéo dài một năm, bao gồm việc gia cố các phần bị hư hỏng bằng chỉ mới.

(tipitaka.net - October 19, 2023)

MIẾN ĐIỆN: Lễ hội chùa Phaung Daw Oo trở lại mang theo niềm vui và nỗi buồn

Ngày 19-10-2023, hàng ngàn Phật tử đã xuống thuyền trên Hồ Inle nổi tiếng của Miến Điện để chào mừng sự trở lại của một trong những lễ hội lớn nhất đất nước, nhưng niềm vui của những người sùng đạo lại bị đan xen với nỗi buồn chiến tranh.

Lễ hội chùa Phaung Daw Oo kéo dài 17 ngày chứng kiến 4 bức tượng Phật linh thiêng được đặt trên một chiếc xà lan vàng và chèo qua những ngôi làng nằm rải rác trên bờ của điểm nóng du lịch ở phía đông bang Shan.

Đại dịch coronavirus và sau đó là cuộc đảo chính năm 2021 của quân đội đã hủy bỏ 3 phiên bản trước của lễ hội, từ chối cơ hội chiêm bái các bức tượng và làm công đức của người dân địa phương.

Vào sáng ngày 19 tháng 10 năm nay, chiếc xà lan vàng lướt qua làn nước mát lạnh, được kéo bởi những chiếc thuyền dài bằng gỗ bóng loáng. Theo sau là hàng chục chiếc thuyền chở đầy người cúng bái.



Tín đồ chèo xà lan vàng chở 4 tượng Phật linh thiêng trong lễ hội chùa Phaung Daw Oo ở Miến Điện

ẤN ĐỘ: Liên đoàn Phật giáo Quốc tế tổ chức Lễ kỷ niệm và Hội nghị Abhidhamma với Đại học Phật cổ Đàm

Liên đoàn Phật giáo Quốc tế (IBC) đang hợp tác với Đại học Phật giáo Cổ Đàm (GBU) để kỷ niệm ngày Divas Abhidhamma Quốc tế, thường được gọi là Ngày Abhidhamma.

Sự kiện tốt lành nói trên dự kiến diễn ra vào ngày trăng tròn của Sharada Purnima, năm nay rơi vào ngày 28 tháng 10 âm lịch, tại cơ sở GBU ở Greater Noida, Uttar Pradesh.

Hội nghị quốc tế này có tiêu đề "Các giáo lý của Phật pháp và Hạnh phúc toàn cầu: Bản chất, Ý nghĩa và Khả năng ứng dụng" và sẽ được tổ chức từ ngày 28 đến ngày 30 tháng 10 âm lịch.

Lễ kỷ niệm năm nay có ý nghĩa đặc biệt vì trùng với dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Tiến sĩ Satya

Narayan Goenka, người được mọi người biết đến với cái tên "Vipassana Acarya", đã đưa thiền chánh niệm đến phương Tây. Hội nghị và lễ kỷ niệm hứa hẹn sẽ là một nền tảng cho "các cuộc thảo luận, suy ngẫm sâu sắc và khám phá giáo lý Phật giáo nhằm cải thiện hạnh phúc toàn cầu".

(Buddhistdoor Global - October 20, 2023)



*Đại học Phật giáo Cổ Đàm (GBU)
Photo: zollege.in*



Các thuyền kéo xà lan và chở tín đồ dự lễ hội Phaung Daw Oo

Photos: AFP



KHI HẬU XỨ HOA KỲ - 2023

Ba tháng hè khí trời oi bức,
Ao hồ khô cạn nước... còn bùn,
Gió lùa qua mặt da sạm rât...
Hơi thở phều phào, thấy mà không.

Thu đã về lá đỏ muôn chiều,
Nắng còn theo dõi, nóng vươn theo,
Cỏ cây khô héo, đất nứt nẻ,
Tưới nước bao nhiêu, khô bấy nhiêu!

Trái lại miền đông xứ Hoa Kỳ,
Mưa rơi nặng hạt, gió rừ rì,
Phố phường ngập lụt khó đi lại,
Xe cộ nằm đường khổ như ri...

Lửa cháy nơi này, nơi kia lụt...
Hoa Kỳ đất rộng nên khác nhau,
Vùng thì nứt nẻ, vùng lây lội...
Chính phủ rồi bởi biết tính sao?

Nghịch đến chúng sanh đều gánh chịu,
Do vì không biết để tu hành,
Phải tin như quả thì mới thoát,
Tránh khỏi thiên tai với chiến tranh...

Ngàn xưa Đức Phật đã dạy rồi,
Mê muội, chúng sanh sống lồi thối,
Nhơn quả không tin, sao khỏi khổ?
Chạy đâu cho thoát... cảnh luân hồi?

Muốn cho cuộc sống yên vui,
Tu như tích đức để rồi tiến tu.
Cuộc đời như đám sương mù,
Khéo tu thì sáng, vụng tu đen ngòm.

Không nên la lối om sòm,
Tự mình củ soát mới mong an lành.
Quả như đã rõ rành rành,
Ai ơi vâng giữ, đừng khinh nhờn mà...

Làm sao vượt khỏi ái hà,
Làm sao giải thoát đến bờ Tây phương?
Giờ thì thấu rõ nguồn cơn,
Nhất tâm tu niệm tìm nguồn an vui!

Trọng thu Quý Mão
– Oct. 10th, 2023

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

NHỮNG YẾU ĐIỂM CỦA TƯ TƯỞNG DUY THỨC

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

V.- PHƯƠNG PHÁP TU TẬP DUY THỨC QUÁN

Phương pháp tu tập của Duy Thức Quán là phương pháp chuyển hóa vọng tâm thành chân tâm, chuyển hóa tám thức thành bốn trí, chuyển hóa pháp tướng thành pháp tánh, chuyển hóa phiền não thành bồ đề, chuyển hóa cảnh giới ô trược sanh tử thành cảnh giới niết bàn tịch tịnh. Phương pháp tu tập của Duy Thức Quán gồm có: năm cấp bậc tu tập quán chiếu của Duy Thức, gọi là Ngũ Vị Duy Thức Quán. Năm cấp bậc tu tập quán chiếu của Duy Thức là thuộc về Duy Thức Hạnh (Thật hành pháp quán Duy Thức), nhằm mục đích để được chứng quả Duy Thức Tánh. Năm cấp bậc tu tập quán chiếu của Duy Thức gồm có: cấp bậc tư lương, cấp bậc gia hạnh, cấp bậc thông đạt, cấp bậc tu tập và cấp bậc cứu cánh.

1)- Cấp Bậc Tư Lương (Tư Lương Vị)

Tư Lương nghĩa là những hành trang cần thiết trên con đường tu tập Duy Thức Quán. Những hành trang cần thiết của cấp bậc tư lương trợ giúp cho hành giả tu tập để chuyển được Tư Chứng Phần Ý Thức thứ sáu thành trí tuệ hữu phân biệt. Muốn chuyển Tư Chứng Phần Ý Thức thứ sáu thành trí tuệ hữu phân biệt, hành giả trước hết phải tu tập 30 ngôi vị Bồ Tát Hạnh. 30 ngôi vị Bồ Tát Hạnh này là phương pháp tu tập nhằm mục đích khai triển nơi tâm của hành giả ba năng lực thù thắng. Ba năng lực thù thắng gồm có: Tâm lực đa văn thù thắng, Tâm lực quyết trạch thù thắng và Tâm lực chư thiện căn thù thắng.

*)- Tâm Lực Đa Văn Thù Thắng, nghĩa là tâm mình có năng lực hiểu biết một cách thù thắng về nơi sự nghe thấy.

*)- Tâm lực quyết trạch thù thắng, nghĩa là tâm mình có năng lực tuyền chọn tánh chất, giá trị và ý nghĩa chân vọng, thiện ác, phải quấy, đúng sai của các pháp một cách thù thắng.

*)- Tâm lực chư thiện căn thù thắng, nghĩa là tâm mình có năng lực thù thắng về nguồn gốc các pháp lành của phước đức và trí tuệ.

Hành giả hành trì mãi 30 ngôi vị Bồ Tát Hạnh

cho được thuần thực, nghĩa là hành trì đến khi nào được thâm nhập vào tâm (nhập tâm) và an trụ được trong tâm của mình (trụ tâm) thì lúc đó ba năng lực thù thắng nơi tâm thức của mình sẽ xuất hiện. Lúc bấy giờ hành giả sử dụng ba năng lực thù thắng đã đạt được quán chiếu Tư Tướng và Dụng của Duy Thức để chuyển Tư Chứng Phần Ý Thức thứ sáu thành trí tuệ hữu phân biệt nhằm mục đích tín giải lý Duy Thức, phát tâm Đại Bồ Đề và bồi dưỡng Pháp Thân Như Lai..

30 Ngôi Vị Bồ Tát Hạnh: 10 Trụ, 10 Hạnh và 10 Hồi Hưởng.

A)- Mười Ngôi Vị Trụ (Thập Trụ):

căn cứ nơi lực độ vạn hạnh sở dĩ được thành lập nhằm mục đích an trụ được tâm. Điều đáng chú ý 10 Trụ đều được xây dựng trên 10 Tín Tâm gọi là Thập Tín Vị. 10 Trụ gồm có:

- Sơ Phát Tâm Trụ: nghĩa là đầu tiên phát khởi đại tâm tu 10 Tín Hạnh:

a)- Tín Tâm: nghĩa là phải đem

tín tâm phụng sự Tam Bảo.

b)- Tinh Tấn Tâm: nghĩa là phải đem tâm tinh

thần tu tập các thiện căn không cho gián đoạn.

c)- Niệm Tâm: nghĩa là phải thường xuyên niệm Tam Bảo, niệm Lục Đạo Vạn Hạnh, niệm Vô Thượng Bồ Đề không cho xao lãng.

d)- Định Tâm: nghĩa là phải thường buộc tâm mình an trụ nơi sự tướng và nghĩa lý của Phật Pháp một cách tự tại và xa lìa hỷ ý, tưởng phân biệt về tất cả pháp giả dối, thô tục của thế gian.

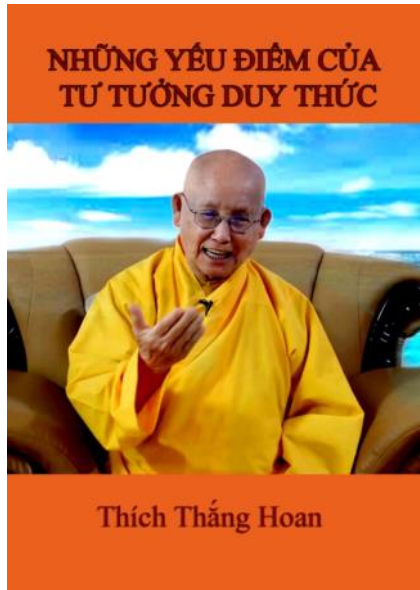
e)- Huệ Tâm: nghĩa là phải nên quán sát, xét đoán, cân nhắc một cách kỹ lưỡng về nghĩa lý tột cùng của vạn pháp để nhận chân được tự tánh vốn không, tĩnh lặng, vô ngã, vô nhân của muôn pháp.

g)- Giới Tâm: nghĩa là phải giữ gìn Tam Tự Tịnh Giới cho được thanh tịnh, không được thiếu khuyết.

h)- Hồi Hưởng Tâm: nghĩa là đem tâm nguyện của mình luôn luôn hướng về trên cầu Vô Thượng Bồ Đề và dưới cầu cứu độ tất cả chúng sanh.

i)- Hộ Pháp Tâm: nghĩa là đề phòng và bảo hộ bản tâm của mình không cho nó phát khởi phiền não. Muốn bảo hộ bản tâm của mình, hành giả phải:

* Tu tập Mặc Hộ (giữ gìn sự tĩnh lặng),



* Tu tập Trí Hộ (bảo hộ trí tuệ),
* Tu tập Túc Tâm Hộ (giữ gìn tâm niệm đã dứt các phiền não)

Ngoài ra còn phải giữ gìn năm Chúng Hạnh:

- *- Thọ trì Kinh Pháp
- *- Đọc tụng Kinh Điển
- *- Giảng giải Kinh Luận
- *- Thuyết Pháp Kinh Luận
- *- Viết Sách Phật Pháp.

k)- Xả Tâm: nghĩa là phải xả bỏ tâm niệm yêu tiếc sanh mạng và tài sản của mình. Hành giả nếu như đã được tài sản và thân mạng thì có thể bỏ thí xả bỏ khi cần đến mà không khởi tâm luyến tiếc hay hối tiếc.

l)- Nguyện Tâm: nghĩa là phải đem tâm nguyện tu tập Tứ Hoằng Thệ Nguyện cho được viên thành. Tứ Hoằng Thệ Nguyện gồm có:

* Chúng sanh không bờ mé thệ nguyện đều độ khắp.

* Phiền não không cùng tận thệ nguyện đều dứt sạch.

* Pháp môn không kể xiết thệ nguyện đều tu học.

* Phật đạo không gì hơn thệ nguyện được viên thành.

2)- Trì Địa Trụ: nghĩa là an trụ vào nơi sự hành trì, giữ gìn ba nghiệp thanh tịnh trong sáng như lưu ly (tâm không), phát huy tâm từ bi làm lợi ích đến tất cả loài hữu tình, khiến cho các công đức được sanh trưởng, cũng giống như đại địa có thể sanh vạn vật.

3)- Tu Hành Trụ: nghĩa là an trụ vào nơi sự tu hành, chuyên trì quán chiếu thù thắng về lý tánh vạn pháp, phát khởi diệu hạnh lục độ đi du hành khắp nơi để hóa độ chúng sanh.

4)- Sanh Quý Trụ: nghĩa là nhờ diệu hạnh của Tu Hành Trụ kết hợp được diệu lý nơi nội tâm, nương nơi các pháp của thánh hiền làm nhân duyên tu tập phát sanh được hạt giống cao quý của Phật Tánh.

5)- Phương Tiện Cự Túc Trụ: nghĩa là an trụ vào những thiện căn đã tu tập được đi tế độ quần sanh làm lợi ích cho mình và cho người.

6)- Chánh Tâm Trụ: nghĩa là an trụ vào bản tâm chân chánh, tức là định tâm bất động giúp cho Bát Nhã thứ sáu của Trí Diệu Quan Sát sớm thành tựu viên mãn.

7)- Bất Thối Trụ: nghĩa là an trụ vào nơi chỗ nghe pháp thâm sâu tâm kiên cố không còn thối chuyển, tức là hành giả ngộ nhập được không giới vô sanh thuộc vô tướng của tánh không chân như.

8)- Đồng Chơn Trụ: Đồng Chơn là non trẻ và trong sạch. Đồng Chơn Trụ nghĩa là an trụ vào thời kỳ thanh tịnh trong trắng của bản tâm, không cho tâm niệm phát khởi chút điên đảo mê tưởng, không cho dấy niệm tà ma ngoại đạo đi phá hoại hạt giống bồ đề.

9)- Pháp Vương Tử Trụ: nghĩa là an trụ vào địa vị con của Phật (Pháp Vương Tử). Hành giả ở ngôi vị này đã phát sanh được trí tuệ từ nơi giáo pháp cao quý của Phật (Pháp Vương), tỏ ngộ được chân đế và tục đế của vạn pháp, xứng đáng là trưởng tử của Phật, đồng thời có bốn phận đem ngôi vị của Phật truyền bá càng thêm rộng lớn.

10)- Quán Đảnh Trụ: nghĩa là một vị Bồ Tát đã an trụ được ngôi vị này trở thành con của Phật, đầy đủ ba biệt tướng:

* Có Trí tuệ thấu hiểu tường tận và rành mạch tất cả pháp.



* Đạt được cảnh giới màu nhiệm của Phật.

* Đủ khả năng thi hành Phật sự rộng độ chúng sanh.

B)- Mười Ngôi Vị Hạnh (Thập Hạnh):

nghĩa là mười phương pháp tu hành về công hạnh lợi tha của Bồ Tát. Đây là hành trang trên con đường độ tha của Bồ Tát. Ở ngôi vị này, Bồ Tát thật hành hạnh Lục Độ lần lần đạt đến thù thắng. Mười Hạnh gồm có:

1)- Hoan Hỷ Hạnh: nghĩa là Bồ Tát với hạnh nguyện hoan hỷ trên mưu cầu Phật Đạo dưới thương tưởng đến hữu tình, tận dụng diệu đức của Phật để tùy thuận hóa độ chúng sanh trong mười phương.

2)- Nhiều Ích Hạnh: nghĩa là Bồ Tát dùng mọi phương tiện khéo léo làm lợi ích cho chúng sanh và khiến cho chúng sanh không bị mặc cảm trong sự thọ nhận lợi ích.

3)- Vô Sân Hận Hạnh: nghĩa là Bồ Tát luôn luôn thể hiện hạnh nhẫn nhục với mọi công việc, tức là không bao giờ tỏ thái độ giận tức trước bất cứ nghịch cảnh nào và luôn luôn tỏ thể hiện đức khiêm cung với mọi người, không bao giờ có ý làm tổn hại đến ai cả.

4)- Vô Tận Hạnh: nghĩa là Bồ Tát phải phát tâm đại tinh tấn tận nguyện độ tất cả chúng sanh không cùng tận. Trên con đường độ sanh, Bồ Tát không chút giải đãi, không chút chùn bước trước mọi khó khăn đưa đến.

5)- Ly Si Loạn Hạnh: (lìa si mê loạn tâm) nghĩa là Bồ Tát phải thường an trụ chánh niệm nơi pháp thế gian và xuất thế gian không cho tâm bị tán loạn. Bồ Tát đối với tất cả pháp môn đều thông minh sáng suốt, cho đến đối với vấn đề nhập thai, trụ thai và xuất thai không có chút si mê loạn tâm.

6)- Thiện Hiện Hạnh: (khéo thật hành công

hạnh hiện tại), nghĩa là Bồ Tát đã thanh tịnh được ba nghiệp, rõ thấu được gốc rễ của các pháp hữu vi và vô vi, cho nên không bị ràng buộc, không bị chấp trước một pháp nào cả, nhưng vẫn không bỏ công hạnh giáo hóa chúng sanh.

7)- Vô Trước Hạnh: là công hạnh không nhiệm trước. Bồ Tát ở hạnh này thường cúng dường chư Phật để cầu pháp không nhàm chán.

Bồ Tát đối với những pháp môn đã cầu học cũng thường dùng trí tuệ quán chiếu để nhận chân và không bao giờ khởi tâm nhiệm trước một pháp môn nào cả.

8)- Tôn Trọng Hạnh: nghĩa là Bồ Tát phải tôn trọng các pháp thuộc thiện căn phước đức và các pháp thuộc trí tuệ giác ngộ, nguyên vì hai pháp nói trên có thể thành tựu được vô lượng công đức an lạc và giải thoát. Bồ Tát tôn trọng hai pháp nói trên bằng cách cần phải tiến tu hai hạnh: tự lợi và lợi tha cho được viên mãn.

9)- Thiện Pháp Hạnh: nghĩa là Bồ Tát phải hoàn thành được bốn pháp môn vô ngại đà la ni của thiện pháp độ tha để bảo hộ chánh pháp và khiến hạt giống Phật không bị diệt mầm. Bốn pháp môn vô ngại đà la ni gồm có:

a)- Pháp Vô Ngại: nghĩa là tất cả pháp đều thông suốt.

b)- Nghĩa Vô Ngại: nghĩa là tất cả nghĩa lý đều sáng tỏ.

c)- Từ Vô Ngại: nghĩa là trình bày rất mạch lạc và văn pháp rất rõ ràng dễ hiểu.

d)- Nhạo Thuyết Vô Ngại: nghĩa là thuyết pháp mãi không bao giờ hết ý và hết lời.

10)- Chân Thật Hạnh: nghĩa là thành tựu ngôn ngữ Đệ Nhất Nghĩa Đế, nghĩa là Bồ Tát phải thật hành đúng như lời nói và lời nói đúng như thật hành, lời nói phải đi đôi với việc làm, cho đến sắc và tâm cũng phải hòa thuận tương đắc lẫn nhau, nên gọi là chân thật hạnh.

C)- Mười Ngôi Vị Hồi Hưởng: Hồi Hưởng nghĩa là dùng tâm đại bi để cứu độ tất cả chúng sanh. Mười ngôi vị hồi hướng gồm có:

1)- Cứu Hộ Nhứt Thiết Chúng Sanh Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hưởng: Hồi Hưởng là hướng về; Ly Chúng Sanh Tướng là xa lìa danh tướng chúng sanh, nghĩa là không phân biệt chấp trước kẻ oán người thân. Cứu Hộ Nhứt Thiết Chúng Sanh Ly Chúng Sanh Tướng nghĩa là hướng về sự xa lìa danh tướng chúng sanh để cứu hộ tất cả chúng sanh. Một vị Bồ Tát cứu hộ tất cả chúng sanh trong tinh thần bình đẳng vô tướng, không phân biệt chấp trước kẻ oán người thân. Bồ Tát ở ngôi vị này là áp dụng phương châm Sáu Pháp Ba La Mật và Bốn Nhiếp Pháp để cứu hộ tất cả chúng sanh. Sáu Pháp Ba Mật gồm có:

- Bố thí ba la mật
- Trì giới ba la mật
- Tinh tấn ba la mật
- Nhẫn nhục ba la mật
- Thiền định ba la mật
- Trí tuệ ba la mật.

Bốn Nhiếp Pháp nghĩa là bốn phương pháp dùng để cảm hóa chúng sanh. Bốn nhiếp pháp gồm có:

- Bố thí: nghĩa là dùng phương tiện bố thí để cảm hóa chúng sanh.
- Ái ngữ: nghĩa là dùng lời nói dịu dàng thương yêu để cảm hóa chúng sanh.
- Lợi hành: nghĩa là làm những việc lợi ích để cảm hóa chúng sanh.

d)- Đồng sự: nghĩa là cùng làm chung một nghề nghiệp để cảm hóa chúng sanh.

2)- Bất Hoại Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về sự không hư hoại. Bồ Tát ở ngôi vị này đã không làm mất tín tâm đối với Tam Bảo và còn hướng về thiện căn nơi đức tin Tam Bảo để giáo hóa và khiến cho chúng sanh được nhiều lợi lạc.

3)- Đẳng Nhứt Thiết Phật Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về những công hạnh mà chư Phật ba đời đã làm. Bồ Tát ở ngôi vị này theo gương chư Phật ba đời, bi trí song hành, không nhiệm trước sanh tử, không rời bỏ đề một bước để tu tập.

4)- Chí Nhứt Thiết Xứ Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về khắp tất cả chỗ. Bồ Tát ở ngôi vị này đem bao nhiêu thiện căn đã tu tập được hướng về khắp tất cả Tam Bảo và đến tất cả chúng sanh để cúng dường những lợi ích.

5)- Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về kho tàng công đức vô cùng tận. Bồ Tát ở ngôi vị này hướng về tất cả thiện căn không cùng tận đã tu tập được tùy hỷ đem ra phụng sự Phật Pháp.

6)- Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về thiện căn để tùy thuận một cách bình đẳng. Bồ Tát ở ngôi vị này vì chư Phật trong mười phương nên hướng về thiện căn đã tu tập được đi bảo vệ chúng sanh một cách bình đẳng và khiến họ thành tựu kiên cố những thiện căn nói trên.

7)- Tùy Thuận Đẳng Quán Nhứt Thiết Chúng Sanh Hồi Hưởng: nghĩa là tùy thuận hết thảy thiện căn đã tu tập được để hướng về quán chiếu tất cả chúng sanh. Bồ Tát ở ngôi vị này làm tăng trưởng hết thảy thiện căn để hướng về làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

8)- Như Tướng Chân Như: Bồ Tát ở ngôi vị này đã thành tựu chánh niệm chánh trí, an trụ bất động, không trái với chánh pháp bình đẳng hướng về hòa hợp với tướng chân như Phật tánh.

9)- Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về sự giải thoát không bị trói buộc và không chấp trước. Bồ Tát ở ngôi vị này nhờ hướng về các thiện pháp để thật hành hạnh nguyện Phổ Hiền, thành tựu những hạt giống công đức, cho nên không còn bị trói buộc, không còn chấp trước tất cả pháp.

10)- Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hưởng: nghĩa là hướng về vô lượng pháp giới. Bồ Tát ở ngôi vị này đem tất cả thiện căn không cùng tận đã tu tập được hướng về nguyện cầu cho vô lượng thế giới sai biệt đều được hết thảy công đức.

(còn tiếp)



KAPPA, TÊN CƯỚP

THIÊN SƯ BANKEI

Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch

Lúc tôi còn trẻ, có một kẻ cướp tên gọi là Kappa, chuyên cướp giết tiền của người đi đường. Anh ta có biệt tài về cướp bóc. Mỗi khi trông thấy một người nào trên đường, anh ta có thể biết đúng số tiền người ấy mang theo, không bao giờ sai một tơ tóc. Đây quả là một tên cướp ghê gớm. Tuy thế một hôm anh ta bị tóm, và ở tù dài hạn trong nhà lao ở Osaka. Nhiều năm trôi qua, và vì anh ta là một tên trộm tài danh, nên được cái lợi thay vì bị hành quyết, anh ta được làm người điếm chỉ cho cảnh sát. Một thời gian sau, anh ta lại còn được phóng thích. Khi được tự do, anh học nghề tạc tượng Phật, và lại trở thành một nhà chuyên môn tạc tượng Phật, lập nghiệp ở Osaka. Hoàn toàn đổi bỏ tâm lý tệ ác ngày trước, anh ta chuyên chú vào việc tu hành để giải thoát, và vào những ngày cuối đời anh chuyên thực hành pháp môn niệm Phật.

Vậy, ngay một tên cướp khét tiếng như Kappa một khi đã sửa đổi cũng thành người thánh thiện. Ở đây các bạn có thể tìm thấy một người nào trộm cướp bởi vì cái nghiệp của họ sâu dày và tội lỗi đã quá nặng? Trộm cướp chính là nghiệp, trộm cướp chính là tội lỗi. Nếu không có sự trộm cướp thì cái tội và cái nghiệp trộm cướp không thể có. Bạn có trộm cướp hay không là tùy thuộc vào trạng thái tâm của bạn trong hiện tại, chứ không phải vào cái nghiệp của bạn trong quá khứ. Và điều tôi đang nói đây không chỉ liên hệ đến việc trộm cướp, mà nói chung tất cả những si mê lầm lạc đều như thế cả. Bạn có si mê hay không si mê là tùy thuộc vào trạng thái hiện tại của tâm bạn. Khi si mê thì bạn là một chúng sinh, khi không si mê thì bạn là Phật. Không có con đường tắt đặc biệt nào để thành Phật ngoài con đường này. Có phải vậy không? Thế thì mọi người hãy thực chứng điều này một cách rất rõ.

(Trích *Tâm Bất Sinh* của Thiền sư Bankei, Ni sư Thích Nữ Trí Hải dịch)



NHU CẦU CỦA CON NGƯỜI

HT. Thích Thái Hòa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Những nhu cầu của con người sinh học thì giản dị, khi đói chỉ mong được ăn, khi khát mong được uống, khi mệt mong được nằm, khi bệnh mong được trị liệu, khi mưa nắng mong được có nhà cửa che thân, khi muốn học hành có thầy cô giáo và trường lớp, khi bị áp bức thì có khí cụ hay pháp luật bảo vệ. Những nhu cầu của con người sinh học như vậy đã trải qua hàng ngàn thế kỷ mà chưa có một chính quyền hay một thể chế xã hội văn minh nào có thể đáp ứng đầy đủ.

Xã hội ngày nay với văn minh khoa học tân kỳ con người đã chinh phục được mặt trăng, khám phá được nhiều thiên thể trong vũ trụ, khám phá và khai quật những hầm mỏ nằm sâu tận lòng đất, đã sử dụng Internet để siêu tốc hóa mọi thông tin toàn cầu chỉ trong nháy mắt, biết đưa toàn bộ sinh hoạt của toàn thể thế giới thu hẹp trong một màn hình nhỏ, biết nhìn các thiên hà xa xôi qua viễn vọng kính Hubble và đã biết sử dụng máy gia tốc hạt cơ bản để giải quyết những nhu cầu sống của con người. Tuy vậy, nhưng hiện nay vẫn không giải quyết nổi những nhu cầu sinh học thực tế của con người xã hội.

Những đói nghèo, bệnh tật, thất nghiệp và bị áp lực bởi những công việc không những đã đè nặng mà còn khủng bố lên mọi sinh hoạt của con người.

Đối với những nhu cầu của con người sinh học mà không có bất cứ tổ chức xã hội nào có thể đáp ứng nổi huống là những nhu cầu của con người tâm học.

Nhu cầu của con người tâm học là nhu cầu về cảm giác, nhu cầu về tri giác, nhu cầu về tư duy và nhận thức, với những nhu cầu ấy không có một nền văn minh khoa học tân kỳ nào có thể đáp ứng nổi.

Khởi đầu sự sống của con người là nhu cầu được ăn, nhưng khi đã có ăn, thì nhu cầu của con người không phải chỉ là ăn mà ăn ngon; khi con người đã có mặc thì không còn nhu cầu mặc mà mặc đẹp; khi đã có nhà ở, thì không còn nhu cầu nhà ở theo kiểu sinh học mà nhu cầu nhà ở đẹp và tiện nghi tân kỳ; khi con người đã biết đọc, biết viết, thì không còn nhu cầu đọc và viết mà nhu cầu sáng tác văn học, nghệ thuật để diễn tả nhận thức và tư tưởng của mình đối với những cảm nhận cuộc sống một cách sâu xa và tế nhị.

Như vậy, đối với những nhu cầu sinh học của con người không có một nền văn minh khoa học nào có thể đáp ứng, huống là những nhu cầu tâm học.

Những nhà xã hội học xưa và nay thật ngây thơ đối với con người, khi họ nhận thức rằng, con người chỉ là những con vật cao cấp và có thể dùng thước đo khoa học để có thể đo được những nhu cầu tâm sinh học của nó. Và có thể đáp ứng cho nó một số điều kiện vật chất là nó có thể thỏa

mãn, từ đó làm nảy sinh chủ nghĩa thực dụng.

Thực dụng thì lúc nào và ở đâu tự nó vẫn là hữu hạn. Nhu cầu của người là vô hạn, ngay cả con người sinh học. Vì con người sinh học được tạo nên từ con người tâm học. Nhu cầu của người tâm học đã vô hạn, tự nó kéo theo những nhu cầu vô hạn của con người sinh học vậy.

Nhu cầu của con người tâm học không hề dừng lại ở nơi cơn áo, gạo tiền mà nó tiến rất xa về những nhu cầu hiểu biết. Trước hết nó muốn biết nó là gì? Nó tồn tại như thế nào? Từ đâu mà nó sống và nó chết sẽ đi về đâu? Đây là cái sống và cái chết có ý nghĩa? Sau cái sống và sau cái chết là cái gì...? Một loạt những nhu cầu tri thức của con người tâm học như vậy, chủ nghĩa nào có thể đáp ứng, duy tâm chẳng, duy vật chẳng, phi tâm phi vật chẳng, hay vừa là tâm vừa là vật chẳng, hay tất cả đều là hồ thủy tư tưởng chẳng, hoặc hư vô chẳng, hay không là gì cả chẳng?

Tóm lại, những nhu cầu con người là những nhu cầu vô hạn. Vì sao? Vì con người sống trong tự tính duyên khởi và vô thường. Do vô thường, nên vô hạn. Do duyên khởi, nên vô ngã và vô cùng.

Do sống trong thế giới vô thường mà con người không nhận chân được thế giới ấy, nên con người đã chạy theo để đuổi bắt những giá trị và ý nghĩa của cuộc sống trong các pháp vô thường ấy, khiến cho tự nó đã đánh mất nó và tự nó đã phủ nhận nó thì không còn một ai khác, một chủ nghĩa nào khác có thể đáp ứng được những nhu cầu của nó, ngoại trừ khi nó biết nó là vô thường và biết những gì đang diễn ra chung quanh nó cũng vậy.

Do sống trong thế giới duyên khởi, vô ngã mà con người sống với tâm ý ích kỷ, chấp ngã, khiến cho lòng tham của con người không bao giờ ngừng nghỉ. Mỗi khi con người không biết dừng lại lòng tham của mình, thì không có một xã hội văn minh nào có thể đáp ứng nổi lòng tham của con người. Chính lòng tham của con người đã đốt cháy sự sống của chính nó. Và chính tính chấp ngã của con người đã biến đời sống của con người thành đời sống của chiến tranh, hận thù, nghèo nàn và lạc hậu.

Lời nói và những hành xử của con người chỉ trở nên dễ thương và thánh thiện, khi nào họ nhận ra được rằng, chính họ không thể hiện hữu đơn thuần mà hiện hữu trong sự tương quan, tương sinh. Tương quan và tương sinh giữa mình và mọi người; tương quan tương sinh giữa mình và muôn vật; tương quan, tương sinh giữa mình với mọi thời gian và mọi không gian. Và chỉ khi nào con người nhận ra được cái đó và sống với cái đó, thì con người sẽ có chân hạnh phúc.

6 bài Hán thi của BẠCH CƯ DỊ

PHÁP HOAN dịch từ nguyên tác Hán ngữ

PHÚ ĐẮC: CỔ TRÊN THẢO NGUYÊN XƯA ĐƯA TIỀN

*Trên thảo nguyên xưa cỏ mọc tràn,
Hết tươi rồi héo với thời gian.
Lửa đồng cháy đến thân không lụi,
Gió mát thổi về lá lại lan.
Ngào ngạt mùi hương xâm lối vắng,
Lung linh sắc biếc nổi thành hoang.
Vương tôn đưa tiễn thêm lân nữa,
Tình cảm trong lòng mãi chứa chan.*

NGŨ TRONG ĐÊM MƯA THU

*Lạnh lẽo đêm thu tháng cuối cùng,
Lão ông nhàn nhã sống ung dung.
Ngã lưng bên ngọn đèn leo lét,
Khép mắt giữa mưa gió mịt mù.
Tro ấm chưa tàn trong bếp lửa,
Trầm thơm còn quyện dưới chân nhang.
Sớm mai không dậy nơi thêm vắng,
Lá đỏ phơi sương cả một vùng.*

CHƠI HỒ TIỂU ĐỘNG ĐÌNH

*Trên đình non cao hồ giữa hồ,
Ấu sen ngào ngạt cõi tiên đồ.
Sao loà đêm tối phân càn tượng,
Chớp loé ban mai phác hoạ đồ.
Gió động bèo xanh trời sóng gợn,
Chim kêu sương lạnh quạ trắng nhô.
Vật thiêng khắp chốn còn lưu dấu,
Suốt cả năm dài nước chẳng khô.*



TRONG ĐÌNH BÊN SÔNG NGẮM TRỜI TẠNH

*Gió chuyển mây dòn khắp đó đây,
Sương tan nước biếc bốn phương bày.
Trời quang lấp lánh cầu vồng hiện,
Chèo động dập dìu cánh nhọn bay.
Quận vắng quan về không kẻ viếng,
Quê xa thư gửi chẳng người hay.
Hỏi xem Trùng Cửu khi ngày đến,
Chén cúc ai cùng uống đến say?*

NHÀN CƯ

*Phối bệnh nên không uống rượu đào,
Mắt mờ nên chỉ đọc vài câu.
Cũng vì chẳng có việc gì bận,
Nên ý và thân hết muộn sầu.
Dậu đỏ gà leo lúc sẫm tối,
Rừng thưa tuyết rụng suốt đêm thâu.
Khác nào ân sĩ nơi cùng tận,
Hà tất phải vào chốn núi sâu.*

MÙA XUÂN ĐỀ THƠ TRÊN HỒ

*Hồ rộng xuân sang tựa họa đồ,
Quanh làn nước phẳng núi lô nhô.
Sườn xa ngọc dát từng môn môn,
Đáy thẳm châu gieo nguyệt mập mờ.
Thảm biếc lúa non đan tựa lụa,
Dải xanh cỏ mới dệt như tơ.
Hàng Châu chốn ấy chưa rời được,
Nửa bởi vì hru luyện cảnh hồ.*

* Pháp Hoan dịch từ nguyên tác tiếng Hoa của nhà thơ người Trung Hoa đời nhà Đường Bạch Cư Dị (白居易; Bai Juyi; 772 – 846).

* Đọc những tác phẩm khác của Bạch Cư Dị tại đây: <https://phaphoan.com/tag/bach-cu-di-白居易/>

* Ủng hộ tác giả: <https://phaphoan.ca/contact/>

HÒA THƯỢNG THÍCH TUỆ SỸ CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ, MANG TÍNH TRUYỀN THỪA CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

HT. Thích Nguyên Siêu

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN



Từ trái: HT. Thích Quảng Độ, HT. Thích Huyền Quang, và HT. Thích Tuệ Sỹ trong Đại Hội Bất Thường tại TV Nguyễn Thiều, ngày 01.10.2023.

Dòng lịch sử thì cứ tuôn chảy; tuôn chảy một cách trầm lặng, nhưng miên man, rạt rào, bất tận... Dòng lịch sử ấy, bánh xe lịch sử ấy đã và đang nghiền nát tất cả mọi chướng vật cản trở phía trước, và cuốn trôi đi tất cả rong rêu rác rưởi vào biển cả để hòa tan theo tính mặn của biển và nước xanh của lòng đại dương.

Sự cuốn đi và nghiền nát của lịch sử đã cho chúng ta thấy những dữ kiện lịch sử trọng đại, những sự chấn thật bất hủ, những hung tâm vì quê hương, dân tộc. Đạo pháp mang tính sứ mệnh, và tính mệnh bất vong để dựng thành những chứng tích lịch sử đầy hùng tráng ngạo nghễ trên đầu ngọn sóng.

I. Sát Cánh Với Các Bậc Tôn Túc Lãnh Đạo GHPGVN Thống Nhất Thời Sơ Kỳ

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ là chứng nhân sống trên dòng lịch sử thời đại. Một thời Hòa Thượng đã thân cận với các bậc Tôn Túc lãnh đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sau khi được thành lập vào năm 1964. Dù sự sát cánh một cách trầm lặng, nhưng đã nội hàm một cách minh nhiên, hiện thật kể từ khi Hoà Thượng đứng trên bục giảng của Viện Đại Học Vạn Hạnh – là vị Giáo sư chính ngạch, mô phạm, cho sự giảng dạy đối với sinh viên của Viện, cũng như làm chủ bút tạp chí Tư Tưởng, Vạn Hạnh thời bấy giờ. Trên có Hòa Thượng Thích Minh Châu Viện Trưởng, dưới là các

Giáo sư phân khoa đều tỏ một niềm quý kính. Là một vị Giáo sư trẻ, tuổi đời chưa là bao, ấy vậy mà đảm nhận một trọng trách giáo dục cho một thế hệ người qua tinh thần phụng sự mang tính Phật pháp thực dụng, thi thiết làm lợi lạc nhân sinh. Tính phụng sự Phật pháp trong ý thức thời đại, mà chúng ta nghe các bậc Tổ Đức nói: "gia bản tri hiếu tử, quốc loạn thức tôi trung".

Chính tâm nguyện trung thành hy hiến cho lý tưởng phụng sự Đạo pháp, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của các bậc Thầy Tổ, Tiền Nhân, đã đem xương máu thịt da này mà phụng cúng cho sự trường tồn của tự tánh giác ngộ giải thoát. Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã đồng hành với các bậc Tôn Túc. Chúng ta đọc qua bài "Tường Trình về Chuyến Đi Chữa Bệnh của Đại Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang". Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết: "Trước đó ngày 03/03/2003, con đang nhập thất, nhận được giấy thị giả đưa vào. Ghi rằng: 'Hoà Thượng tử Quảng Ngãi cần nói chuyện với Thầy.' Sau khi nổi điện thoại xong, Hoà Thượng Huyền Quang gọi vào, nói rằng;

Tôi đi Hà Nội, Thầy đi với tôi nghe.

Tôi thưa:

Dạ Ôn kêu thì con đi.

Hòa Thượng Huyền Quang dạy:

Ôn kêu thì đi nha, nhưng Thầy đi với tư cách Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo chứ không chỉ là thị giả đầu nghe.

Con sẽ đến Hà Nội trong ngày mồng 4."

"... Hòa Thượng Huyền Quang sau khi mổ vẫn khỏe khoản bình thường. Đến chiều, lúc 15 giờ, ông Phạm Thế Duyệt, chủ tịch Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam đến thăm, ông nói:

Sau khi bình phục xin mời Hoà Thượng đến thăm Mặt Trận;

Hoà Thượng Huyền Quang nói: Ngài nhận lời với điều kiện là chính phủ phải trả lời cho rằng, GHPGVNTN có tội gì với đất nước mà bị cấm hoạt động? Ông Phạm Thế Duyệt nói, mời Hoà Thượng đến rồi sẽ bàn."

Trong Đại Hội Nguyên Thiều, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã được Đại Hội Đại Biểu thỉnh cử giữ vai trò Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, kiêm Tổng Thư Ký Viện, mà lời nói của Hoà Thượng Huyền Quang ở trên đã khẳng định rằng: "Thầy đi trong cương vị là Tổng Thư Ký Viện Hoá Đạo GHPGVNTN, chứ không phải là một thị giả." Đây là bước ngoặt lịch sử thứ nhất mà Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã nghiêm túc phụng hành, từ ý chỉ của Hoà Thượng Huyền Quang Viện Trưởng Viện Hoá Đạo, khi Hoà Thượng bị giam cầm nơi Quảng Ngãi, còn Hoà Thượng

Quảng Độ thì lưu vong nơi Vũ Đài Miền Bắc, biệt xứ.

II. Bị Tù Đày, Nhưng Không Quên Bàn Hoài Phụng Sự Hiến Dâng

Hòa Thượng Tuệ Sỹ như là một hiện thân Bồ Tát. Sống đời bình thường của một Tỳ Kheo Tăng dưới các mái Tự Viện, Phật Học Viện... thì Hòa Thượng là một Giáo Thọ sư, một Tử Tướng gia, một trời văn học lừng lẫy, tài hoa trên đầu ngọn bút tài tình, trác việt. Một bậc chân tu, như Bồ Tát hóa thân vào đời vào ác năm trước để độ sinh, dưới mọi hình tướng đầu đầu cũng thấy hiện thân của một Thầy tu, lầu lầu Tam Tạng Kinh điển, trác trác rạng ngời Phật tâm, sáng soi một niềm bình an cho tất cả. Sự bình an này dù bị tù đày nơi chân trời góc biển, từ núi rừng hoang vắng cheo leo nơi sườn núi cao hay biển sâu hồ thẳm. Từ trại tù Xuân Phước, Hòa Thượng đã viết thư gửi về cho Hoà Thượng Huyền Quang Viện Trưởng Viện Hoá Đạo GHPGVNTN trình bày lập trường của mình và nêu cao ý chí trong sáng vì Giáo Hội, vì Phật Pháp trong giai đoạn lịch sử nghiệt ngã đau thương, nhưng không vì vậy mà không nói, không ý kiến để cho thời gian đẩy lùi và tan dần theo năm tháng. Hòa Thượng Tuệ Sỹ nói: *"Để chuẩn bị đầy đủ cơ sở dữ kiện cho Đại Hội, xin đề nghị 4 điểm mà toàn thể Tăng già và Phật tử có thể tham gia thảo luận trong quá trình chuẩn bị Đại Hội:*

Việc nhà nước chuẩn y và phong tặng các phẩm hàm Hoà Thượng, Thượng Toạ cho các Tỳ Kheo, và Tỳ Kheo Ni là một xúc phạm đối với Giáo chế của Đức Phật được truyền thừa trong luật Tạng...

Luật điển Ba La Đề Mộc Xoa cấm các Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni tham gia các cơ cấu quyền lực; nói theo ngôn ngữ hiện đại, đó là Đại Biểu Quốc Hội. Các vị ấy như thể đang tự mình làm mỗi giới nói dài cánh tay quyền lực lung lạc Giáo Hội...

Nhà nước cộng sản bằng cái gọi là Pháp chế Xã Hội Chủ Nghĩa đặt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam làm một thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Như thể chỉ công nhận Giáo Hội tồn tại như một hội đoàn thể tục ngang hàng với các hội đoàn khác dưới quyền lãnh đạo của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam. Về mặt pháp lý, Phật Giáo Việt Nam đang bị đặt trở lại đạo dụ số 10 của chính quyền Ngô Đình Diệm. Phật tử Việt Nam đã hy sinh thân mình để đốt cháy đạo dụ ấy. Đó là nỗi đau của Dân tộc và Đạo Pháp.

Bằng lý tưởng Tịnh Độ nhân gian, bằng giáo lý Phật tánh bình đẳng, Phật tử Việt Nam bằng tinh thần hy sinh vô úy, khẳng định minh bạch sứ mệnh của mình trong thời đại văn minh dân chủ, Giáo Hội phải nêu cao ngọn đuốc Từ Bi và Trí Tuệ; lãnh đạo Phật tử tiến tới và xây dựng một xã hội an lạc, bình đẳng và nhân ái." Phật lịch 2537. Trại tù Xuân Phước ngày 15 tháng Giêng, 1994. Tuệ Sỹ, kình bạch."

Ông bà mình đã nói: *"Lửa thử vàng, gian nan thử sức."* Nhưng đối Hòa Thượng Tuệ Sỹ thì bản án tử hình là thử sức, còn tù đày, giam cầm, rừng thiêng nước độc là thử tâm lòng trung trinh, một dạ sắt son và sáng rực như vàng trong lò lửa cháy, nhưng vẫn tươi nhuận tinh ròng, không hề nhạt phai. Vàng thật không sợ chi lửa. Ý chí sắt son, phụng sự và hiến dâng cho Đạo, Hòa Thượng không sợ gì tù ngục cách ngăn. Hòa Thượng Tuệ

Sỹ đã giương cao ngọn cờ bình đẳng giác ngộ, vô sở úy đại hùng, kim cương bất hoại. Dù ở trong tù nhưng không sợ cái tù của thế nhân. Dù ở trong xà lim, tối tăm chật chội, nhưng vẫn luôn thấp sáng ngọn đèn chánh pháp. Thấp sáng ngọn đèn nơi chính mình. *"Đương tự xí nhiên, xí nhiên ư pháp, vật tha xí nhiên. Đương tự quy y, quy y ư Pháp, vật tha quy y."* Vượt ngàn sự hiểm nguy, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã có mặt trong Đại Hội để đóng góp ý kiến xây dựng và kiện toàn pháp lý, pháp nhân của Giáo Hội, một cách hiến nhiên, thường tại.

Con người có thể bẻ cong lịch sử, bôi xoá và lãng quên theo tính bất lương của mình, nhưng không bao giờ có thể bẻ cong, và bôi xoá tính chân thật của lịch sử máu và nước mắt của giống nòi, của đạo pháp và quê hương. Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã khẳng định điều này qua bức tâm thư từ trại tù Xuân Phước, Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã đồng đạc chỉ Bi Hùng ấy:

*"Sư tử hồng thời phương thảo lục
Tượng vương hồi xứ lạc hoa hồng."*

III. Từ Nhân Chứng Lịch Sử Đến Khả Tính Kế Thừa Ngôi Vị Lãnh Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Từ chùa Từ Hiếu - 59 lô D, Đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, Sài Gòn. Tâm Thư 15 ước Nguyên Tăng Già Hòa Hợp, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Đệ Ngũ Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Kính gửi chư Tôn Trưởng Lão, Chư Hòa Thượng Giáo Phẩm GHPGVNTN. Đồng kính gửi chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Toạ, Chư Đại Đức Tăng Ni... *"Tôi Sa Môn Thích Quảng Độ, trong cương vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội, tự nhận trách nhiệm lịch sử trong trước uy đức của lịch đại Tổ Sư, và cũng trong trách nhiệm lịch sử này, với ý hướng kịp thời ngăn chặn bánh xe phân hoá không lao xuống vực thẳm ô nhiễm hủy diệt, tôi đã quyết định, bằng quyết định số 12/TT/VTT/QĐ, Phật lịch 2562, Sài Gòn ngày 19 tháng 10 âm lịch Mậu Tuất (tức 25/11/2018), đình chỉ mọi hoạt động của Giáo Hội; để Tăng Già có thời gian thể hiện bản thể thanh tịnh và hòa hợp, làm nơi quy ngưỡng vững chắc cho bốn chúng hòa hợp đồng tu, hòa hợp hành đạo và hóa đạo, phụng sự Dân tộc và Đạo Pháp, trong lý tưởng phụng sự hoà bình dân tộc và nhân loại."* Hòa Thượng Quảng Độ viết tiếp: *"Tôi nay tuổi đã ngoài 90, trí lực đã đến lúc suy kiệt, với chút hơi tàn của sinh mệnh, tự thấy không còn khả năng gánh vác trọng trách trước lịch sử tồn vong, suy thịnh của Dân tộc và Đạo Pháp, duy chỉ còn đủ sức để giữ một điều cương lĩnh mong manh của Giáo Hội, ước nguyện duy nhất trong những ngày còn lại của tuổi đời là được thấy uy đức Tăng già sáng chói, bản thể thống nhất được xác lập. Tăng già thanh tịnh hòa hợp là sở y vững chắc cho Giáo Hội, là chỉ nam hướng đạo cho bốn chúng đệ tử hòa hợp đồng tu, cùng hòa hợp trong lý tưởng phụng sự dân tộc và nhân loại như Hiến chương Giáo Hội đã công bố..." Phật lịch 2562, Chùa Từ Hiếu, Sài Gòn ngày 26 tháng 03 năm 2019, tức ngày 21 tháng 02 năm Kỷ Hợi. Cẩn bạch, Sa môn Thích Quảng Độ."*

Nổi niềm của một đấng cha già, để lại Tâm thư cho đàn con thừa tự di sản, đây là nền văn hóa của Việt Tộc. Tâm nguyện di huấn của chư vị

Tôn túc lãnh đạo Giáo Hội lưu lại di ngôn cho hàng kế thừa truyền đăng tục diệm để cho "Tổ ấn trùng quang, đèn Thiên rực sáng" mà nghiêm chỉnh phụng hành, ấy là cái đức, cái tâm: "Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh." mà Hòa Thượng Quảng Độ đã để lại cho hàng tứ chúng đệ tử Phật.

Tiếp theo, Hoà Thượng Quảng Độ còn ban hành quyết định một cách xác thực và rõ ràng để cho mọi người cùng hiểu và thi hành quyết định này. Những tưởng xin được trích đôi điều để tất cả chúng ta thấy đó là một văn kiện hợp pháp, hợp hiến. Văn kiện này đã đi vào lịch sử minh nhiên của Phật Giáo Việt Nam hôm nay. "Phật lịch 2562. Số: 12/TT/VTT/QĐ. Quyết định của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống giải tán nhân sự Viện Hóa Đạo và tạm ngừng hoạt động, chờ Đại hội bất thường GHPGVNTN công cử nhân sự mới.

Nhận xét rằng, ngày 03 tháng 10 năm 2018 từ Sài Gòn tôi viết bức Tâm thư đưa ra hai quyết định gửi Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế phổ biến. Thứ nhất, bãi nhiệm chức vụ Tổng Thư Ký, cùng các chức vụ khác trong Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo của Phật tử Nguyên Chánh - Lê Công Cầu kể từ ngày ký Tâm Thư. Thứ hai, bãi truất chức vụ Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống dự tính trao cho Hòa Thượng Thích Tâm Liên như đã viết trong bản Di Chúc gửi sang Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris để ban hành và công bố ngày nào tôi không còn nữa. Nhưng hai quyết định để ra trong Tâm Thư đã không được thi hành trong thời gian tôi vắng mặt. Phật tử Lê Công Cầu vẫn tiếp danh Tổng Thư Ký cho phát hành những văn kiện bất hợp lệ của Viện Hóa Đạo.

Nhận xét rằng, trong thời gian một tháng vừa qua tôi vắng mặt ở Sài Gòn, Hòa Thượng Thích Tâm Liên đã không có một buổi họp nhân sự Viện Hóa Đạo nào để trình ý chư Tăng, phác hoạch chương trình hoạt động của Viện Hóa Đạo trong nước cũng như sinh hoạt hải ngoại của GHPGVNTN. Trái lại, Hòa Thượng còn nhân danh Viện Hóa Đạo ký và phát hành nhiều văn kiện đi ngược lại đường lối, lập trường và Hiến chương của GHPGVNTN tu chính lần cuối, thông qua năm 2015...

Nay Quyết Định

Điều 1: Thu hồi và hủy bỏ Giáo chỉ số 18 Tấn phong Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo nhiệm kỳ 2018-2020 của Viện Tăng Thống ký ngày 08 tháng 08 năm 2018.

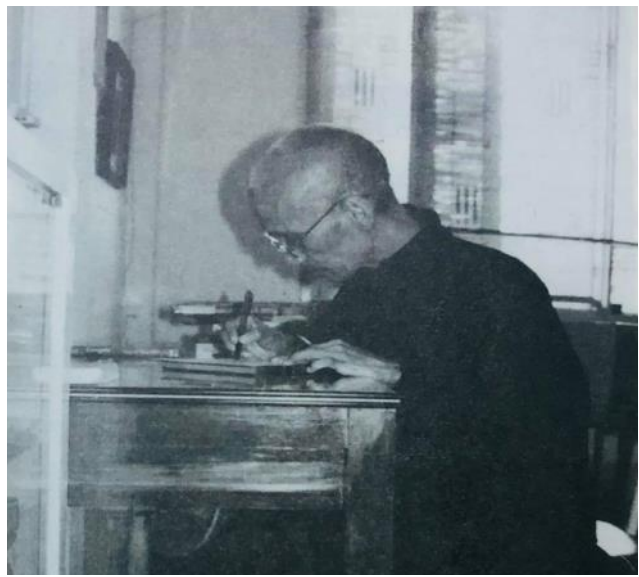
Điều 2: Thu hồi và hủy bỏ Di Chúc viết vào tháng 05 năm 2017 và đã gửi sang Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế ở Paris để ban hành và công bố ngày nào tôi không còn nữa...

Điều 3: Bãi nhiệm vĩnh viễn chức vụ Viện Trưởng Viện Hoá Đạo của Hòa Thượng Thích Tâm Liên; và bãi nhiệm vĩnh viễn chức vụ Tổng Thư Ký và mọi chức vụ trong Viện Hóa Đạo của Phật tử Nguyên Chánh Lê Công Cầu.

Điều 4: Giải tán mọi nhân sự và chức vụ trong Ban Chỉ Đạo Viện Hoá Đạo nhiệm kỳ 2018-2020 quy định trong Giáo Chỉ số 18 do viện Tăng Thống ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2018...

Điều 7: Giáo chỉ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản, Văn Kiện, Quyết Định, Giáo chỉ trái với Quyết định này đều bị hủy bỏ..."

Phật lịch 2562, Sài Gòn ngày 19 tháng 10 âm lịch Mậu tuất,
tức ngày 25 tháng 11 năm 2018



Đệ Ngũ Tăng Thống
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
(ấn ký)

Chặng đường lịch sử của GHPGVNTN đến đây đã chuyển sang một khúc quanh lịch sử mới. Tất cả những gì của một thời khủng hoảng, bi thương, lộng quyền của nội trùng giờ đã chấm dứt theo quyết định trên. Hòa Thượng Quảng Độ đã làm như chứng nhân của mốc lịch sử, tiếp theo là Quyết Định Số T4/QĐ/TT/VTT của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ. "Căn cứ vào Hiến chương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bản tu chính lần cuối qua ngày 04 tháng 12 năm 2015. Với lý tưởng hòa bình bất bạo động của Giáo lý Đức Phật, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất ra đời năm 1964 với lập trường kiên định và thuần khiết là để phụng sự nhân sinh và Dân tộc, vì vận mệnh của Giáo Hội tùy thuộc vào vận mệnh của Dân tộc, Đất nước Việt Nam sẽ thoát qua cơn quốc nạn và pháp nạn, không thể nào đứng ngoài quy luật tất yếu của thịnh suy.

Nay Quyết Định...

Điều hai: Thỉnh cử Hoà Thượng Thích Tuệ Sỹ thay tôi đứng đầu vào vị trí của Viện Tăng Thống, bảo đảm tiếp tục sứ mạng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tương lai. Tôi hoàn toàn tin tưởng và ủy thác trọng trách này cũng như trao toàn quyền cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ điều hành mọi hoạt động của Giáo Hội.

Chùa Từ Hiếu, Sài Gòn ngày 24 tháng 05 năm 2019

Tức ngày 20 tháng 04 năm Kỷ Hợi

Đệ Ngũ Tăng Thống

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
Sa Môn Thích Quảng Độ Ấn Ký."

Quyết Định như một lời Cáo Bạch của bậc Tôn túc gửi đến cho đương sự cũng như bố cáo một cách rộng rãi cho tứ chúng đệ tử Phật - Tăng tín đồ Phật Giáo Việt Nam biết mà thi hành các Phật sự còn ngổn ngang, rất cần nhiều bàn tay, khối óc tiếp sức để cho con đường hành đạo từ 2000 năm qua trên quê hương được suôn sẻ thành tựu tốt đẹp.

Đứng trước sứ mệnh quê hương, trước sự tồn vong của dân tộc, và sự hưng suy của Giáo Hội, Hòa Thượng Tuệ Sỹ chấp tay cúi đầu y giáo phụng hành như lễ nghi khiêm cung của một môn hạ. Trong thư khâm thừa Quyết định của Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, Hòa Thượng Tuệ Sỹ viết

"Ngưỡng bạch chư Tôn Hòa Thượng,

Khâm thừa Quyết Định của đức Đệ Ngũ Tăng Thống, tôi Tỳ Kheo Thích Tuệ Sỹ, tự xét chứng tâm huệ thiện, những Tổ giáo nghiêm, vô khả nại hà, nay phủ phục đề đầu phụng chỉ...

Thị Ngạn Am, PLD 2563

Tháng 03, ngày 15

Tuệ Sỹ (ký tên)

Người trao Quyết Định thì đã trao. Người thừa hành Quyết Định thì đã thừa hành. Thừa hành trong ngôi vị Chánh Thư Ký Xử Lý Viện Tăng Thống. Do vậy mà Hòa Thượng Tuệ Sỹ đã thành cử thành phần nhân sự cho Hội đồng Lương viện từ quốc nội ra hải ngoại, những mong là không cô phụ sự ủy thác của quý Ngài lãnh đạo Giáo Hội, như đức Đệ Nhất Tăng Thống, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết; Đức Đệ Nhị Tăng Thống, Trưởng Lão Hoà Thượng Thích Giác Nhiên; Đức Đệ Tam Tăng Thống, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu; Đức Đệ Tứ Tăng Thống, Trưởng Lão Hoà Thượng Thích Huyền Quang, cũng như dòng lịch sử Lịch Đại Tổ Sư Phật Giáo Việt Nam từ buổi bình minh cho đến hôm nay, năm 2023.

Viết lại những dữ kiện của khúc quanh lịch sử này như là một sự khẳng định minh nhiên, mà nhân vật, chứng nhân của một thời lịch sử còn đó, còn như ngày hôm nay đang đối diện, đang tọa đàm chưa hề một mây may phôi pha, mờ nhạt. Sự thật như lời kinh siêu độ chiêu nay đã làm cho bao người mở mắt để thấy, lắng tai để nghe tiếng sầm sập của bánh xe lịch sử còn in dấu hôm nay và cho đến ngàn vạn năm sau. Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất còn tỏa rạng và nêu cao cho nhiều thế hệ tôn ngưỡng, mà thậm thẩu bao sự hy sinh thân mạng, một đời lưu vong, đọa đày biệt xứ. Người thừa hành pháp lý Giáo Hội cũng mang tính hội đủ pháp nhân, được đương thừa trên dòng lịch sử ấy.

Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ, Hòa Thượng Tuệ Sỹ như đỉnh trầm hương ba chân, như kiềng đồng vững chắc, không nao núng những thế lực vô minh trừ dập mà luôn an tâm để hộ quốc, hộ dân, hộ Pháp ngày một âu ca, thanh bình, hạnh phúc. Ấy là chí nguyện của những bậc Bồ Tát hóa thân, vì đời ác năm trước mà thị hiện, để thi thiết những khả tính tu trì, chứng ngộ của Đạo Pháp đến vạn loài chúng sinh trong Pháp giới.

San Diego, California
ngày 05 tháng 10 năm 2023

Thích Nguyên Siêu

CHINH NGÕ TÂM

Chinh ngõ tâm bình lặng sắc hương...
Cùng hay... tình động có nhiều đường.
Xem điều mộng ảo luôn từ khuất,
Biết lẽ tình si để nguyện trường.
Hạnh phúc cho người suy đủ rõ,
Niềm tin với đạo hiểu đà vươn.
Vòng quanh lũy kiếp nay đều gặp,
Hy ái trần gian ngắm đặng thương?

TRỜI XANH MÂY TUỔI

Trời xanh mây tuổi rõ đầu già,
Vẫn chiếu bao ngày rộn nẻo Ta. (*)
Hạ đến vườn lan vòng ửng ngõ,
Thu về dãy cúc trở đầy hoa.
Mưa dầm cỏ mục càng không hối.
Hạ hán nho tàn cũng chẳng la,
Dầu khó lòng vui đừng bỏ mặc,
Bên đời mãi đạo bản tình ca.



RỜI XA

Rời xa lậu nghiệp chớ làng nhàng (*)
Tham ái thêm nhiều khổ lụy mang.
Việc đến luôn chăm tâm chẳng buộc,
Chuyện qua mãi khuất dạ không ràng.
Rủ mê hiển đạo cho ngày tịnh,
Ôm giác nương Thầy để khắc an. (**)
Vô trú Sát na nào niệm khởi, (***)
Thiên môn tự tại có chi bàn.

thơ **MINH ĐẠO**

(*) Lậu nghiệp: Nghiệp của phàm nhân trong dòng sinh tử luân hồi—Karma of ordinary rebirth — The deeds of the sinner in the stream of transmigration, which produces his karma.

(**) Thiên Nhân Sư (10 danh hiệu Phật)

(***) Sát na - là thời gian rất ngắn, 1/60 của giây.

KHÔNG DỄ NÓI LỜI LÀNH

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

"Một thời Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp Cô Độc..."

- Ta không nói các Tỳ-kheo là thiện ngữ cung thuận do các nhu dụng sinh sống, y bát, ẩm thực, giường chông. Vì sao vậy? Tỳ-kheo ấy nếu không nhận được các thứ ấy thì trả lại bằng sự không thiện ngữ cung thuận, thành tựu đức tánh không thiện ngữ cung thuận.

- Nếu có Tỳ-kheo vì viễn ly, y trên viễn ly, sống nơi viễn ly mà thiện ngữ cung thuận, thành tựu đức tánh thiện ngữ cung thuận, Ta nói ấy thật sự là thiện ngữ cung thuận. Vì sao vậy? Ở đây, một Tỳ-kheo khéo thủ hộ, khéo an trú, chỉ vì người khác không nói cộc cằn. Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì không phẫn nộ, cũng không thù nghịch, cũng không ưu sầu, oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo.

Các Tỳ-kheo kia sau khi thấy vậy bèn nghĩ rằng: 'Hiền giả thật là người nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chủ, khéo định, khéo trầm tĩnh'. Nếu người khác ăn nói cộc cằn thì liền hằn học, thù nghịch, ưu phiền, ôm hận, lộ vẻ hung dữ. Các Tỳ-kheo kia thấy vậy bèn nói: 'Hiền giả này ngoan cố, nóng nảy, thô lỗ, không định, không tự chủ, không trầm tĩnh'."

(Kinh Trung A-hàm, phẩm Đại, kinh Mâu-lê-phá-quần-na, số 193 [trích, lược])

Thiện ngữ là nói lời lành, chân thật, nhẹ nhàng, xây dựng, đoàn kết, yêu thương. Cung thuận là cung kính, nhu hòa, đôi khi có những việc mình chưa thực sự hài lòng nhưng cũng không vì thế mà bực bội, nóng nảy, quát tháo, gây gổ.

Điều đáng nói ở đây là chỉ khi gặp nghịch cảnh, trái ý, không vừa lòng mới kiểm tra, đo lường được khả năng thiện ngữ, cung thuận của mình. Đa phần chúng ta đều tử tế, đàng hoàng, lời hay, ý đẹp trong điều kiện bình thường. Nhưng khi đụng đến quyền lợi, danh dự bị bôi nhọ, cái tôi bị xúc phạm thì sẽ phản ứng dữ dội, thậm chí mất cả nhân cách.

Vì thế gặp nhau chỉ đôi lần trong hội họp, tiệc tùng, lễ lộc rồi vội đánh giá, ca ngợi ông nọ bà kia là người đàng hoàng, tử tế thì thật hơi hợt. Phải sống gần người ấy, chứng kiến những pha xử lý điềm tĩnh, nhẫn nại của họ khi gặp cảnh trái ý, nghịch lòng mới có thể kết luận chính xác.

Ngay cả một số tân Tỳ-kheo, đi tu rồi là nguyên xả buông, hướng đến "ly dục, ly bất thiện pháp". Ấy vậy mà trước sự phân chia và thọ nhận bốn vật dụng (thực phẩm, y phục, tọa cụ, phòng xá, thuốc thang), lỡ có thiếu sót hay thua thiệt so với huynh đệ mà kham nhẫn được, hoan hỷ vô tư, không phiền trách cũng chẳng phải là dễ dàng.

Khi gặp nghịch cảnh, người khác ăn nói cộc cằn mà "không phẫn nộ, cũng không thù nghịch, cũng không ưu sầu, oán hận, không hằn học giận dữ, không lộ vẻ hung bạo" mới thực sự biết tu, làm chủ bản thân trước những điều không vừa ý. Muốn được bình tĩnh và an nhiên như thế, theo kinh nghiệm của Thế Tôn, cần rèn luyện các đức tính "nhẫn nhục, ôn hòa, giỏi chịu đựng, giỏi tự chủ, khéo định, khéo trầm tĩnh".

Tuy ai cũng muốn an yên nhưng cuộc sống vốn dĩ không bình yên. Chính sự biến động trong cuộc sống với vô vàn nghịch cảnh sẽ giúp chúng ta rèn luyện mình để vững chãi hơn. Cho nên cần khéo léo thủ hộ và an trú. Thủ hộ là giữ gìn sáu căn, ba nghiệp thiện lành. An trú là vững là trước mọi thuận nghịch. Xây dựng hiểu và thương hay nói cách khác là phát huy trí tuệ và tử bi, những chất liệu quan trọng giúp chúng ta vượt lên mọi chướng ngại.

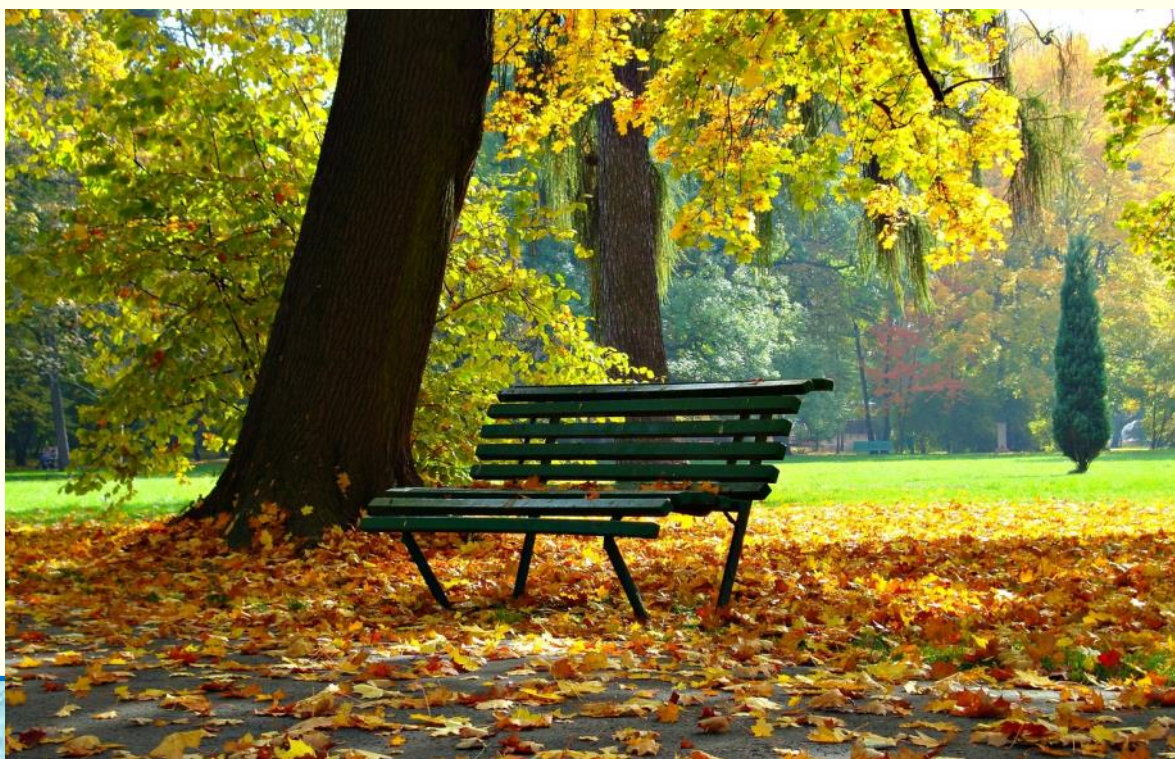


LIÊN KHÚC LÁ VÀNG LÁ XANH

Thời gian
gọi chiếc lá vàng
Trầm ngâm trước gió hơi han tuổi đời
Tháng ngày
gọi giấc thành thơi
Khây cười duyên phận chuyển dời loay hoay
Gió nào kiêu hãnh rung cây
Thổi tung bốn cột lá bay cội nguồn
Không vui và cũng không buồn
Điềm nhiên làm bạn vô thường sớm khuya
Hiểu rằng
hội ngộ, tan chia
Một mai lá úa sẽ lìa cành cao
Người đi ra
Kẻ đi vào
Lá xanh môn môn xôn xao nhịp vắn
Nhân duyên
niú kéo cuộc trần
Trùng phùng vay trả nợ nần cho nhau
Nhịp nhàng
sống trước sống sau
Vui trong bể khổ chuyển màu vàng xanh
Lá non vui với lá lành
An trong vãn cảnh bức tranh ảo huyền
Tiếng cười trong trẻo thần tiên

Lá vàng
ủ rũ đã liền xanh tươi
Hòa cùng rừng núi biển khơi
Bài ca hoan hỷ ru đời bi thương
Trách chi,
đừng trách vô thường
Hòa cũng xào xạc lá vườn vàng khô
Chợt nghe trầm bổng nhịp thơ
Con tim run rẩy đợi chờ tiếng yêu
Héo khô
chưa phải tiêu điều
Tươi xanh
chưa phải đã nhiều bình yên
Khô vàng cùng lá lãng quên
Để nghe tiếng dội hã huyền vô tri
Để nghe tàn mục thâm thì
Để nghe héo úa vỗ tay gọi mầm
Hòa cũng vàng lá vườn sân
Thấy ngày ngăn ngui ta cần có nhau
Tươi xanh khóc với bạc đầu
Già nua cười với nỗi đau trẻ hoài
Gió về ấm mát từng hơi
Thôi từng trang sách cuộc đời đi qua
Vàng khô với lá tuổi già
Bỗng đứng trẻ lại để mà biết yêu...

thơ **VĨNH HỮU TÂM KHÔNG**



SƠ QUÁT VỀ CỘI NGUỒN VỌNG TƯỜNG QUA DUY THỨC HỌC

Khánh Hoàng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Tường là một trong những sắc thái sự sống căn bản nhất của tất cả các loài chúng sinh, bao gồm hữu tình chúng sinh và cả vô tình chúng sinh. Tường cũng là tác nhân có vai trò tác động chủ yếu trong vô vàn khổ-vui, thất tình, lục dục... của bao kiếp sống luân hồi; và nó cũng là đối tượng thử thách lớn cần được chế phục, vượt qua trong tu tập thiền định, giải thoát. Theo Duy Thức Học, cội nguồn của Tường xuất phát từ nơi A Lại Da thức, mà sự hiện diện của Tường thì bao khắp, xuyên suốt 8 thức Tâm Vương (Bát thức Tâm Vương). 8 thức Tâm Vương bao gồm A Lại Da thức, Mạt Na thức, Ý thức, Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, và Thân thức. Từ Mạt Na thức đến Thân thức được gọi tên là 7 Chuyển thức, từ Ý thức đến Thân thức được gọi tên là Tiền Lục Thức (Sáu Thức Trước), từ Nhãn thức đến Thân thức được gọi tên là Tiền Ngũ Thức (Năm Thức Trước). 8 Thức Tâm Vương được chia ra làm 3 nhóm Năng Biến là: A Lại Da thức, Mạt Na thức, và Tiền Lục Thức.

Thức A Lại Da (nhóm Năng Biến thứ nhất) thuộc về Tâm sinh diệt, để phân biệt với Chơn Tâm (Như Lai Tạng Chơn Như Tâm) bất sinh, bất diệt. Thức này hiện diện ở tất cả các loài chúng sinh hữu tình (chúng sinh có đủ 8 thức Tâm Vương) và ở cả chúng sinh vô tình (chúng sinh chỉ có 2 thức là thức A Lại Da và thức Mạt Na mà không có Ý thức và Tiền Ngũ thức). Nó có rất nhiều tên gọi khác như Dị Thục thức (Thức chuyển biến đổi khác, thành thực tử nhân ra quả), Nhất Thiệt Chủng thức (Thức có tất cả, vô lượng chủng tử), Tàng Thức (Thức kho tàng có công năng tích chứa), Đệ Bát Thức (Thức thứ tám trong Bát Thức Tâm Vương), Căn Bản Thức (Thức cội nguồn, từ đó sinh xuất ra 7 Chuyển thức kia), ... Đặc điểm chính yếu của A Lại Da thức là vô phú (rất mênh mang, do không có đủ sức để trụ bám, chấp trước, vướng mắc) và vô ký (hồn nhiên, không có sự phân biệt thiện ác, tốt xấu, hơn thua, hay dở; không có âu lo, khổ sở, mừng vui, an vui vì không có các Ưu thọ, Khổ thọ, Hỷ thọ, Lạc thọ, mà chỉ duy nhất có một Xả thọ...). Do là vô phú, vô ký nên trong tổng số 51 tâm sở của Duy Thức Tam Thập Tụng (Tác giả: Tổ Thế Thân [316-396]), A Lại Da thức chỉ có 5 tâm sở gọi tên là 5 Biến Hành Tâm Sở, bao gồm Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, và Tư.

Được gọi là Tâm Sở vì đây là hành trạng (trạng thái chuyển hành, chuyển biến, hiện tướng sanh diệt) của 8 thức Tâm Vương. Chữ "Tâm Sở" có thể được tạm dịch là "Chỗ Tâm" cũng như các chữ "Sở Kiến", "Sở Vận", "Sở Tri", "Sở Trụ"... có thể tạm dịch là "Chỗ Thấy", "Chỗ Nghe", "Chỗ Biết", "Chỗ Ý Nương"... Như thế, "Tâm sở Tác Ý" có thể được tạm dịch là "Chỗ Tâm khởi tạo ra Ý", "Tâm sở Xúc" được tạm dịch là "Chỗ Tâm chạm biết", "Tâm sở Thọ" là "Chỗ Tâm cảm nhận biết"... Tương tự, chữ "Tâm Sở Hữu" có thể được dịch là "Chỗ Tâm Có" hoặc "Chỗ Có Tâm" (tức là chỗ Tâm có mặt, chỗ Tâm có biểu lộ sự hiện hữu). Lý do được gọi tên như vậy là vì Thức A Lại Da nói riêng và bản thể tâm thức nói chung vốn là mệnh mang biến khắp ra các nơi chốn, không có chỗ ở nhất định, nhưng nay do ở trạng thái bị tác động bởi các duyên nào đó, nên chúng bắt đầu có sự hiện khởi ra các chỗ có tướng trạng khác nhau. Các tướng trạng

này chính là các Tâm Sở hoặc Tâm Sở Hữu. 5 Biến Hành Tâm Sở nơi A Lại Da thức chính là 5 tướng trạng chuyển hành tâm thức tinh khôi, sơ khai nhất của chúng sinh. Sở dĩ có tên gọi là Biến Hành vì do các tâm sở này có sự hiện diện ở khắp các nơi chốn trong không gian, ở trong mọi lúc của thời gian, bao gồm tất cả tánh (thiện, ác, và vô ký), và ở nơi tất cả 8 thức Tâm Vương cùng có tương quan liên hệ với tất cả tâm sở. Duy Thức Tam Thập Tụng (tác giả: tổ Thế Thân [316-396]) có bài kệ về thức A Lại Da cùng 5 Biến Hành tâm sở như sau:

*"Sơ A Lại Da thức
Dị Thục, Nhứt Thiệt Chủng*

*Bất khả tri chấp thọ
Xứ liễu thường dữ Xúc
Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư
Tương ưng duy Xả thọ*

*Thị vô phú vô ký
Xúc đẳng diệt như thị
Hằng chuyển như bặc lưu
A la hán vị xả."*

Tạm dịch:
"Sơ khởi là thức A lại da
Còn có tên gọi là Dị thục, Nhứt thiết chủng



Không thể biết, nương chấp và cảm thọ
Xứ cảnh rõ biết với Xúc
Tác ý, Thọ, Tưởng, Tư
Chỉ tương ứng với Xả thọ

Là vô phú, vô ký
Năm Biển Hành cũng như vậy
Luôn chuyển động như dòng thác chảy xiết
Bậc A La Hán mới xả bỏ xong thức này.”

Theo *Hiển Dương Thánh Giáo Luận* (Tác giả: Đại sĩ Vô Trước [310-390]), Dịch giả Phan- Hán: Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang [602-664], Dịch giả Hán- Việt: Quảng Minh) giải thích về 5 tâm sở Biển Hành được ghi nhận khái quát như sau:

“1. Tác Ý: được sinh ra từ chủng tử nơi A Lại Da thức, dựa vào A Lại Da mà sinh khởi, cùng tương ứng với A Lại Da, và cùng A Lại Da chuyển hiện.

2. Xúc: là sự phân biệt có được từ sự hòa hợp 3 sự Căn, Cảnh, Thức. Xúc làm chỗ sở y cho tâm sở Thọ tiếp nối theo ngay sau đó.

3. Thọ: là cảm nghiệm, lãnh nạp (những cảm nhận, cảm giác...).

4. Tưởng: là những ảnh tượng, ấn tượng, hình bóng... trong tâm thức được tiếp nối ngay sau tâm sở Thọ.

5. Tư: là ý nghiệp nơi cảnh khiến có tâm tạo tác các điều thiện, ác, phi thiện phi ác...

Ngay đây, ta có thể tạm rút ra 2 điều:

Điều 1: Có thể rõ thấy là tâm sở Tưởng đã xuất hiện rất sớm trong sự vận hành của tâm thức chúng sanh: Tưởng đã có mặt ngay nơi cội nguồn tâm thức là thức A Lại Da và Tưởng được xem là có vai trò căn bản và trọng yếu nhất trong 5 Biển Hành Tâm Sở. Nói vậy là do sau 3 tâm sở Tác Ý, Xúc, và Thọ (tạm gọi chung là 3 tâm sở mầm của niệm tưởng), Tưởng liền đã xuất hiện; rồi liền sau đó nó được tâm sở “Tu” duy trì, trưởng dưỡng, nuôi nấng, phát triển. Tâm sở Tư có thể được cảm nghiệm là một chuỗi “Tưởng” liên lạc, rõ ràng được nối kết, phát triển qui mô ra các quan niệm, quan điểm, chủ trương, thành kiến, định kiến... theo nghiệp thức của mỗi chúng sinh.

Điều 2: Có thể xem tất cả Tưởng chỉ là Vọng Tưởng. Lý do là Tưởng chỉ là một động thái của Thức mà chính ngay cội nguồn Thức A Lại Da còn chưa là chơn thực, chỉ là ảo huyền, không có thực thể, thiếu vắng tự thể huống là động thái của chính nó. Điều này khiến trong đạo Phật nói chung, và Duy Thức Học nói riêng dù có đề cập về Chơn Tâm, Chơn Tánh, Chơn Tướng, Chơn Thể, Chơn Kiến, Chơn Trí, Chơn Giác... mà không hề có đề cập đến Chơn Tưởng.

Do bởi thức A Lại Da có tánh mê mẫn, mong manh, nhẹ nhàng, hồn nhiên, không vướng mắc nên tâm sở Tưởng nơi A Lại Da cũng chỉ là những dạng tưởng tâm thức rất vi tế, chuyển động rất nhanh nhạy, không có sức bám trụ, biến hiện và ẩn khuất rất khó có thể nhận thấy và suy lường. Vì thế, phàm phu và kể cả các bậc Hiền Thánh chưa đạt đến Tam Quả (quả vị A Na Hàm, còn gọi là Bất Lai, không còn luân hồi trở lại vào Dục Giới) không thể thấy và chưa có khả năng nhận biết được 5 tâm sở Biển Hành nói chung và tâm sở Tưởng nói riêng nơi A Lại Da thức cùng sự vận hành ẩn hiển, có không của chúng nơi A Lại Da thức.

A Lại Da thức có thể được cảm nhận là Thức Âm, một trong 5 Âm (Sắc Âm, Thọ Âm, Tưởng Âm, Hành Âm, và Thức Âm) hình thành nên thân và tâm của chúng sinh. Gọi là Thức Âm vì chính sự hiện hữu của lớp thức này đã khiến làm che mờ đi Giác Tánh. Trong tiến trình tu tập giải thoát khỏi sự buộc ràng của 5 Âm, kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch giả Phan-Hán: ngài Bát Lạt Mật Đê (đời nhà Đường, Trung quốc), dịch giả Hán- Việt: Hòa thượng Thích Duy Lực [1923-2000]) gọi Thức Âm là Điên Đảo Vọng Tưởng. Điều này khẳng định là ngay nơi căn nguồn sự sống, tâm sở “Tưởng” nơi A Lại Da thức của chúng sinh, đã sẵn chứa mang tính chất điên đảo rồi. Tính chất điên đảo này được tạm giải thích qua 2 khía cạnh:

Khía cạnh 1: là tính cách dị biệt giữa Như Lai Tàng tâm và A Lại Da thức. Tính cách này được phân biệt khái quát như sau: Thức A Lại Da (Tâm Sanh Diệt) được hình thành chính là do sự hòa hợp giữa Như Lai Tàng Chơn Như Tâm (được xem là Giác Tánh, là Phật Tánh, là Chơn Tâm, là cái chơn tịnh, bất động, không có Sinh- Diệt, đã vượt qua phân biệt hai bên về Có và Không, về Sinh và Diệt) và vô lượng chủng tử (là cái có Sanh- Diệt, Có- Không, cái nhiễm ô, luôn động chuyển theo các duyên); nên khi A Lại Da ở thể Tịnh thì nó không khác biệt với Như Lai Tàng, còn khi A Lại Da ở thể Động thì nó có khác với Như Lai Tàng. Như Lai Tàng Chơn Tâm thì không có Đồng- Khác (không có Một- Khác, không có Hòa Hợp- Bất Hòa Hợp) nên chỉ nói là A Lại Da khác (là khác với Như Lai Tàng) và nói A Lại Da đồng (là đồng với Như Lai Tàng). Hai thuật ngữ khác hay được nhắc đến là “Như Lai Xuất Triền” (“Triền” là trói buộc, xoay vần chung quanh) dùng để chỉ cho Như Lai Tàng Chơn Tâm, bao hàm các pháp vô lậu thuần chơn thanh tịnh, không bị trói buộc bởi những phiền não, triền phược; và thuật ngữ “Như Lai Tại Triền” dùng để chỉ cho thức A Lại Da, bao hàm các pháp hữu lậu, nhiễm ô, còn bị trói buộc, che mờ, lấp khuất bởi vô lượng não phiền.

Khía cạnh 2: là trong tất cả kinh điển của đạo Phật, đức Phật đại từ, đại bi đã khai thị và hàm ý xác quyết là “tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, câu nói được đức Phật tuyên thuyết nhiều lần là “*Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh ấy là Thường Lạc Ngã Tịnh.*” Như thế, mỗi loài chúng sinh đều có sẵn Phật Tánh, sẵn có Như Lai Tàng Chơn Như Tâm, sẵn có cảnh giới Đại Niết Bàn tự tại, giải thoát. Nhưng do vì chúng sinh mê lầm, không thấy được tánh Phật (gọi là “Bội Giác”: là quay lưng lại với Như Lai Tàng Chơn Như Tâm, Giác thể, Chơn Trí) mà lại nhận chấp, hòa nhập vào với các thứ lớp Vọng Tưởng (gọi là “Hiệp Trần”: là theo Vọng Thức A Lại Da rồi cùng các Vọng Tưởng choàng ôm, nâng niu các trần cảnh) nên bị các phiền não kết sử trói buộc mà đành chịu lưu chuyển trong sanh tử, luân hồi. Như thế, tính chất “Điên Đảo” của Vọng Tưởng nơi Thức Âm A Lại Da có thể được rút gọn là: do mê lầm, không có Trí Tuệ nên gọi là “Điên”; do nhận chấp sai quấy nên gọi là “Đảo”.

Lại nữa, kinh Thủ Lăng Nghiêm cũng ghi nhận Vọng Tưởng Điên Đảo do nương chấp nơi thức A Lại Da, nên tự gánh mang vào nó duyên phần, thân phận có sinh có diệt, gọi là Mạng Căn, căn nguyên sự sống và thọ mạng của thân tâm

chúng sinh trong vô lượng kiếp luân hồi. Mạng Căn là một trong 24 môn Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp trực thuộc nơi thức A Lại Da, không thuộc phạm vi Tam Hòa Hợp (Căn- Trần - Thức) của Tiền Lục Thức, nên được gọi là "Bất Tương Ứng" (để phân biệt với nhóm tâm sở được gọi là "Tương Ứng" của Tiền Lục Thức). Chính Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp "Mạng Căn" nơi thức A Lại Da đã khiến có ra Mạng Trước, lớp ô trước, uế trước về thọ mạng, về ràng buộc tái sinh, về vọng chấp y nương vào thân tái sinh, và là 1 trong 5 lớp trước của đời sống chúng sinh trong Tam Giới.

Tựu trung, tâm sở Tướng nơi thức A Lại Da, cội nguồn sơ khai nhất của Vọng Tưởng, tạm nêu có 3 đặc điểm sau:

Đặc điểm 1: Tâm sở Tướng nơi thức A Lại Da được xuất sinh, biến thể từ 3 tâm sở Biến Hành khác của Thức này là Xúc, Tác Ý, và Thọ. Nhưng nguyên nhân xuất sinh của 3 tâm sở Xúc, Tác Ý, và Thọ lại khó có thể xác định rõ ràng vì chỉ có các bậc Thánh từ quả vị A Na Hàm trở lên mới có khả năng phân biệt, nhận biết được.

Đặc điểm 2: Tâm sở Tướng nói riêng và 5 Tâm sở Biến Hành nói chung nơi thức A Lại Da có cường lực, sức lực không đáng kể. Có thể ví các tâm sở này chỉ là những chuyển biến rất nhẹ nhàng, mềm mỏng, có tác động như là chỉ để đánh thức, khơi nguồn chảy cho thức A Lại Da. Điều này có nghĩa là nếu ví A Lại Da thức như biển lớn thì những chuyển biến này chỉ là các động thái còn rất vi tế, rất mơ hồ, chỉ như nước nổi tăm, nổi bọt, nổi bong bóng..., chưa đủ sức tạo ra những nét nhăn lăn tăn mạnh mẽ hướng chỉ là những gợn sóng, làn sóng, lượn sóng chao động trên mặt biển.

Đặc điểm 3: Do có tính cách rất nhẹ nhàng, hồn nhiên nên tâm sở Tướng nơi thức A Lại Da không có khả năng kết nghiệp, tạo lập thêm các chủng tử mới vào trong thức A Lại Da mà nó chỉ có thể làm chỗ dựa, nền tảng để sinh khởi và phát triển thêm cho tâm sở Tư. Tâm sở Tư nơi thức A Lại Da này cũng chưa có khả năng kết nghiệp mà chỉ đóng vai trò chủ yếu, quan trọng trong sự sinh khởi, hình thành, và phát triển ra tất cả các dạng tướng tâm thức khác của 7 Chuyển Thức sau (Mạt Na thức và Tiền Lục Thức).

Khi A Lại Da thức theo dòng tập nghiệp chuyển biến mà lại có sự tự chấp nơi Kiến phần (năng lực, năng lượng tri giác) của chính nó rồi chấp trì, gìn giữ thì khi đó có thêm một biến thể mới, một tâm vương mới gọi là thức Mạt Na. Tâm sở Tư theo sự chấp ngã này cũng có biến chuyển, trở nên rõ ràng, đậm nét hơn và phát triển tới đa thành một nguồn tư lương vô tận. Nguồn tư lương vô tận này chính là nét đặc trưng, là Tánh, là Tướng của Mạt Na thức. Tạm nói là vô tận, bởi vì thức Mạt Na cũng như thức A Lại Da đều vẫn còn tồn tại khi chúng sinh còn có mê chấp; 2 Thức này chỉ biến mất, không còn tồn tại sau khi chúng sinh đã kiến tánh, đắc A La Hán quả, đã được giải thoát, không còn luân hồi, đã chuyển Thức thành Trí.

Trong khi A Lại Da thức có đặc tánh là Vô Phú, Vô Kỳ; Mạt Na thức cũng có đặc tính là Vô Kỳ (giống như ở A Lại Da thức) nhưng nó lại là Hữu Phú, vì nó có chỗ y nương, chỗ trụ chấp là nương dựa vào thức A Lại Da. Do tính cách Hữu Phú và do là nguồn Tư Lương Chấp Ngã bất tận, nên Mạt

Na thức ngoài 5 tâm sở Biến Hành còn có thêm 13 tâm sở khác bao gồm 1 tâm sở Biệt Cảnh và 12 tâm sở Phiền Não:

1 tâm sở Biệt Cảnh nơi Mạt Na thức = là tâm sở Huệ;

Biệt Cảnh là phân biệt trần cảnh, đối tượng được thu nhận, thấy biết, nghe biết... từ nơi 6 căn (Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý Thức). 5 tâm sở Biệt Cảnh gồm: 1. Dục = Tâm ham muốn nhận biết, phân biệt; 2. Thắng Giải = Tâm liễu tri rõ được đối tượng muốn nhận biết; 3. Niệm = Tâm nghĩ nhớ về các đối tượng liễu tri; 4. Định = Tâm an ổn, không chao động; và 5. Huệ = Tâm sáng suốt, không chướng ngại, rõ biết các đối tượng. Cần rõ thêm là tâm sở Biệt Cảnh Huệ nơi Mạt Na thức không là rõ biết về các đối tượng trần cảnh mà là rõ biết về các đối tượng nội tâm, về Ngã chấp sơ khai nơi nội tâm, và về hai bên Năng và Sở nơi nội tâm. Do vậy, trong 5 Biệt Cảnh tâm sở, Mạt Na thức chỉ duy có một tâm sở Huệ.

12 tâm sở Phiền Não nơi Mạt Na thức = bao gồm 4 Căn Bản Phiền Não (gồm có 3 tâm sở thuộc về Tư Hoặc là Tham, Si, Mạn và 1 tâm sở thuộc về Kiến Hoặc là Ác Kiến), và 8 Đại Tùy Phiền Não (gồm có Trạo Cử, Hôn Trầm, Bất Tín, Giải Đãi, Phóng Dật, Thất Niệm, Tán Loạn, và Bất Chánh Tri).

Gọi là "Phiền Não" vì chúng khiến gây ra các khổ đau, các tập nghiệp khiến che mờ Giác Tánh và khiến chúng sinh chịu đày đọa trong các nẻo luân hồi bất tận. Gọi là "Căn Bản Phiền Não" vì những phiền não này có tính cách cội gốc trong Mạt Na thức, chỉ thuần là các đối tượng tâm thức mềm mang trong nội tâm, chưa nhuộm hình tướng, bóng dạng của đối tượng cảnh trần nên chúng là tiền đề để sinh khởi ra các Tùy Phiền Não. Gọi là "Tùy Phiền Não" vì các phiền não này được sinh khởi tùy vào Căn Bản Phiền Não và tùy vào các đối tượng cảnh trần.

Căn Bản Phiền Não trong Duy Thức Học gồm có 6 tâm sở chính:

1. Tham = tâm ham muốn chỉ mong được có và cứ có thêm, thủ đắc bất tận;

2. Sân = tâm giận tức, nổi nóng, bực bội, thù oán;

3. Si = tâm vô minh, u muội, không rõ chơn lý, đạo lý;

4. Mạn = tâm cao ngạo, luôn thấy mình hơn người khác;

5. Nghi = tâm chưa liễu tri, chưa phân biệt rõ ràng;

6. Ác Kiến = là tâm nhận biết, phân biệt, chấp thủ còn sai lầm, trái nghịch với chơn lý, đạo lý. Ác Kiến lại được phân định ra 5 thứ: 6.1. Thân Kiến = là cái thấy biết chấp trước có thân tâm 5 uẩn, có Ngã và Ngã Sở; 6.2. Biên Kiến = là cái thấy biết chấp trước về 2 bên như chấp đoạn - thường, chấp có - không, chấp sinh - diệt, chấp khổ - vui, chấp thương - ghét, chấp đẹp - xấu...; 6.3. Tà Kiến = là cái thấy biết chấp trước chấp sai lầm đối với chơn lý và đạo lý; 6.4. Kiến Thủ = là thủ chấp cái thấy biết sai lầm của mình, không chấp nhận các ý kiến đúng đắn khác; và 6.5. Giới Cấm Thủ = là thủ chấp vào các cảnh giới, các cấm giới còn sai lầm của mình nên còn thiếu sót sự tu tập chân chính.

5 tâm sở Phiền Não Căn Bản đầu tiên (Tham, Sân, Si, Mạn và Nghi) còn được gọi là Tư Hoặc. Tư

Hoặc là những mê mờ, sai lầm, có tánh nhiễm ô nơi tà tư, tà niệm, nơi nghĩ suy, tư duy không đúng với chơn lý, đạo lý. Tâm sở Phiền Não Căn Bản còn lại (Ác Kiến) được gọi là Kiến Hoặc dùng để chỉ cho tất cả những mê mờ, sai lầm nơi dụng năng của 6 thân căn là thấy biết, nghe biết, ngửi biết, nếm biết, xúc biết, và nhận biết. Như thế 6 Căn Bản Phiền Não chính là toàn bộ Kiến Tư Hoặc. Trong 6 tâm sở Căn Bản Phiền Não trên, Mạt Na thức do bản tính mênh mang, nhẹ nhàng nên chỉ có 4 tâm sở là Tham, Si, Mạn, và Ác Kiến mà không có 2 tâm sở Sân và Nghi.

Tùy Phiền Não trong Duy Thức Học được phân định chi tiết ra 3 loại tùy vào phạm vi tương ứng với nhận thức, và tùy vào kích thước, dung lượng dính mắc vào đối tượng nhận thức (nơi nội tâm hoặc nơi trần cảnh bên ngoài) là rộng lớn hay nhỏ hẹp. Đó là 3 loại: Đại Tùy Phiền Não, Trung Tùy Phiền Não, và Tiểu Tùy Phiền Não:

Đại Tùy Phiền Não: là Tùy Phiền Não có phạm vi rộng lớn, không có đối tượng rõ ràng, mà lại mênh mang, khó nhận biết rõ. Đại Tùy Phiền Não có 8 tâm sở là: 1. Trạo Cử = thân tâm chao động, không tĩnh lặng; 2. Hôn Trầm = tâm nặng nề, không sáng suốt; 3. Bất Tín = không có lòng chánh tín nơi Tam Bảo; 4. Giải Đãi = lười biếng, không tinh tấn; 5. Phóng Dật = tâm phóng túng, buông lung; 6. Thất Niệm = tâm hay quên, không nhớ các sự việc đã trải qua; 7. Tán Loạn = tâm rối ren nhiều việc, không thể nhất tâm vào một việc; 8. Bất Chánh Tri = không biết đúng sự việc thực tế nơi thân tâm. (Mạt Na thức có đủ 8 tâm sở Đại Tùy Phiền Não này);

Trung Tùy Phiền Não: là Tùy Phiền Não có phạm vi trung bình, có đối tượng rõ ràng hơn, dễ nhận biết hơn so với Đại Tùy Phiền Não. Trung Tùy Phiền Não có 2 tâm sở là: 1. Vô Tàm = không biết tự hổ thẹn với chính mình; 2. Vô Quý = không biết xấu hổ với mọi người khác. (Mạt Na thức không có tâm sở Trung Tùy Phiền Não do không thích hợp về phạm vi tương ứng);

Tiểu Tùy Phiền Não: là Tùy Phiền Não có phạm vi nhỏ hẹp, có đối tượng cụ thể, rõ ràng, dễ dàng nhận biết như phiền não về một người, một việc, một vật... nào đó rõ rệt, không mờ lung. Tiểu Tùy Phiền Não có 10 tâm sở là: 1. Phẫn = tâm giận dữ; 2. Hận = tâm trì giữ những phần nộ trong quá khứ; 3. Phú = tâm che dấu các tội lỗi, các việc xấu ác của mình; 4. Não = tâm chao động, xáo trộn, bấn khoăn, muộn phiến; 5. Tật = tâm đố kỵ, ganh ghét; 6. Xan = tâm bòn xén, xan tham, không san sẻ, giúp đỡ người khác; 7. Cuống = tâm dối trá, lường gạt; 8. Siểm = tâm a dua, nịnh hót; 9. Hai = tâm gây tổn thương, thiệt hại đến người khác; 10. Kiêu = tâm tự mãn, xem mình hơn người khác về chuyên biệt một sự việc nào đó. (Mạt Na thức không có tâm sở Tiểu Tùy Phiền Não do không thích hợp về phạm vi tương ứng).

(còn tiếp một kỳ)

TRUNG ĐẠO

*Chẳng kéo cho căng cũng chẳng chùng
Không cần khổ hạnh hoặc buông lung
Đúng sai, phải trái nhìn ra cả
Giữ trọn con đường tá hữu phi*

*Dù ở bên nào cũng chúng sinh
Vi chung vọng tưởng hóa vô minh
Vô thường nào biết sanh phân biệt
Địch thủ hay là huyết thống ta*

*Nhập diệt lâu rồi Phật đã xa
Còn đây chánh pháp giữa Sa Bà
Y giáo phụng hành gìn giữ nghiệp
Đạo vẫn song song nhịp bước đời*

*Quốc độ mình đây lắm lẽ làng
Bao lần đối chủ sử sang trang
Thắng thua nên nổi niềm ân oán
Biết đến bao giờ cạn tiếng than*

*Sân hận, tham lam ngập thế gian
Nhân danh này nọ nổi năng can
Chủ nghĩa hoang đường nghe rất đã
Cơ đồ dân tộc phá tan hoang*

*Đạo pháp ngàn năm vẫn vững bền
Cho dù lắm lúc cũng chông chênh
Pháp lữ hai lòng phò quyền thế
Diễn trò bôi mặt dễ gì nên*

*Trăm năm một cuộc ngỡ dài lâu
Mưu sự nọ kia quên bẻ đầu
Chưa từng thiên lệch nhân quả luật
Chẳng chóng thì chầy hậu họa sâu*

*Phật giáo đồng hành với nước non
Cơ nghiệp ông cha vẫn hãy còn
Trung đạo con đường duy nhất đúng
Đạo đời hai nẻo phụng hành chung.*

thơ TIÊU LỤC
THẦN PHONG





VÍ DỤ VỀ CON KIẾN

Thích Tâm Nhân

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Dẫn nhập:

Khi thân thể tiêu tụy chỉ còn da bọc xương, những khổ thọ chết người đều đã trải qua, nhưng tâm vẫn không đạt được tri kiến gì, lúc ấy Siddhattha bình tĩnh, con đường khổ hạnh là con đường sai lầm, rồi ông nhớ lại: “Trong khi phụ thân Ta, thuộc giòng Sakka (Thích-ca) đang cày và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây diêm-phù-đề (jambu), Ta ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng? Và tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ”.

Từ đó, pháp hành thiền tuệ mà đức Thích Tôn quán chiếu chứng ngộ, được truyền dạy cho các hàng đệ tử tại gia, xuất gia, cho cả chư thiên, Phạm thiên... với nhiều hình thức, qua nhiều phương pháp. Kinh Ví dụ về con kiến cũng là giáo lý nổi bật sắc thái thiền quán dạy các Tỳ-kheo tu tập để đoạn tận lậu hoặc.

Xin giới thiệu kinh “Ví dụ về con kiến” (Phật thuyết nghị dụ kinh 佛說蟻喻經 – Pipilikopamānasūtra) 1 quyển, do ngài Thích Hộ (Danapāla, ?-1017), người nước Ô-điền-năng (Udyāna, ở giải đôi cạo phía Nam dãy núi Hindu kush ngày nay) Bắc Ấn Độ, dịch thời Bắc Tống (A.D. 960-1127), tạng Đại Chánh 1, số hiệu 95, trang 918.

Toát yếu nội dung kinh:

Bấy giờ, Thế Tôn phóng luồng hào quang lớn, chiếu sáng rực rỡ, rồi bảo các Bì-sô:

Các thầy nên biết, vào một thời có một bầy kiến, ban đêm thì bốc khói, ban ngày thì lửa cháy. Có một Bà-la-môn thấy sự việc như vậy mới nói rằng: “Nếu ai cầm dao bén thì chắc chắn có thể phá tan bầy kiến này.” Vừa nói xong lại thấy một con rùa lớn, vị Bà-la-môn nói: “Nếu ai cầm dao bén thì có thể phá được nó.” Sau đó lại thấy con sứa, con đĩa, nhiều côn trùng A-tây-tô-na, một con rắn lớn, một côn trùng Noa-đà-bát-tha, một côn trùng Tàn-ca-phù-tra, vị Bà-la-môn cũng nói như trước. Lại thấy con rỗng lớn, vị Bà-la-môn nói: “Những điều ta thấy thế nào duy chỉ có Thế Tôn mới biết được?” Ông ta đi đến chỗ một vị Bì-sô, trình bày lại mọi chuyện và nói: “Nhờ thầy hỏi Phật, giúp tôi gỡ mối nghi ngờ trong tâm. Đức Phật dạy gì tôi sẽ ghi nhớ trong lòng. Vì tôi chưa thấy Sa-môn, Bà-la-môn, trời, người thế gian đem nghĩa này thưa hỏi đức Phật, nên không thể khai mở được sự nghi ngờ trong lòng.”

Khi ấy, vị Bì-sô nhận lời đi đến chỗ Ta, đánh lễ rồi đứng qua một bên trình bày lại sự việc và thưa hỏi:

“Như Bà-la-môn thấy bầy kiến, vì sao nửa đêm phun khói, ban ngày lửa cháy, việc ấy như thế nào? Lại thấy con rùa lớn, con sứa, con đĩa,

côn trùng A-tây-tô-na, con rắn lớn, trùng Noa-đà-bát-tha, trùng Tàn-ca-phù-tra, con rỗng lớn. Những hiện tượng vị ấy thấy là sao? Còn Bà-la-môn kia là người thế nào? Sao gọi là dao bén phá tan? Mong Thế Tôn giải thích cho”.

Này các Bì-sô! Lúc đó Ta nói với vị Bì-sô kia rằng: Bầy kiến chính là thân ngũ uẩn của tất cả chúng sanh. Nửa đêm phun khói tức là chúng sanh khởi các suy nghĩ. Ban ngày lửa cháy tức là chúng sanh tùy theo suy nghĩ mà khởi lên thân nghiệp, ngữ nghiệp. Con rùa lớn là năm pháp ô nhiễm, con sứa là sự phân nộ. Con đĩa là sự tham lam, ghen ghét. Côn trùng A-tây-tô-na là pháp ngũ dục. Con rắn là vô minh. Côn trùng Noa-đà-bát-tha là sự nghi hoặc. Côn trùng Tàn-ca-phù-tra là sự ngã mạn. Con rỗng là các vị A-la-hán. Vị Bà-la-môn là Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng chánh giác. Sự sắc bén của con dao là người có trí. Con dao là trí tuệ. Phá tan là phát khởi thẳng hạnh tinh tấn.

Này các Bì-sô! Ý của các thầy thế nào? Những hiện tượng mà vị ấy thấy, nói một cách tóm tắt, là tất cả thân ngũ uẩn của chúng sanh đều do tinh cha huyết mẹ bất tịnh mà ngưng kết sinh ra, tứ đại hợp thành, sắc tướng hư giả, thô ác hạ liệt, chứa nhóm sự khổ não, rốt cuộc cũng bị tàn hoại. Nhưng các chúng sanh không hề hay biết, ngày đêm khởi lên suy nghĩ, tạo ra nghiệp thân, ngữ bất thiện, bị năm thứ phiền não che lấp, đắm trước nơi ngũ dục, tăng trưởng sự vô minh, sanh tâm ngã mạn; đối với các Thánh pháp nghi hoặc không quyết định, sân hận, tham lam, ghen ghét phát khởi trong từng niệm, không mong cầu giải thoát. Do vậy mà Như Lai Ứng cúng Chánh đẳng chánh giác muốn tất cả những người trí lập hạnh tinh tấn, tu tập trí tuệ, đoạn trừ phiền não, chứng được Thánh quả.

Này các Bì-sô! Khi chấm dứt được các hữu lậu sẽ chứng quả A-la-hán nên nói giống như rỗng.

Này các Bì-sô! Chư Phật Thế Tôn ở quá khứ và vị lai, với lòng bi mẫn thương yêu chúng sanh, muốn tất cả đoạn trừ phiền não, chứng Thánh quả và vị hàng Thanh văn mà rộng nói nghĩa này. Nay Ta cũng giống như chư Phật, đem nhân duyên này giảng thuyết cho các thầy nghe. Các thầy hãy ở nơi tịch tĩnh như đồng hoang, nhà trống, giữa núi, dưới gốc cây, trong hang, am thất... mà lắng lòng tư duy quan sát nghĩa này, đừng phóng túng, sanh tâm thối chuyển. Cũng nên khai thị, giáo đạo, truyền dạy rộng rãi cho người khác tu tập được lợi ích lớn.

Các vị Bì-sô nghe Phật giảng dạy đều tín thọ phụng hành.

Lời kết:

Bản kinh này được xếp trong A-hàm bộ tương đương Pāli: kinh Gò mối (Vammika sutta – The

ant-hill) 23, Trung bộ kinh (Majjhimanikāya) (Nam truyền đại tạng kinh 9 [Hán dịch], Trung bộ kinh 1, tr. 202). Cả hai bản kinh đều có nội dung gần giống nhau.

Trong kinh Gò mỗi kể rằng: “Một đêm nọ, một vị trời xuất hiện đến hỏi tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp (Kumara Kassapa [Ca-diếp đồng tử]):

Có gò mỗi ban đêm phun khói, ngày chiếu sáng; một Bà-la-môn bảo kẻ trí hãy cầm gương đào lên. Kẻ trí đào lên thấy: then cửa, con nhái, cái chĩa hai, một cái lọc, một con rùa, con dao phay, miếng thịt. Cuối cùng gặp một con rắn hổ, Bà-la-môn bảo kẻ trí hãy để yên con rắn và đánh lễ nó. Vị trời bảo Tỳ-kheo đến nhờ Phật giải thích ẩn ngữ trên, vì chỉ có Phật mới giải được.

Đức Phật giải thích: Gò mỗi là thân tứ đại, đêm phun khói là suy nghĩ, ngày chiếu sáng là ban ngày thực hiện những gì ban đêm suy nghĩ. Bà-la-môn là đức Như Lai, bậc Chánh đẳng giác. Kẻ trí là Tỳ-kheo bậc hữu học. Cây gương là trí tuệ bậc Thánh. ‘Đào’ là trí tuệ tinh tấn. Then cửa là vô minh; ‘đem then cửa lên’ là từ bỏ vô minh. Con nhái là phần nộ hiềm hận; cái chĩa hai là nghi hoặc; đồ lọc là năm phiền não trói buộc che lấp. Con rùa là năm thủ uẩn; dao phay là ngũ dục; miếng thịt là hỷ tham. ‘Đào lên’ có nghĩa là từ bỏ tất cả các thứ ấy. Con rắn hổ là vị đã diệt lậu hoặc, đáng đánh lễ.”

Cả hai kinh này đều thuộc thể loại thí dụ trong văn học Phật giáo Nguyên thủy; đức Phật thường dùng hình ảnh thí dụ giảng dạy để giúp người nghe dễ dàng so sánh, hiểu rõ nội dung giáo pháp. Trong bản kinh có những hình ảnh thí dụ về cơn trùng như trùng A-tây-tô-na, trùng Noa-đà-bát-tha... ngài Thích Hộ chí mới phiên âm, có thể ngài chưa truy nguyên được nguồn gốc của nó nên không dịch nghĩa. Chúng ta tạm hiểu những cơn trùng ấy là loại trùng độc, được đức Phật đưa ra ảnh dụ: Trùng A-tây-tô-na là pháp ngũ dục. Trùng Noa-đà-bát-tha là sự nghi hoặc. Trùng Tàn-ca-phù-tra là sự ngã mạn.

Tuy nội dung trong kinh đơn giản, ngắn gọn nhưng là đề tài thiền quán hướng dẫn cho các Tỳ-kheo tu tập trí tuệ vô ngã, và có chánh kiến xả bỏ ngã chấp, giả thân ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức: thân thể, cảm giác, tri giác, tâm hành, và nhận thức); thanh tịnh ba nghiệp, đoạn trừ năm thứ phiền não tham dục, sân hận, hôn trầm, tán loạn, nghi ngờ pháp... lần lượt đoạn trừ tất cả phiền não, tà kiến, các tâm cấu uế, cho đến chứng đắc Thánh quả.

Trong kinh Gò mỗi còn ghi lại: Vào thời gian đức Phật thuyết kinh này, tôn giả Cưu-ma-la Ca-diếp đang ở địa vị hữu học, sau khi thiền quán về đề tài này liền chứng đắc quả vị A-la-hán.

ĐI THEO CÙNG MÙA THU

*Đi theo cùng mùa thu
Là cơn gió rất nhẹ
Và cơn mưa thật khẽ
Trong một ngày... rất thu!*

*Gió lay nghe tiếng lá
Nhuộm thật vàng nắng mai
Con mưa bay êm ả
Đường thu miên man dài*

*Lá vàng lá về cội
Đi theo niềm tiếc thương
Chợt mùa thu bồi hồi
Xóa lá thom mặt đường!*

*Ta lặng nghe tiếng suối
Giữa muôn trùng lá thu
Tưởng vó câu rong ruổi
Cổ tích xưa biệt mù?*

*Đi theo ngày mùa thu
Là cơn mưa cảm xúc
Chẳng cần đâu hoa cúc
Lá quanh mình vàng ru...*

SÔNG

*Vắt nguồn ra biển tìm vui
Hòa trong vị mặn ngậm ngùi đại, khôn
Bể dâu, biển hóa nên còn
Cuối giòng nước lợ. Hỏi hồn sông dâu?...*

GÓI NẮNG

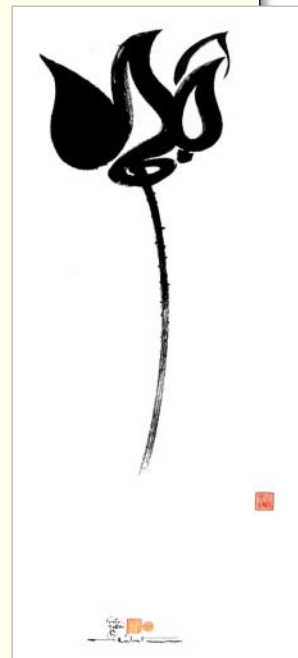
*Gói vào đâu sợi nắng quen?
Một hôm xuống phố. Mắt đen, nắng cười.*

*Gói trong tóc thơm hương người
Lại e sợi nắng biêng lười ngủ quên.*

*Gói vào rùng lá mộng mênh
Sợ trưa nắng gắt vàng lên bóng ngày...*

*Gói tròn nắng. Chiếc khăn tay
Một chiều đông mở nắng ngày xưa thom?...*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**



GIỮ GIỚI CẦN TRỌNG SẼ GIẢI THOÁT

Nguyễn Giác

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nhiều Thiên sư tiếp cận với cộng đồng Hoa Kỳ và Tây phương, trong những thời gian đầu dạy Thiên, thường tránh nói về giới, vì có thể bị hiểu nhầm là muốn chiêu dụ người khác đạo trở về với Đạo Phật. Thêm nữa, có những môi trường, thí dụ như tại các trường công lập Hoa Kỳ, thuyết giảng về tôn giáo là điều cấm kỵ.

Khái niệm về giới trong nhà Phật cũng khác với khái niệm về các điều răn trong các tôn giáo khác. Giới trong Phật giáo là tự nguyện đối trước Tam bảo, là phát nguyện trước Phật-Pháp-Tăng rằng người thọ giới tự nguyện (không bị ai ép buộc) là sẽ giữ gìn một số điều giới, trong khi hầu hết các tôn giáo khác không có khái niệm đó, mà họ chỉ có khái niệm về điều răn (Commandments) mà họ tin là từ lệnh trời ban xuống. Do vậy, khi giải thích về giới trong môi trường ngoài Phật giáo dễ gây ngộ nhận là chiêu dụ cải đạo. Trong khi đó, giới có tầm quan trọng rất lớn trong nhà Phật, và không có giới sẽ không đắc định (dù là sơ thiền).

Quan trọng tới mức, Phật giáo Trung Quốc thời xưa có riêng một tông phái có tên là Luật tông. Trong bộ sách Phật Học Phổ Thông của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, nơi Bài Thứ 6 về Mười Tông Phái Phật Giáo Ở Trung Hoa, ghi rằng Luật Tông (tông này, chủ yếu nói về giới Tỳ kheo) do ngài Đạo Tuyên thời nhà Đường thành lập.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa viết về tầm quan trọng của giới, ngay cả với Phật tử tại gia:

"Nói một cách tổng quát, giữ một giới là ngăn ngừa được một điều tội lỗi, và thêm được một điều lành; giữ nhiều giới là ngăn ngừa được nhiều điều tội lỗi và thêm được nhiều điều lành. Bởi thế, nên giữ giới luật là phương pháp tu không xa thực tế và rất cần thiết cho các Phật tử cầu đạo giải thoát."

Nhờ giữ "giới luật" không làm các việc tội lỗi, nên tâm được "định"; do tâm định nên phát ra "trí huệ sáng suốt". Nhờ có trí huệ sáng suốt nên phá trừ được vô minh si ám, và được minh tâm kiến tâm thành Phật."

Người tu tại gia có giữ giới, mới thành Phật tử chơn chính. Người xuất gia thọ Sa-di, có giữ giới mới phải là chơn tu. Thầy Tỳ-kheo có giữ giới mới phải là Tỳ-kheo thanh tịnh. Bồ Tát có giữ giới mới

phải là chơn Bồ Tát. Bởi thế nên trong ba môn vô-lậu học (giới, định, huệ), "giới" đứng đầu tất cả."

Trong tạng Pali, có khoảng ít nhất là 10 Kinh, nói rằng chỉ cần giữ giới, là tự nhiên giải thoát. Như trong Tăng Chi Bộ, Kinh AN 10.1 ghi rằng hệ giữ được giới [Tỳ kheo] nghiêm chỉnh, là tự nhiên đắc định, tự nhiên đắc tuệ, và tự nhiên giải thoát. Vì tất cả các bước tiến tự động theo sau như dòng sông lưu chảy, như Đức Phật nói với ngài Ananda, rằng "các thiên giới thứ lớp đưa đến tối thượng." Có nghĩa là, không cần ngồi thiền với chỉ hay quán, mà các pháp tuần tự thành tựu nếu giữ giới nghiêm túc.

Bản Kinh nằm kế tiếp Kinh trên, trong Tăng Chi Bộ là AN 10.2, nói rằng người giữ giới không cần khởi tâm ước muốn gì, vì từng bước sẽ tự hoàn thành. Kinh AN 10.2, trong bản dịch của Thầy Minh Châu, trích như sau:

"Này các Tỳ-kheo, với người có giới, có giới đầy đủ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng không hồi tiếc sẽ sanh khởi nơi ta". Pháp nhĩ là vậy, này Tỳ-kheo, với người có giới,

có giới đầy đủ, không hồi tiếc sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, với người không hồi tiếc, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hân hoan sẽ sanh khởi nơi ta". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có không hồi tiếc, hân hoan sanh khởi. Này các Tỳ-kheo, với người có hân hoan, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng hoan hỷ sẽ sanh khởi nơi ta". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có hoan hỷ, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng thân ta được khinh an". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có ý hoan hỷ, thân được khinh an. Này các Tỳ-kheo, với người có thân khinh an, không cần phải làm với dụng ý rằng: "Mong rằng ta cảm thọ an lạc". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có thân khinh an, an lạc được cảm thọ. Này các Tỳ-kheo, với người có an lạc, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng tâm ta được Thiền định". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, với người có an lạc, tâm được Thiền định. Này các Tỳ-kheo, với người có Thiền định, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta biết, ta thấy như thật". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, người có tâm



Thiền định, biết và thấy như thật". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, người có tâm Thiền định, biết và thấy như thật. Này các Tỳ-kheo, người biết và thấy như thật, không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ nhàm chán, ta sẽ ly tham" Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, người biết và thấy như thật, nhàm chán và ly tham. Này các Tỳ-kheo, người nhàm chán, ly tham không cần phải làm với dụng ý: "Mong rằng ta sẽ chứng ngộ giải thoát tri kiến". Pháp nhĩ là vậy, này các Tỳ-kheo, người nhàm chán, ly tham, chứng ngộ giải thoát tri kiến." (1)

Chúng ta có thể giải thích cách nào về hiện tượng, một cách tự nhiên, khi giữ giới luật cũng đủ để giải thoát? Có thể là (chúng ta chỉ suy đoán theo Kinh Phật) khi một người Phật Tử giữ giới nghiêm chỉnh, ly bất thiện pháp, ly dục (nếu là cư sĩ, thì phải sống đời độc thân), với tâm (chú tâm vào giữ giới) với tứ (dán tâm vào giữ giới), với nhất tâm, thì sẽ tới lúc tự động vào sơ thiền, và Đức Phật nói trong Kinh AN 4.123 rằng hễ ai thường trực sống trong sơ thiền thì khi từ trần, nếu chưa giải thoát thì sẽ đắc quả Bất Lai, và sau đó là sẽ vào Niết Bàn tối hậu.

Trong Kinh kể tiếp Kinh dẫn trên, Đức Phật nói trong Kinh AN 10.3 qua một so sánh rằng, người giữ giới y hệt như một cội cây đầy sức sống, tất nhiên sẽ mọc cành, mọc lá, mọc hoa. Kinh này, trích như sau:

"Ví như này các Tỳ-kheo, một cây có đầy đủ cành và lá, các mầm non của cây ấy đi đến viên mãn, vô trong, giác cây, lõi cây đi đến viên mãn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, với giới có mặt, với giới có đầy đủ, không hối tiếc có sở y. Với không hối tiếc có mặt, với không hối tiếc có đầy đủ... giải thoát tri kiến có sở y." (2)

Tương tự, trong các Kinh AN 10.4, AN 10.5, AN 11.1, AN 11.2, AN 11.3, AN 11.4, AN 11.5 ghi rằng giữ giới sẽ dẫn tự nhiên tới định, tới tuệ và tới giải thoát, mà không cần ước muốn hay làm gì khác.

Trong Tạng A Hàm, Kinh Tăng Nhất A Hàm EA 23.5, cũng ghi rằng thành tựu được hương giới, tất nhiên sẽ ly dục, tất nhiên sẽ không nhiễm, tất nhiên được chánh trí, tất nhiên được giải thoát, theo bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ & Đức Thắng:

*"Trong hết thầy hương này,
Hương giới là tối thắng.
Thành tựu được giới này,
Không dục, không bị nhiễm,
Chánh trí mà giải thoát.
Chỗ đi, Ma chẳng biết." (3)*

Trong Tạng A Hàm, Kinh SA 1073 cũng nói về oai lực của giới y hệt như vừa dẫn.

Tuy nhiên, chúng ta có thể thắc mắc rằng, giới luật nhiều quá, vậy thì có cách nào rút gọn lại hay không? Để rút gọn, Đức Phật từng dạy trong các kinh Phật Thuyết Như Vậy (Itivuttaka) rằng chỉ cần đoạn trừ một pháp là đủ. Đó là, hoặc đoạn trừ tâm tham, hoặc tâm sân, hoặc tâm si.

Nơi đây, chúng ta sẽ tập trung về tâm tham. Trong Kinh Iti 1, Đức Phật dạy rằng, chỉ cần từ bỏ tham, là sẽ đắc quả Bất Lai. Kinh Iti 1, ghi lời Đức Phật, xin trích dịch như sau, dựa vào các bản Anh văn:

"Hãy từ bỏ một điều, này các Tỳ-kheo, và ta bảo đảm rằng các người sẽ đắc quả Bất lai, sẽ không quay trở lại cõi này. Đó là một điều gì?

Tham là một điều đó, này các Tỳ-kheo. Hãy từ bỏ tham, và ta bảo đảm bảo các người sẽ không quay trở lại." (4)

Còn với những người giỏi hơn, thì trong Kinh Iti 9, Đức Phật nói rằng, người nào trực tiếp biết và hiểu hoàn toàn về tâm tham, ly tham được thì sẽ hoàn toàn giải thoát, tức là chứng quả A la hán:

"Bằng cách trực tiếp biết và hoàn toàn hiểu biết về tham, từ bỏ tham và dứt bỏ tham hẳn, người có thể chấm dứt đau khổ." (5)

Như thế, tất cả các giới luật có thể quy về một điểm "ly tham" cho đơn giản, nếu chưa hiểu "tham" hoàn toàn, cũng sẽ chứng quả Bất Lai (theo Kinh Iti 1), nếu hiểu "tham" hoàn toàn, là giải thoát ngay trong đời này (theo Kinh Iti 9).

Nhưng, "tham" hiện ra ở đâu để cho mình từ bỏ? Đó là một tâm sở có thể sẽ xuất hiện ra trong tâm, khi nội xứ gặp ngoại xứ, khi mắt gặp cái được thấy, khi tai gặp cái được nghe, khi mũi gặp mùi hương, vân vân. Như thế, khi mắt tham cái đẹp, khi tai tham cái giọng nói du dương, vân vân... đều là cửa dẫn tới sinh tử luân hồi. Nghĩa là, phải nhìn thường trực mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... hể thấy tâm tham lấp ló là trùng mắt ngó liền, thì tâm tham sẽ từ từ nhạt dần, cho tới khi biến mất. Nghĩa là, chánh niệm và tỉnh giác. Nếu chúng ta không hiểu rõ tận tường tâm tham (như Kinh Iti 9 dạy), thì chỉ cần ly tham (như Kinh Iti 1 dạy) là đủ để chứng quả Bất Lai.

Như thế, giới là một cửa giải thoát cực kỳ quan trọng. Như thế, ly tham, là đủ. Tuy nhiên, Thiền Tông vẫn cho rằng như thế chưa đủ, vì vẫn là pháp đối trị, dù là đối trị "tâm tham" là điều cần thiết, mà phải nhìn thấy bản tính của tâm, tức là, thay vì nhận diện xem tâm tham hiện ra thế nào để buông bỏ, nghĩa là còn vướng trong thế giới ngôn ngữ của "tham" và "ly tham" - mà Thiền Việt Nam bảo là cần đọc Kinh vô tự, là nơi không còn chữ nào hiện ra trong tâm nữa, là xa lìa cả hai bờ. Và bản tính của tâm, tức là Tâm Không, tức là Vô Tâm, là nơi tình thức của tịch lặng, và nơi không còn chữ nào hiện ra, nơi "ngôn ngữ đạo đoạn" (con đường ngôn ngữ dứt bật) và là nơi "tâm hành xứ diệt" (nơi tâm duyên dứt bật, tình thức với mặt trời Tâm Không, lìa cả ý và lời). Trực nhận bản tâm, tình thức thường trực với Tâm Không, còn gọi là giữ giới bình đẳng.

Bởi vậy, giới là cửa giải thoát, nơi chúng ta phải đi từng chút một, phải quan sát từng hơi thở, phải tỉnh giác từng cái nhìn, cái nghe... hàng ngày, tuần tự theo lời Đức Phật dạy.

GHI CHÚ:

(1) HT Minh Châu. Kinh AN 10.2: https://suttacentral.net/an10.2/vi/minh_chau

(2) HT Minh Châu. Kinh AN 10.3: https://suttacentral.net/an10.3/vi/minh_chau

(3) HT Tuệ Sỹ, HT Đức Thắng. Kinh EA 23.5: https://suttacentral.net/ea23.5/vi/tue_sy-thang

(4) Kinh Iti 1: <https://suttacentral.net/iti1/en/ireland>

(5) Kinh Iti 9: <https://suttacentral.net/iti9/en/sujato>

Đọc bài Từ “Thủy điệu ca đầu” của thi hào Tô Đông Pha

LAM NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Người xưa thường ca ngợi về Thơ và Từ của Tào rằng: “Thịnh Đường, Long Tống” Đây là cột mốc đánh dấu một thời vàng son của hai triều đại nhà Đường và nhà Tống.

Tiểu sử Thi sĩ Tô Đông Pha 蘇東坡 tức Tô Thức 蘇軾 (1037-1101) là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng của thời Bắc Tống nước Tàu; tự là Tử Chiêm, người ở My Sơn, Tứ Xuyên. Cùng Cha là Tô Tuấn, em là Tô Triệt được mệnh danh là (Tam Tô 三蘇) được liệt vào trong “Đường Tống Bát Đại Gia”, tám nhà văn lớn thời nhà Đường, nhà Tống.

Hôm nay chúng xin giới thiệu về bài Từ 詞 “Thủy điệu ca đầu 水調歌頭” của Tô Thức tức Tô Đông Pha như sau.

Năm nào cũng vậy, tới ngày Trung Thu là tôi nhớ đến Tiên phụ của chúng tôi thường nhắc đến những thơ về mùa Thu cả Tàu lẫn Việt. Mà một trong những bài Cụ thích là Bài Từ “Thủy điệu ca đầu” của Tô Đông Pha! Nếu muốn đánh giá một tác giả đời Tống thì nên gôm vào 3 thể loại: Thơ, Từ và Văn xuôi. Từ đời nhà Tống có thể nói phần lớn mang chất “Trữ tình”. Từ là nói những điều mà Thơ khó diễn tả, Ta cũng khó nói trọn vẹn! (Lời của các bậc Tiên bối!). Có phải Nội dung của Từ thường tả Cảnh, Trữ tình hay Tự sự đã đạt đến Diệu-cảnh mà còn thấy một ít tác phẩm về “Lý”, đem “Lý Thiên” vào Từ-khúc!

Có thể nói một cách xác thực rằng là Mùa “Thu cao khí sảng 秋高氣爽”, Trăng sáng ngàn dặm. Người xưa phần đông đều thích lên núi cao thưởng ngoạn để tâm hồn được sáng khoái, hoặc để giải sầu, hoặc đọc lại bài thơ về mùa Thu:

Thủy Điệu Ca Đầu

水調歌頭

Minh nguyệt kỷ thời hữu?

明月幾時有?

Bà tửu vấn thanh thiên

把酒問青天

Bất tri thiên thượng cung khuyết

不知天上宮闕

Kim tịch thị hà niên?

今夕是何年?



TÔ ĐÔNG PHA
Tranh vẽ của
Triều Mạnh Phủ
趙孟頫 (1254-1322)

Ngã dục thừa phong quy khứ
我欲乘風歸去
Hựu khủng ngọc lâu ngọc vũ
又恐瓊樓玉宇
Cao xứ bất thắng hàn
高處不勝寒
Khởi vũ lộng thanh ảnh
起舞弄影
Hà tự tại nhân gian!
何似在人間!

Chuyển chu các
轉朱閣
Đê ý hộ
低綺戶
Chiếu vô miên
照無眠
Bất ứng hữu hận
不應有恨
Hà sự thiên hướng biệt thì viên?
何事偏向別時圓?

Nhân hữu bi hoan ly toàn
人有悲歡離全

Nguyệt hữu âm tình viên khuyết

月有陰晴圓缺

Thử sự cổ nan toàn

此事古難全

Đàn nguyện nhân trường cửu

但願人長久

Thiên lý cộng thuyền quyên.

千里共嬋娟。

(Tô Thức Tô Đông Pha)

Phỏng dịch:

Điệu Thủy Điệu Ca Đầu

Trăng sáng tự bao giờ

Nâng chén hỏi trời xanh

Cung điện ở trên đó

Đêm nay là đêm nao

Ta muốn cùng gió bay

Nhưng lại tiếc lầu quỳnh

Nhưng lại tiếc điện ngọc

Ngại núi cao gió rét

Cùng trăng múa theo người

Đời nào có chi vui

Lầu son và gác tía

Màn gấm cửa buông che
Tâm sự tràn giắc ngủ
Trăng giật người hay sao
Ly biệt mà vẫn tròn
Tan hợp người có lúc
Tròn khuyết nỗi vui buồn
Sáng tối không trọn vẹn
Chuyện xưa nay lẽ thường
Mong đời người mãi mãi
Yêu kiều cùng trăng trong!

(Lam Nguyên)

Người xưa thường bảo rằng: "Từ tà đặc cực kỳ thanh nhã, hữu cực kỳ hồi hoàn uyển chuyển". Đâu có khác gì "Dĩ thi nhập từ" (lấy Thơ mà vào Từ khúc!). Hai câu "Thiên thượng cung khuyết, Kim tịch thị hà niên?" đã nói lên lòng yêu nước của Tô Đông Pha. Câu "Ngã dục thừa phong khứ", đây là **bút thế khai hợp**, đã nói lên tâm trạng bằng khoáng trước cảnh mệnh mỏng trăng sáng cảnh đẹp. Giữa hai câu đối chiếu "**Chu các ý hộ, Quỳnh lâu ngọc vũ**" đã diễn tả màu sắc của Trăng, lại tả được nỗi lòng của mình, tả được cái nhân sinh quan của cuộc sống "Buồn, vui, sum hợp, chia ly..." Thơ của Thi hào **Tô Đông Pha** rất phong phú, cũng rất phức tạp. Đặc sắc Thơ, Từ của ông mang đậm nét trữ tình; ông cũng bất mãn về cuộc sống chánh trị thời ấy nên vẫn cố những vần tìm cách xua tan nỗi thất vọng và tìm lại cái đẹp, cái quý của quê hương và bằng hữu! Trong bài Từ khúc "**Thủy điệu ca đầu**" đã cho ta thấy những tình tâm hồn thanh cao, những tình cảm sâu sắc tế nhị, và cả nhân sinh quan Đông-phương! Xứng đáng đứng trong Đường Tống Bát Đại Gia 唐宋八大家!

Seattle, đêm chớm Thu... 2023



VỀ XUÔI MƯA NGUỒN...

Loanh quanh mấy bận trăm luân
Gương xưa đã vướng bụi trần mây khi
Dùng dằng lúc ở khi đi
Bèo mây sum họp chia ly lại buồn
Ai hà càng buộc càng vương
Người thương kẻ ghét chung đường sánh vai
Mờ mờ nhân ảnh tỉnh say
Cùng chung một giấc mộng dài vô minh
Nghiệp đeo như bóng theo hình
Xuôi tay nhắm mắt giạt mình tỉnh ra
Đâu là bản thể hồi ta
Trời xanh hoa lá giao hòa nước mây
Bồ Đề nào thấy bóng cây
Gương trong đâu nhọc bởi tay người chùi
Bận lòng chi để ngậm ngùi
Không sinh chẳng diệt về xuôi mưa nguồn...

BUỔI SÁNG KHÁC

Hát với mặt trời ngợi ca ngày mới
Trong hân hoan sớm mai
Không ai nhớ bầy cò đêm suốt cả khuya chưa chợp mắt
Mơ man ngón tay sương buồn buốt
Chút gió ngưng ngừng lẩn trốn vào im lặng
Tia nắng đầu ngày chập chững đậu xuống buổi mai
Khung cửa mở sớm
Trong sự lặng im cô độc
Âm thanh duy nhất trong vườn tượng là tiếng chim
lảnh lót
Trên những bông hoa tự khép nở và tàn
Trước khi những tiếng động bình thường bắt đầu va đập
Nhưng tất cả đã không theo diễn biến như ngàn buổi
sáng khác
Có một điều gì đó bất thường từ bầu trời
Con gió lên trốn
Tiếng chim lên trốn
Tia nắng mai sượng sùng lịm tắt
Người thôi hát bài hoan ca mặt trời
Bầy cò ngược nhìn vầng mây ướt sũng
Buổi mai tự khi nào xám xịt
Con mưa vấp vào nguồn cội ào ạt trở về...

thơ TỊNH BÌNH



SỐNG HỖ XẢ ĐỂ DỨNG TIẾN

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam Viên thương mến,
Hôm nay Nhóm Áo Lam xin kể Anh Chị Em (ACE) nghe một câu chuyện về các chàng thanh niên kính mộ tôn giả Ma-ha Ca Diếp và thái độ của Đức Phật cũng như bài học Ngài dạy cho chư tỳ kheo.

Thuở ấy, vào một ngày hội vui vẻ, đức Phật cùng đoàn tỳ kheo lên đường đi khất thực ở thành Vương Xá. Dọc đường, họ trông thấy một đoàn thanh niên tay mang giỏ đựng bánh chiên, đi hướng về Tăng đoàn vui đùa mà chẳng dâng cúng đức Phật cùng chư Tăng. Đức Phật dừng lại nói với chư tỳ kheo: “Này chư tỳ kheo, hôm nay chúng ta sẽ ăn các bánh chiên trong giỏ kia. Người chủ các bánh chiên đang đi gần tới đây. Chúng ta hãy ngồi lại trong chốc lát, đợi bánh đem đến, ăn rồi sẽ đi.”

Đức Phật và chư Tăng vừa ngồi xuống gốc cây bên lề đường thì trông thấy từ đằng xa, tôn giả Đại Ca Diếp cũng vừa đi tới. Đoàn thanh niên liền quỳ xuống đánh lễ tôn giả và dâng cúng bánh chiên. Tôn giả bảo họ rằng: “Này các bạn thanh niên, Thầy ta là đức Phật đang ngồi dưới gốc cây kia với chư tỳ kheo. Các bạn nên đến đánh lễ và dâng bánh lên cúng dường.”

Các thanh niên vâng lời đem bánh đến bên đức Phật, đánh lễ và dâng lên cúng dường ngài và chư tỳ kheo. Đức Phật vui vẻ thọ nhận, xong ngài tiếp tục lên đường.

Bấy giờ có vị tỳ kheo thắc mắc bạch Phật: “Bạch Thế tôn, có phải các thanh niên đã tỏ ra thiên vị không? Vì họ đã tôn trọng tôn giả Đại Ca

Diếp hơn cả Tăng đoàn.” Đức Phật dạy: “Này chư tỳ kheo, tỳ kheo nào có đầy đủ giới đức như Đại Ca Diếp thì được cả Trời, Người đều kính trọng, dâng hiến đầy đủ tứ sự cúng dường. Rồi ngài nói lên bài kệ sau đây:

*“Đủ giới đức chánh kiến,
Liễu ngộ pháp chân như
Thành tựu mọi công hạnh
Quần chúng yêu kính người”*
(Kinh Pháp Cú, kệ 217)

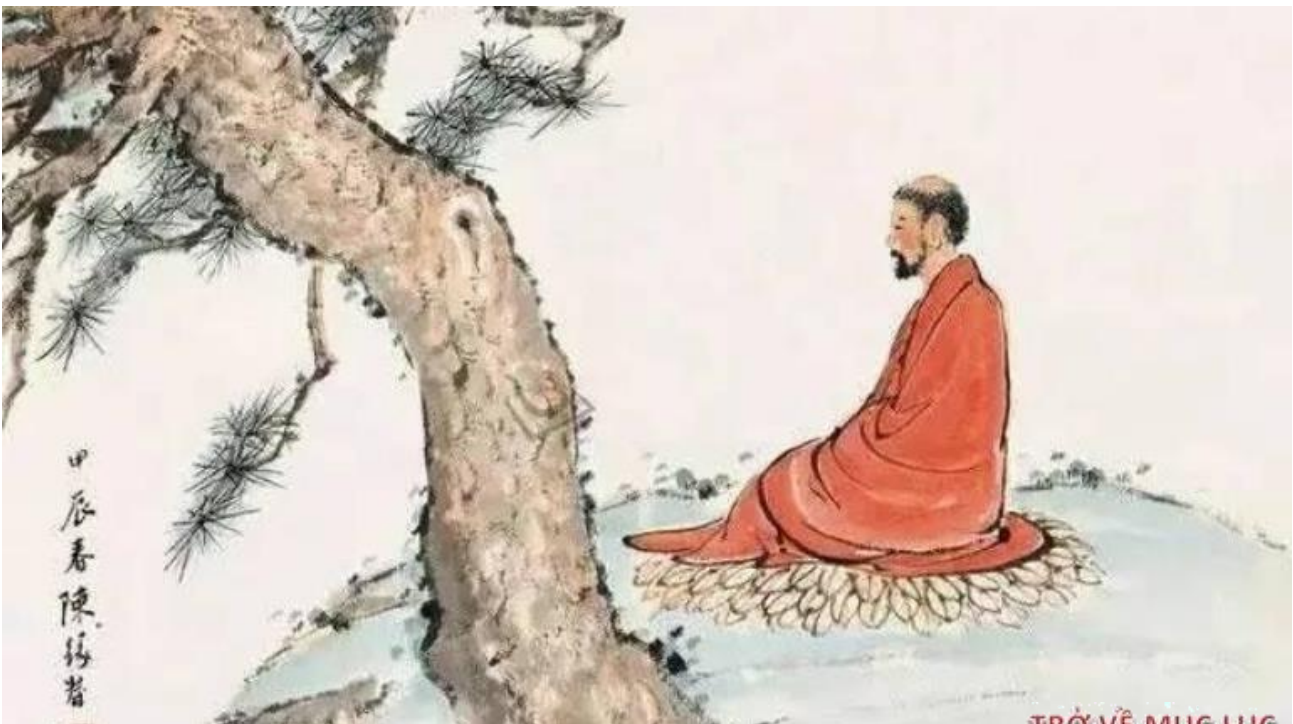
Thưa ACE thương mến,

Bài học đơn giản, đó là bất cứ vị tỳ kheo nào đầy đủ giới đức, chánh kiến, liễu ngộ chân như, thành tựu mọi công hạnh đều được quần chúng ngưỡng mộ yêu kính. Vậy nên hãy học hỏi cho đầy đủ, để liễu ngộ chân như, để thành tựu mọi công đức như ngài Đại Ca Diếp, lúc đó sẽ được mọi người yêu kính, ngưỡng mộ, chứ không cần đeo lên mình những chức vụ to tát, cao sang... Là đệ tử Phật, chúng ta sống theo lời dạy của Ngài, đi theo từng bước chân của Ngài.

“Người Huỳnh trưởng GDPT sống hỷ xả để đứng tiến trên đường đạo,” đó là điều luật thứ 5 của ngành Thanh và Huỳnh trưởng.

Xin thương mến kính chúc ACE thấm nhuần hương Từ Bi và Trí tuệ giải thoát.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



TRỞ VỀ MỤC LỤC

VẤN ĐỀ THÂN GIÁO CỦA MỘT HUYNH TRƯỞNG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Tâm Quả

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Phàm ở đời, ai cũng muốn được mọi người yêu mến, kính trọng, muốn lưu danh thơm cho đời sau, muốn được mọi người tán thán, khen tặng. Nhưng họ thường quên nhìn lại tư cách, phẩm chất đạo đức của mình mà chỉ trau chuốt cái vỏ bên ngoài để tự cho mình xứng đáng với sự kính trọng của cuộc đời. Và quên rằng để đạt được những mong muốn trên là do cách sống giữa đời, từ thái độ đối đãi với người chung quanh. Cho nên, thân giáo là một trong những yêu cầu quan trọng cần được quan tâm tu chỉnh, rèn luyện. Ở đây, người viết xin mạn phép cùng trò chuyện với tư cách là một người Huynh trưởng trong tổ chức GDPT để cùng nhau suy nghĩ, giúp nhau tiến bộ và thăng hoa trong cuộc sống.

Người huynh trưởng là ai? Đó là những đoàn sinh lớn lên trong tổ chức GDPT có thời gian sinh hoạt và tu học lâu năm, gần bó trong bộ đồng phục lam. Là những vị đã kinh qua vài khóa huấn luyện như Lộc-uyển, A-đục, nhất là đã tự giác phát nguyện trước đức Thế Tôn xin nhận trách nhiệm vừa tự giác, vừa giác tha để đền ơn Phật tổ.

Biết sơ sơ về lý lịch như vậy chúng ta đã có thể hình dung một anh hay chị trưởng phải là người có Tâm đạo, có vốn Phật pháp, có trình độ hiểu biết và sống theo đạo lý làm người một cách đúng đắn nghiêm túc. Tại sao một Huynh trưởng GDPT phải đặt nặng vấn đề Thân giáo? Vì các anh, chị là những người đại diện cho một đơn vị Phật giáo sống theo tôn chỉ Bi-Trí-Dũng, là người đứng trước hàng chục, hàng trăm đoàn sinh hay nhiều hơn nữa để làm nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ dạy cho thế hệ trẻ đi vào Đạo, giúp họ thực hành Bát chánh đạo và vận dụng lời giáo huấn của đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni ngay cuộc sống của mình để trở thành người Phật tử thuần thành, người con hiếu thảo và cũng là người công dân mẫu mực cho xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ này có hiệu quả thì lẽ đương nhiên, trước hết, anh chị phải lấy chính bản thân mình làm đối tượng giáo dục, lấy chính cuộc sống của mình từ lời ăn tiếng nói đến cử chỉ, hành động của mình với gia đình, họ hàng, bà con lối xóm... làm gương để các em có thể kiểm nghiệm điều Huynh trưởng nói mà học hỏi, noi theo.

Thử hỏi, nếu mọi người nhìn thấy một Huynh trưởng mà chưa quy y Tam bảo, nghĩa là chưa tự nguyện giữ năm giới luật Phật dạy cho người Phật tử tại gia, thì làm sao có thể dạy các em quy y Tam bảo và tôn kính Tam bảo?

Theo thiên ý của tôi, một Huynh trưởng khi được công nhận chính thức vào hàng ngũ Huynh trưởng GDPT, người ấy cần phải có một trình độ học vấn nhất định để có đủ trí tuệ tiếp thu Phật pháp và từ đó có thể đem điều hiểu biết về lời Phật dạy truyền lại cho các em. Nếu Huynh trưởng thiếu trình độ, thua đoàn sinh thì không thể nào giảng pháp và thuyết phục đoàn sinh tin cậy tôn trọng mình?

Thử nhìn vào xã hội, thấy người Huynh trưởng sống đời sống không chánh mạng, buôn gian, bán lận, cần thừa đo thiếu, cho vay lấy lãi, mua bán số để, ăn nói hung tợn, đánh lộn, chửi thề, đa ngôn vọng ngữ... thì làm sao đủ tư cách giảng dạy giáo lý Phật-đà cho đoàn sinh? Ngoài ra, còn có vài Huynh trưởng la cà trong quán bia rượu, ngày nào cũng uống

rượu như uống nước thì người ấy có thể làm được điều gì tốt lành, đúng đắn cho gia đình, cho cuộc đời?

Hơn nữa, một Huynh trưởng mà không thể ăn chay 10 ngày trong một tháng thì làm sao động viên được đoàn sinh ăn chay trọng 4 ngày? Mà không ăn chay được thì không thể thực tập và nuôi dưỡng tâm Từ Bi. Bởi người Phật tử mà từ chối việc huấn tập tâm Từ Bi thì không thể gọi là một người Phật tử chân chính.

Nhiều Huynh trưởng chỉ mới dừng lại ở hoạt động đến chùa vào buổi sinh hoạt của GDPT hoặc đi dự lễ trong ngày Phật Đản, Vu Lan... ngoài ra ít thấy người nào về chùa để hòa cùng với quý Thầy, quý Cô hay các bác Ban hộ tự tụng kinh niệm Phật, tu bát quan trai hoặc đi làm từ thiện xã hội, nhất là đi nghe thuyết pháp. Một huynh trưởng nếu không chịu tu tập thì chẳng thể nào mở mang trí tuệ để thực hiện tiêu chí Trí của GDPT.

Trong cuộc sống, tùy theo hoàn cảnh gia đình, mỗi Huynh trưởng có một cách mưu sinh, nghề nghiệp khác nhau. Nhưng thiết nghĩ đã là Huynh trưởng, thì phải chọn nghề nghiệp thích ứng với đời sống Phật tử, Dũng cảm định hướng



đúng đắn cho mình. Huỳnh trưởng GDPT không thể vì lợi nhuận mà làm các nghề có liên quan đến rượu chè, cờ bạc như làm chủ quán nhậu, quán karaoke... và ngay cả làm nghề đồ tể cũng nên tìm cách buông bỏ mới đảm bảo được tư cách đạo đức của mình. Bởi một khi đã phát nguyện nhận trách nhiệm Huỳnh trưởng GDPT, đương nhiên lấy bản thân mình làm tấm gương soi cho đàn em nên phải buộc lòng lựa chọn mà thôi. Đó là chỉ mới Huỳnh trưởng tập sự, sau khi được phong cấp Tập - Tín hay Tấn - Dũng thì chắc chắn các anh chị phải hoàn thiện bản thân mình ở mức độ cao hơn nhiều. Nếu thấy khả năng của mình không thể dùng Thân giáo thì xin từ chối, không nên phát nguyện, vì một khi đã nhận trọng trách ấy thì phải giữ tư cách của mình đúng theo tinh thần Huỳnh trưởng mẫu mực. Ở đây, chúng ta phải biết rằng, làm huỳnh trưởng là tự nguyện chứ không phải bị một ai bắt buộc hay trói buộc bởi bất cứ điều gì, mình phụng sự tổ chức áo lam không phải vì được phong cấp hay có chức vị mới làm. Tâm nguyện của người huỳnh trưởng chính là tâm nguyện hi sinh vì tổ chức và đàn em của mình!

Ngày nay, không ít Huỳnh trưởng xem thường việc học, tìm hiểu giáo lý. Chúng ta thấy, ngoài chút vốn giáo lý của các bậc học ra ít khi người huỳnh trưởng chịu tìm hiểu học hỏi thêm kinh sách, nghe thuyết giảng trực diện từ quý thầy cô hay nghe qua các băng đĩa Phật giáo, nếu vậy thì làm sao biết pháp, hiểu pháp và hành pháp để tu chỉnh bản thân? Bởi vì, đó là những việc làm rất cần thiết, chúng sẽ giúp mình rèn luyện Thân - Khẩu - Ý ngày càng gần với chánh pháp hơn. Đây là điều thật đáng buồn.

Vì vậy cho nên, một Huỳnh trưởng ông, Huỳnh trưởng bà, Huỳnh trưởng cha, Huỳnh trưởng mẹ, Huỳnh trưởng anh, Huỳnh Trưởng chị trong một gia đình cần phải có đầy đủ tư cách phẩm chất đạo đức thì mới có thể hướng dẫn chỉ dạy đàn em, nếu như các vị thiếu phẩm cách đạo đức, sống vô trách nhiệm, bạc đãi người thân, thiếu bổn phận với bậc bề trên thì không thể nào đào tạo được lớp Huỳnh trưởng em, Huỳnh trưởng con, Huỳnh trưởng cháu nể nếp, hiếu thảo đạo đức được. Người xưa đã từng nói: "Giò nào quai nấy" hoặc "Cha sạo con vậy" cũng sẽ mãi không sai với những ai vẫn theo lối cũ.

Tóm lại, để trở thành một người Huỳnh trưởng xứng đáng đảm nhiệm chức năng hộ trì Chánh pháp, bắt buộc mỗi cá nhân chúng ta phải lấy THÂN GIÁO làm tiêu điểm. Bởi muốn dạy người khác, mình phải trở thành người đàng hoàng, đứng đắn trước nhất là dẫn dắt tâm linh con người lại càng quan trọng với đạo pháp và cuộc đời trong thời đại ngày nay.

Trên đây, người viết chỉ đưa ra một vài suy nghĩ, gợi ý để Huỳnh trưởng mình tự quán xét hành xử sao cho đúng để cùng nhau chấn chỉnh và xây dựng tổ chức GDPT ngày càng lớn mạnh hơn. Chúng ta không nên nhìn chiếc lá đeo bên vai với số lượng bao nhiêu hạt Bồ-đề rồi đánh giá phẩm chất và trình độ Huỳnh trưởng. Chúng ta nên nhìn thẳng vào chính cuộc đời của Huỳnh trưởng đã hi sinh với gia đình, xã hội và đạo pháp để đặt niềm tin yêu và kính trọng. Đó chính là THÂN GIÁO của một Huỳnh trưởng trong thời đại mới vậy.

[Tập san Pháp Luân số 40]



ĐẠO CỬA KHÔNG

*Quay về thực tại ngắm trời trong
Quảng ánh sáng ưu đạo cửa không
Mở sớm chuông chiều rơi tục bụi
Kinh khuya kệ tôi chuyển trần hồng
Xa miền khổ lụy vui tình sóng
Hương côi an yên lánh nghiệp đông
Tình mạch vườn thiền mây ngọa núi
Tăng nhân tự tại thoát mê dòng.*

GIÒ THAM

*Giò tham cuốn sạch nghĩa ân tình
Để lại phiền ưu dân chúng khinh
Nhận giặc làm con tâm chẳng tỉnh
Ôm cây đợi thọ ý khôn bình
Ngày qua tháng lại xa hương tịch
Khắc lụn thời trôi cuộn đức thanh
Cõi dục người hư phương hại cảnh
Bao niềm khổ lụy mãi vậy quanh.*

LỬA GIẬN

*Lửa giận phừng phừng đốt cõi tâm
Tiêu gan hại phổi khô nhân trần
Người thân lạnh mặt ân tình cạn
Kẻ lạ xa ta nghĩa đạo phân
Cửa nát nhà tan huỳnh đệ tán
Danh vùi trí tận bạn bè dang
Nên chi gắng tập lợi phiền hận
Để khỏi mê lầm đoạ tâm thân!*

Tu Viện An Lạc, California, 05-09-2023

thơ **TRÚC NGUYỄN**
- THÍCH CHÚC HIỀN

Câu chuyện thương tâm của Ca Nương Tú Thanh (*) Pháp danh Diệu Ngọc - 2009 - 2023

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA sưu tập

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Ghi chú : (*) Sau khi nghe tin tức từ quê nhà, chúng tôi lập tức vào các chương trình tang lễ của cháu Ca nương Tú Thanh bị tai nạn giao thông đã chết và cha mẹ vì kinh tế đi làm ăn xa từ Úc châu, không thể về trực tiếp lo cho con. Trầm sự về tang lễ cho bé Tú Thanh đều phủ thác cho thân bằng quyến thuộc nội ngoại, bà con xóm làng và hàng Phật tử đã từng sinh hoạt trong các chùa tại địa phương tỉnh Thanh Hóa và các tỉnh ở Bắc cũng như Nam về phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, tỉnh Thanh Hóa để chung lo tang lễ cho cháu Tú Thanh. Chúng tôi đọc được những tin tức rất thương tâm này mà tóm lược lại để đưa lên Báo Chánh Pháp thương tưởng một Hoa Sen mới nở, vừa thắm tươi thì bỗng nhiên bị lụi tàn một cách đau đớn; mặc dầu tông tích cháu Tú Thanh, chúng tôi chưa một lần được nghe tên, tuy nhiên qua những thành tích đặc biệt mà cháu đạt được cũng như cháu đã đóng góp những công hạnh cho các chùa trong cũng như ngoài tỉnh Thanh Hóa. Muốn rõ thêm chi tiết xin quý vị vào Youtube thì đầy đủ hơn. Xin cảm ơn tất cả.

Đức Phật dạy: "Trong tất cả mùi hương, không có mùi hương nào bay ngược gió, chỉ có hương giữ giới không những chỉ bay ngược mà còn bay lan tỏa ra xa..."

Xuất hiện hiện tượng "kỳ lạ" trong đám tang ca nương nhỏ tuổi nhất Việt Nam qua đời vì tai nạn giao thông. Chiều ngày 02 tháng 07 năm 2023, lễ tang Ca Nương Đặng Tú Thanh đã diễn ra ở phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Nhiều hiện tượng thiên nhiên kỳ lạ đã xuất hiện khi quan tài của ca nương Đặng Tú Thanh được đưa lên xe tang.

Theo thông tin của phóng viên Thành Trung trang phát ngôn Việt Nam Net chia sẻ với dân Việt thì gia cảnh đáng thương của Ca Nương Tú Thanh (2009) nhỏ tuổi nhất Việt Nam vừa qua đời quá thương tâm vì tai nạn giao thông ở đường ven biển Đồ Sơn, Hải Phòng khiến bao người gần xa đều bàng hoàng ngơ ngác.

Xót xa hơn, chị gái đang nguy kịch trong bệnh viện, bố mẹ không thể về lo tang lễ cho con. Tất cả do bà con lối xóm, bạn bè, họ hàng xa gần và hàng hàng lớp Phật tử lớn nhỏ đã từng theo

những khóa tu học với Ca nương Tú Thanh đứng ra lo liệu.

Tang lễ không nhận phúng điếu, không nhận vòng hoa, không kèn trống chỉ có tiếng niệm Phật và theo nhận xét của Đại đức Giác Huệ, Trụ trì chùa Hang, Đồ Sơn là chưa có một tang lễ nào trang nghiêm và số người đến tham dự để thắp nén hương lòng thương tiếc và tiền đưa đồng đúc như thế.

Ngoài ra còn có chư Tôn đức Tăng Ni gần xa đến tụng kinh bái sám, niệm Phật để tiền đưa cũng rất đông đúc. Theo Đại đức Giác Huệ nói có một điều rất kỳ lạ là lúc tụng kinh niệm Phật để tiền đưa Tú Thanh về đại hóa thân hoàn vũ Liên Hải Hải Phòng thì xuất hiện hiện tượng thiêng liêng rất khó lý giải. Lúc quan tài của Tú Thanh được đưa ra khỏi nhà để lên xe thì trời đang nắng chang chang, vậy mà chỉ một chốc lát thì mây trắng ùn ùn kéo đến và che khuất mặt trời, không khí mát mẻ lạ thường. Trên đường tiễn đưa Tú Thanh có

lác đác mưa, khi đến nơi hóa thân thì trời lại mát mẻ trở lại. Trên nền trời khi xe tang đi qua thì có những vàng mây ngũ sắc xuất hiện, đây quả thật là một điềm lành hiếm có.

Trong lời tiễn biệt có chị Kiều My với lời chia sẻ qua bài điều văn hết sức xúc động và có đoạn viết:

"... Gia đình Tú Thanh có hai chị em, chị gái là Tú Uyên sinh năm 2006, Đặng Tú Thanh sinh năm 2009, bố là Đặng Hữu Lộc, mẹ là Bùi thị Huệ. Cả gia đình đều có tín tâm với Phật Pháp.

Năm 2020, Tú Thanh xin phát nguyện quy y Tam bảo tại chùa Linh Đổ, chùa Đổ, được Thượng tọa Trụ trì đặc Pháp danh là Diệu Ngọc, là một cô bé xinh xắn, thông minh, nhanh nhẹn; Ngay từ khi còn nhỏ, Tú Thanh đã bộc lộ niềm đam mê ca hát. Khác với các bạn cùng trang lứa, ai cũng thích hát những bài hát sôi động; ngược lại, Tú Thanh chỉ muốn thích hát những bài theo kiểu cổ xưa. Những buổi chiều theo bà ra đình làng xem biểu diễn ca trù, chính vì những loại nghệ thuật này mang tính bác học và lối biểu diễn đặc biệt của ca trù đã thắp lên niềm đam mê của bé. Có lần xem biểu diễn mục Cô Đô Thượng Ngàn, bé về tự học và sau vài ngày thuộc luôn bài hát.

Năm học lớp hai, Tú Thanh được bố mẹ cho đi học ca trù và học nháy, có lẽ vì niềm đam mê với đàn ca, ... cô bé đã đạt được những thành tích mà không ai có thể đạt tới với những tiết mục: Cô



đô Thương ngàn, Thị Nữ, Thị Mầu, ... và hơn cả những thể cách trong ca trù. Tú Thanh như một hiện tượng nổi lên hát với các thể loại âm nhạc dân ca Việt Nam.

Năm 2016, Tú Thanh được sáu tuổi, hội Kỷ Lục Quốc Gia Việt Nam trao tặng danh hiệu "Nghệ Sĩ Hát Nhạc Cổ Truyền Dân Tộc Việt Nam Nhỏ Tuổi Nhất."

Tú Thanh không chỉ là ca nương nhỏ tuổi nhất mà còn là học sinh nhỏ tuổi xuất sắc của trường; Trên sân khấu là một nghệ sĩ tí hon biết qua nhiều chương trình như Người Hùng Tí Hon, Biệt Tài Tí Hon, Gương Mặt Thân Quen Nhí. Bé Tú Thanh gây sốt khi hát thuần thục nhiều làn điệu cổ truyền như: Xẩm, Chèo, Xoan, Ca Trù, Vọng Cổ, ... Các tiết mục hóa thân Thị Mầu, nghệ nhân Hà Thị Cầu của cô bé đã từng khiến các nghệ sĩ như Hoài Linh, Đại Nghĩa, Xuân Bắc, Hiền Thục, Trấn Thành, Ốc Thanh Vân, Võ Hạ Trâm, Chi Pu, ... đều phấn khích.

Ca nương Tố Thanh không chỉ là một diễn viên nhỏ tuổi trên sân khấu mà còn là một học sinh gương mẫu về mọi mặt, nhất là tánh hạnh và tâm niệm luôn vị tha hơn là vị lợi. Đã thế, Tú Thanh còn là một Phật tử ngoan hiền và có một đức tin khá vững chắc, cô bé từ chối tất cả những chương trình tử thiện mà theo bé không mấy trong sáng.

Bé Tú Thanh đóng góp tất cả các Phật sự các chùa từ địa phương đến khắp cả ba miền đất nước. Bé đã từng đóng góp với cùng ca sĩ Phi Nhung đến các chùa dù mưa nắng như thế nào miền quý thầy cô cần đến. Tiếng hát của bé cất lên là cả hàng hàng lớp lớp Phật tử đồng hương đều nồng nhiệt ái mộ như ở chùa Ba Vàng trong đại lễ Phật Đản.

Ba tháng mùa hè, bé phát nguyện tham gia các lớp học Phật pháp ở địa phương các chùa lớn ở Nam hay Bắc. Trước khi ngộ nạn giao thông, bé đã theo học khóa Phật pháp mùa hè Bồ Đề Tâm ở chùa Vẽ cùng với 600 bạn trẻ khác. Ở bất cứ lớp học hay vào chương trình nghệ thuật, cô bé luôn đạt giải xuất sắc quán quân.

Tú Thanh đã ra đi, còn bao nhiêu ước mơ, bao nhiêu việc học trong đạo ngoài đời vẫn chưa được thực hiện, nhất là muốn gặp lại song thân trong những ngày tháng xa cách vì hoàn cảnh kinh tế, ...

Khi các nơi khắp ba miền Bắc Trung Nam nghe tin Ca nương Tú Thanh đột ngột bị tai nạn xe cộ đã có lời chia buồn cùng gia đình, nỗi đau quá



xót xa, thương Tú Thanh cầu mong cho Con an

ngủ, chúc chị gái Tú Uyên chóng khỏe lại và cầu mong mọi sự bình an vui vẻ, mong gia đình tha thứ cho bên gây ra tai nạn, dù sao cũng không ai muốn xảy ra.

Chưa có hình ảnh nào bằng Ca nương Tú Thanh, có nỗi buồn những bài hát đầu tiên trên sân khấu thành phố Sài Gòn và các chùa, nó đã ăn sâu vào tâm hồn, cứ thấy bài hát của Tú Thanh, cảm thấy phảng phất nỗi nhớ, về khuôn mặt dễ thương và rất khó quên, ...

Kể từ nay hai Ca sĩ Phật tử khả ái Phi Nhung và ca nương

Tú Thanh không còn nữa, còn chăng thì chỉ sót lại qua các băng đĩa mà thôi.

Chưa có một đám tang nào của một em bé chưa đầy mười lăm tuổi, không có cha mẹ lo tang chay mà hầu hết bà con lối xóm, hàng Phật tử đã từng tu học Phật Pháp các chùa địa phương cũng như các thành phố lớn đã cùng nhau chung lo tang lễ cho Tú Thanh khi hay tin bé bị ngộ nạn giao thông; cũng chưa có một đám tang nào, một em bé không quá tuổi mười lăm mà chính quyền các cấp tỉnh Hải Phòng, xuống tận xã thôn Hợp Đức và đến trước quan tài của cháu, thấp nền hương lòng khẩn nguyện và nói lên lời giã biệt. Trước khi đưa linh cữu của bé lên xe, chính quyền và quần chúng Phật tử đã nghiêng mình hướng về linh cữu với một phút mặc niệm, sau đó cùng chung lòng đồng niệm cầu: "Nam mô Tiếp dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật" ...

Bé Ca nương Tú Thanh tuy nhỏ, nhưng nhờ vào nội lực chánh tín Tam Bảo, ngoài đức tin của gia đình, nhưng bé lại nhiếp tâm phục vụ Phật pháp theo khả năng và nương theo hạnh nguyện của chư Tôn Đức, để gột rửa thân tâm cho chính mình, nên giây phút cuối đời đã đón nhận một tình thương vô bờ như thế.

Theo chúng tôi nghĩ: Không gì quý giá hơn là các việc ác không nên làm, các việc thiện cố gắng nhất tâm để làm, nhiếp tâm thanh tịnh thì thiện quả phát sinh, ...

Cầu nguyện cho hương linh cháu Ca nương Tú Thanh, Pháp danh Diệu Ngọc nhẹ nhàng về cõi Phật.

ĐNT Tín Nghĩa

Aug. 10th, 2023 - Quý Mão Quý hạ

TÌM HIỂU THUYẾT “NGŨ THỪA” TRONG PHẬT GIÁO

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Kinh Pháp Hoa dạy rằng: “Đức Phật ra đời vì một đại nhân duyên. Đó là khai thị cho chúng sanh liễu ngộ Phật tri kiến nơi mình”. Tại sao Đức Phật lại muốn khai ngộ Phật tri kiến nơi chúng sanh? Đó là vì nếu chúng sanh khai mở chứng ngộ được Phật tánh, thì họ sẽ được tự do, thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử.

Trên đường tu giải thoát giác ngộ, căn cơ tâm tính của mỗi người, mỗi khác, không ai giống ai, nên pháp của Phật khi thấp, khi cao, khi xa, khi gần. Dù Đức Phật dạy Tam quy, Ngũ giới, Thập thiện, hay dạy Tứ Đế, Vô thường, Vô ngã, Thập thị nhân duyên hoặc dạy về Pháp tánh, Pháp tướng, Thật tướng Vô tướng hay Chân Không v. v... thì mục tiêu của Ngài cũng nhằm chỉ bày cho chúng sanh phương thức tu tập chứng ngộ pháp giới tánh. Giáo pháp của Phật tuy nhiều, nhưng chung quy được phân loại thành năm cấp bậc, thuật ngữ gọi là “Ngũ thừa Phật giáo”. Là Phật tử chúng ta cần tìm hiểu các phương thức tu tập cũng như công dụng của mỗi thừa như thế nào, để tự chọn pháp tu thích hợp với căn cơ của mình. Vì thế, chủ đề bài viết chia sẻ hôm nay là “Tìm Hiểu Thuyết Ngũ thừa trong Phật Giáo”

II. TÌM HIỂU “NGŨ THỪA PHẬT GIÁO”

Thừa: Tiếng Phạn là “yana” có nghĩa là cỗ xe giúp người ta di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác theo ý muốn. Đức Phật ví đạo pháp của Ngài như các cỗ xe. Những ai đã chọn leo lên cỗ xe đạo pháp của Ngài, nếu là xe nhỏ, người đó sẽ được đưa đến cảnh giới an vui, nếu là xe lớn sẽ đưa người ấy đi xa hơn thoát khỏi luân hồi sanh tử, và cao quý hơn hết là đạt tới quả Vô thượng chánh giác. Đương nhiên muốn đến chỗ cứu cánh cuối cùng không phải dễ, nhưng tin vào lời tuyên bố của Đức Phật: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành” thì chúng ta không ngại ngùng gì, mà không cùng nhau bước lên chuyến xe thích hợp với căn cơ của mình để tu tập.

Về giáo pháp của Phật, chúng ta thấy pháp tu Ngài dạy, bao gồm cả thế gian và xuất thế

gian, tùy theo căn cơ lợi, độn, và trình độ cao thấp, Đức Phật đưa ra năm cấp bậc gọi là năm thừa. Năm thừa hay năm phương pháp tu tập này khác nhau, nên đưa đến kết quả khác nhau. Năm thừa được xếp theo thứ tự: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh-Văn thừa, Duyên-Giác thừa và Bồ-Tát thừa. Trước hết chúng ta tìm hiểu cỗ xe đầu tiên là Nhân thừa.

1. NHÂN THỪA

Người tu Nhân thừa là người đã thọ và giữ gìn “Tam quy, ngũ giới”. Tam quy là nương tựa vào ba ngôi Tam bảo: Phật-Pháp-Tăng. Phật là đấng giác ngộ vô thượng chánh đẳng được tôn xưng là Phật bảo. Pháp là lời dạy của Đức Phật, cụ thể là Tam tạng kinh điển (Kinh-Luật-Luận) gọi là Pháp bảo. Tăng là những vị đã ly gia cắt ái, sống chung thành đoàn thể thanh tịnh, đang tu tập hành trì đúng chánh pháp Như Lai và tiếp sức truyền bá đạo Phật giúp Phật tử hướng đến giác ngộ giải thoát, gọi là Tăng bảo.

Ngũ giới là năm giới cấm do Phật chế ra, được xem như hàng rào ngăn cản không cho hành giả vi phạm những điều tội lỗi. Năm giới cấm đó là: “1.1) Không sát sanh. 1.2) Không tham lam trộm cắp. 1.3) Không tà dâm. 1.4) Không nói dối. 1.5) Không uống rượu.”

Nhân thừa là con đường tu hành cho những người sơ cơ nên có phần dễ thực hiện. Nhờ không vi phạm năm giới cấm nên ngay trong đời sống hiện tại, hành giả xứng đáng được xem là người có tư cách, có đạo đức. Khi thân hoại mạng chung, thần thức không bị rơi vào ba đường dữ: “địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh”, mà được trở lại cõi Người, nên có tên là “Nhân thừa”.

2. THIÊN THỪA

Tu “Thiên thừa” là tu “Thập thiện” tức làm mười điều lành, tránh xa mười điều ác. Những ai, sống ở đời này tạo nhiều nhân lành, đời sau sẽ hưởng nhiều quả tốt, chẳng hạn như được sanh lên cõi Trời hưởng phước, sống an lạc sung sướng. Theo đạo Phật thì có nhiều cảnh Trời. Cảnh Trời thấp nhất thuộc về Dục Giới có 6 cảnh: Tứ Vương thiên, Đao-Lợi thiên, còn gọi là Tam-Thập-Tam



thiên, Dạ-Ma thiên, Đâu-Suất thiên, Hóa-Lạc thiên, Tha-Hóa-Tự-Tại thiên. Cao hơn cõi Trời Dục giới có 18 cảnh Trời thuộc về Sắc giới. Chúng sanh ở cõi này có sắc thân, nhưng không có ái dục nam nữ. Phía trên cõi Trời Sắc giới là cõi Trời Vô Sắc giới có 4 cảnh Trời.

Chư thiên dù ngụ ở cảnh Trời nào kể trên đều có tuổi thọ rất cao. Cao nhất trong ba cõi là cảnh Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng. Chư thiên ở nơi đây, tuổi thọ đến 84 ngàn đại kiếp. Tuy tất cả chư thiên có đời sống trường thọ, nhưng vì chưa hoàn toàn giác ngộ thâm sâu pháp Phật, nên một khi phước Trời đã hết, vẫn phải bị đọa luân hồi trong ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới để trả nghiệp.

Bằng nhục nhãn của người phàm phu, chúng ta chỉ có thể trông thấy được cảnh Người và cảnh Súc sinh, còn những cảnh khác như ngạ quỷ, địa ngục hay 28 cảnh Trời mô tả trong Kinh thì không thấy được. Nhưng không thấy không hẳn là không có! Dù không biết chắc chắn rằng các cảnh Trời đó thực sự ở đâu ngoài trái đất này? Nhưng ngày nay, các nhà Thiên Văn Học đã tìm ra được trong Thái Dương Hệ có trái đất (nơi con người ở) và nhiều hành tinh khác đang xoay quanh mặt trời, còn có nhiều Thái Dương Hệ khác trong vũ trụ bao la nữa. Không biết các hành tinh xa xôi đó có phải là những tầng Trời mà Đức Phật đề cập tới và được ghi lại trong Kinh hay không?

Nhưng dù thế nào thì con người sống ở thế giới Ta-Bà này không ai là không khổ, nên việc vàng lời Phật dạy tu "*Thập thiện*" để đời sống hiện tại được an lạc và khi qua đời được sanh về cõi Trời Dục giới cũng là điều tốt đẹp. Mười điều Phật dạy trong kinh Thập Thiện được ghi lại như sau:

2-1: Trọn đời không giết hại tất cả chúng sanh, ngược lại tu pháp phóng sanh, cứu người, cứu vật.

2-2: Trọn đời không trộm cắp tài vật của người, mà nên giúp đỡ bổ thí người nghèo khổ trong khả năng của mình.

2-3: Trọn đời không dâm ô, tà hạnh, trái lại cần phải thân tâm trong sạch.

2-4: Trọn đời không vọng ngữ, không nói dối, mà nói lời chân thật.

2-5: Trọn đời không nói hai lưỡi, đâm thọc mà nói đúng đắn.

2-6: Trọn đời không nói lời hung dữ, sỉ nhục người khác mà phải dùng lời nhẹ nhàng ái ngữ.

2-7: Trọn đời không nói lời thêu dệt, không ích lợi, mà nói lời đúng đắn hữu ích.

2-8: Trọn đời không tham trước tình dục, trần cảnh, mà nuôi lớn tâm thanh tịnh phạm hạnh và tùy hỷ buông xả.

2-9: Trọn đời không sân hận, phẫn nộ, oán hận người, mà luôn hiền từ nhẫn nại.

2-10: Trọn đời không mê tà kiến, tức không bảo thủ, chấp trước, không mê tín dị đoan, không đoan kiến, thường kiến mà luôn mà sáng suốt, tu tập chánh kiến.

Kinh ghi, muốn được lên các cõi Trời cao hơn như Sắc giới hay Vô Sắc giới, để được an lạc hơn, và có tuổi thọ cao hơn cần phải tu thêm Thiên Định.

3. THANH VĂN THỪA

Tu "*Nhân thừa*" hay "*Thiên thừa*" giúp hành giả trở lại làm người ở thế giới này, hoặc làm tiên

ở cõi Trời hưởng phước. Nhưng khi hết phước, tùy theo nghiệp tốt xấu đã tạo từ nhiều đời trước, phải chịu luân hồi trong 6 cõi: Trời, Người, A-tu-la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục. Cho nên, hành giả cần tu theo pháp "*Thanh Văn thừa*" để thoát luân hồi sinh tử.

Quả vị của "*Thanh Văn thừa*" là "*Niết Bàn*". Các vị Thanh Văn, sau nhiều năm tu luyện, lần lượt chứng ngộ bốn bậc, từ thấp lên cao: **Tu-đà-hoàn** (Dự lưu), **Tu-đà-hàm** (Nhứt lai), **A-na-hàm** (Bất lai). Cao nhất là bậc **A-la-hán** (Bất sanh) nghĩa là không còn sanh tử trong 3 cõi, mà thể nhập vào Vô-dư-y Niết-bàn.

Tu "*Thanh Văn thừa*", hành giả phải học giáo lý và hành trì theo pháp "*Tứ Diệu Đế*". Tứ Diệu Đế là bốn sự thật rõ ràng hiển nhiên gồm: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

1) Sự thật về Khổ đế: Con người sanh ra đời không ai là không khổ. Các nỗi khổ về thân là : "*sanh, già, bệnh, chết*". Khổ vì tình cảm không được toại ý như xa cách người thương yêu, hay phải sống gần với người mình ghét bỏ, hoặc khổ vì ước muốn không được toại nguyện. Ngoài ra, còn có cái khổ chấp thân ngũ uẩn (ngũ ấm) là thật, nên khi các uẩn không hài hòa, không quân bình, quá thịnh hay quá suy khiến con người ta phải chịu nhiều khôn khổ.

2) Sự thật về Tập đế: Những quả khổ trong hiện tại, do nhiều nguyên nhân sâu xa trong quá khứ, chứ không phải tự đứng mà có. Những nguyên nhân gây khổ đau gọi chung là "*Kiết sử*". Kiết là cột chặt. Sử là sai khiến. Những thứ cột chặt sai khiến chúng sanh phải chịu luân hồi sanh tử, gồm 5 độn sử và 5 lợi sử.

Năm độn sử gồm: **Tham; Sân; Si; Mạn; Nghi**. Rất khó diệt trừ, phải tu Chỉ, tu Quán chứng ngộ trên thân và tâm mới dẹp được những lậu hoặc này.

Năm lợi sử gồm: **(1) Thân kiến** là chấp thân ngũ uẩn có thật, không hiểu lý Vô ngã; **(2) Biên kiến** là nghiêng hẳn về một trong hai cực đoan: Thường kiến hoặc Đoan kiến, không rõ lý Trung đạo, lý Duyên Sanh, tánh Huyền v. v... ; **(3) Tà kiến** là chấp những điều không đúng với chân lý; **(4) Kiến thủ** là tự cho sự kiến giải của mình là đúng, nên bảo thủ, dùng lại một chỗ, không tiến được trên con đường tu. **(5) Giới cấm thủ** là bám víu vào những điều răn cấm không phù hợp với chân lý, trái ngược với trí tuệ, từ bi, như mê tín dị đoan chẳng hạn.

Năm món sau gọi là "*lợi sử*" nghĩa là những món phiền não thuộc về nhận thức. Tu học theo Chánh tri kiến, Chánh tư duy thì có thể chuyển đổi nhận thức.

3) Sự thật về Diệt đế: Diệt nghĩa là tiêu diệt. Diệt đế là chân lý nói về trạng thái thanh tịnh tự tại giải thoát, sau khi diệt sạch mười kết sử nêu trên. Trạng thái này gọi là Niết-bàn (Nirvana).

"*Niết (Nir)*" nghĩa là rơi rụng, thoát khỏi, không còn nữa; "*Bàn (Vana)*" nghĩa là nổi lên, khởi lên, lừng xướng, lộn xộn. "*Niết Bàn*" là thái độ sống xa lìa những lừng xướng, dao động, phiền não, an trú trong trạng thái vắng lặng thường tịnh. Khi tập đế hoàn toàn bị tiêu diệt, thì trí huệ phát sinh, chúng tử "*sinh diệt*" chấm dứt, Diệt đế tức Niết Bàn có mặt.

4) Sự thật về Đạo đế: Muốn tận diệt nguyên nhân gây khổ, hành giả tu tập Bát Chánh

Đạo. Đạo có nghĩa là phương pháp, là con đường tu tập. Bát chánh đạo gồm tám phương thức tu tập là: **4.1. Chánh Kiến:** Thấy biết về thân, tâm, cảnh trần một cách đúng như thật, phù hợp theo luật nhân quả, lý nhân duyên. **4.2. Chánh tư duy:** Suy nghĩ và quán chiếu thuận hợp theo chân lý. **4.3. Chánh ngữ:** Nói năng phù hợp với chân lý. **4.4. Chánh nghiệp:** Ba nghiệp thân, khẩu, ý theo chân lý. **4.5. Chánh mạng:** Sinh mạng được bảo trì và phát triển thuận hợp theo chân lý. **4.6. Chánh tinh tấn:** Cố gắng, tiến hóa theo chân lý. **4.7. Chánh niệm:** Tâm thức sáng tỏ, biết rõ về tâm và cảnh trong từng phút giây đời sống, bây giờ và ở đây. **4.8. Chánh định:** Tâm thức yên lặng, không còn dao động theo cảnh duyên bên ngoài (tâm như, cảnh như), dẫn dà ứng hợp với cảnh giới Niết Bàn."

Đạo để gồm 37 phẩm trợ đạo như: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo. Mỗi pháp tu, nếu ứng dụng triệt để cũng có thể tiêu diệt được nguyên nhân gây khổ, không nhất thiết phải tu đủ 37 phẩm.

Tu tập "Thanh Văn thừa", các vị Thanh Văn thấu hiểu về "lý vô thường". Tất cả mọi hiện tượng trên thế gian này từ con người, sự vật, cây cỏ, sông núi... và ngay cả vũ trụ đều bị luật vô thường chi phối. Con người có bốn tướng vô thường là: "sanh, già, bệnh, chết". Bốn tướng vô thường nơi sự vật là: "sanh, trụ, dị, diệt". Tóm lại các pháp có hình tướng đều vô thường, vô ngã.

4. DUYÊN-GIÁC THỪA

Tu "Duyên-Giác thừa" là hành giả tu tập theo pháp "Thập nhị nhân duyên". Thập nhị nhân duyên là 12 mắc xích dính liền nhau, là vòng luân hồi sinh tử của con người. Hành giả quán 12 nhân duyên theo hai chiều xuôi (lưu chuyển) và ngược (hoàn diệt), cho đến khi thuần thực thì giác ngộ giải thoát, thành "Bích Chi Phật".

Theo "Lý Nhân Duyên" thì tất cả hiện tượng thế gian đều không thực chất tánh, do nhiều duyên hợp lại mà thành. Thí dụ: *Cái bàn không có tự thể vì không tự nhiên mà có. Do người thợ mộc làm việc cưa cắt bào gọt gỗ thành nhiều hình thể như mặt bàn, chân bàn, còn cần phải có đinh, có ốc xoắn, có búa, có cưa v.v... mới đóng thành cái bàn. Con người cũng vậy, không tự dựng con người hiện diện trên thế gian này, mà phải do tinh cha, huyết mẹ, do ăn uống, hít thở không khí mới thành con người.*

Mười hai nhân duyên khởi đầu là: "Vô minh duyên nên Hành; Hành duyên Thức; Thức duyên Danh Sắc; Danh Sắc duyên thành Lục nhập; Lục nhập duyên Xúc; Xúc duyên Thọ; Thọ duyên Ái; Ái duyên Thủ; Thủ duyên Hữu; Hữu duyên Sanh; Sanh duyên Lão Tử."

a) Quán Nhân Duyên theo chiều lưu chuyển (xuôi):

Trong 12 Nhân duyên không có duyên nào độc lập, mà nó dính liền với nhau như sợi dây xích, mắc này dính liền với mắc kia. Mắc đầu tiên gọi là Vô minh. Tại sao gọi là Vô minh? Người Vô minh là người bị tham sân si che mờ lý trí, không hiểu chân lý Phật dạy.

Do Vô minh khiến hành vi và nhận thức không đúng với chân lý Phật dạy, thường tạo nghiệp qua thân, khẩu, ý gọi là Hành. Hành chính

là nghiệp lực thúc đẩy thân thức đi thọ sanh gọi là Tử Thức. Thức dựa vào sự phối hợp của tinh cha, huyết mẹ tạo thành Danh Sắc. Danh là thức, Sắc là tinh huyết cha mẹ hợp thành bào thai. Thai bào được nuôi dưỡng trong bụng mẹ, theo thời gian phát triển đủ 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý gọi là Lục nhập. Khi ra khỏi lòng mẹ, 6 căn tiếp xúc với 6 trần gọi là Xúc. Do sự tiếp xúc nên có cảm Thọ khổ, vui, hoặc không khổ không vui. Bởi cảm Thọ nên sanh yêu thích là Ái (dục ái, hữu ái, phi hữu ái). Từ yêu thích khởi tâm chiếm giữ là Thủ. Do bảo thủ, nên mong muốn có mặt ở đời này, cũng như đời sau gọi là Hữu. Khao khát có mặt ở đời là nguyên nhân Sanh đời sau. Đã có sanh là phải già chết là Lão Tử.

Trong 12 Nhân duyên liên hệ quá khứ là Vô minh, Hành, Hiện tại là Thức, Danh Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu. Vị lai là Sanh, Lão Tử. Vòng luân hồi cứ thế xoay mãi không có lối thoát. Đây là quán 12 Nhân duyên theo chiều lưu chuyển.

b) Quán Nhân Duyên theo chiều hoàn diệt (ngịch):

Hành giả học hỏi pháp Phật, thấu hiểu Lý Nhân Duyên, biết rằng vạn pháp không thực chất tính nên nó "Vô thường, Vô ngã". Hiểu được như thế thì phá được mắc Vô minh.

"Vô minh diệt nên Hành diệt; Hành diệt nên Thức diệt; Thức diệt nên Danh Sắc diệt; Danh Sắc diệt nên Lục nhập diệt; Lục nhập diệt nên Xúc diệt; Xúc diệt nên Thọ diệt; Thọ diệt nên Ái diệt; Ái diệt nên Thủ diệt; Thủ diệt nên Hữu diệt; Hữu diệt nên Sanh diệt; Sanh diệt nên Lão tử diệt."

Như vậy, chỉ cần một mắc xích tan vỡ thì tất cả đều tan vỡ. Vòng luân hồi sinh tử cũng bị tan rã.

Trên đây là phương thức quán "thập nhị nhân duyên", Đức Phật dạy cho các vị Thanh Văn. Ngoài ra, còn có các vị đại căn đại trí, sanh ra đời không gặp Phật, không nghe được pháp Phật, nhưng nhờ có trí tuệ sáng suốt, tự mình quan sát thấy được cảnh vô thường biến đổi của vạn pháp, mà giác ngộ được nguyên nhân sanh tử luân hồi, rồi đắc đạo gọi là "Độc giác Phật".

Tóm lại, người tu theo "Duyên Giác Thừa" thấu hiểu được "Lý Nhân Duyên", đạt được "trí Vô thường, Vô ngã" nên chứng quả Duyên-Giác, còn gọi là Bích-Chi Phật hay Độc-Giác Phật chấm dứt luân hồi.

5. BỒ-TÁT THỪA

Các vị Duyên giác chứng ngộ được "Lý Duyên Khởi, Pháp Duyên Sanh" thấu rõ cái gì do duyên kết hợp mà thành thì tự tánh của nó là không, thuật ngữ gọi là "tánh không".

Như thí dụ ở trên: *Cái bàn do nhiều yếu tố hợp lại, khi các duyên chưa hợp thì chưa có cái bàn, mà chỉ có các bộ phận rời rạc như mặt bàn, chân bàn v. v... khi ráp lại tạm đặt tên là cái bàn. Vì cái bàn không thực chất tánh, nên gọi là tánh không, là huyền hóa không thật.*

Con người và cảnh vật cũng như thế, cả thảy đều như huyền vì không thật chất tánh, không tự nhiên mà có, nên con người và cảnh vật thực tánh là không, là vô ngã.

Tu tập tiến lên một bước nữa là "Bồ-Tát thừa". Các vị ngồi trên cỗ xe Bồ-Tát tu theo "Lục độ", còn gọi là "Lục Ba-La-Mật", là sáu pháp: Bố



thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ. Sáu pháp này tu đạt cứu cánh, gọi là Lục Ba-La-Mật.

(1) Bồ thí: gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí gồm có ngoại tài và nội tài. Dùng tiền bạc, của cải, để giúp người nghèo đói là bồ thí ngoại tài. Khi cần đến sức lực hoặc một phần thân thể mình như tặng máu, tặng một phần nội tạng để cứu người, đó là bồ thí nội tài... Quan trọng là đem chánh pháp chỉ dạy cho mọi người tu hành để được giác ngộ giải thoát như mình là pháp thí. Dùng phương tiện giúp người qua cơn lo sợ hãi hùng là Vô Úy thí.

"Bồ thí Ba-La-Mật" là khi bồ thí không thấy mình bồ thí, không thấy kẻ thọ thí, không thấy vật đem bồ thí. Mình, người và vật đều không, gọi là "tam luân không tịch". Nếu mình thấy cái gì cũng thật thì không thể nào tu Ba-La-Mật được.

(2) Trì giới: Là gìn giữ giới pháp của Phật răn cấm. Sau đây là ba nhóm giới thanh tịnh Bồ-tát phải thực hành: (1) "Nhiếp luật nghi giới" là tuân thủ tất cả các loại giới luật do Đức Phật chế định, tích thiện ngừa ác. (2) "Nhiếp thiện pháp giới", Bồ-tát tu chứng các pháp thiện lành. - (3) "Nhiêu ích hữu tình giới", khi đã tu luật nghi và tu thiện pháp, Bồ-tát luôn làm những điều lợi ích cho chúng sanh và phát nguyện cứu độ hết thảy chúng sanh. Các giới pháp này, nếu tu hành đến cứu cánh viên mãn, gọi là Trì giới Ba-La-Mật.

(3) Nhẫn nhục: Là sức cam chịu mọi hoàn cảnh khổ đau, bức bách tủ nhục đến với thân mình. Khi gặp những điều oan ức, thiệt hại đến danh dự, thân thể mà vẫn cam chịu để tròn hạnh nhẫn nhục. Nhẫn nhục khi đạt đến cứu cánh là một sức mạnh phi thường vì đã thực sự chiến thắng bản ngã. Được thế mới gọi là Nhẫn nhục Ba-La-mật.

(4) Tinh tấn: Là cố gắng nỗ lực. Nhờ chứng ngộ thấy thân mình như huyễn, chúng sanh như huyễn, độ hữu tình như huyễn, nên Bồ Tát không cảm thấy mệt mỏi trên con đường tự lợi và lợi tha.

Tự lợi tinh tấn là dốc hết khả năng tu tập cho

chóng thành đạo quả. Tinh tấn lợi tha là dốc hết khả năng để cứu giúp người trên nhiều phương diện, nhất là giáo hóa cho họ giác ngộ. Cả hai bình diện tự lợi, lợi tha, Bồ-tát lúc nào cũng nỗ lực hành trì gọi là tinh tấn Ba-La-Mật.

(5) Thiền định: Do thấy mình không thật, nên không chấp ngã, không chấp nhân, không chấp cảnh. Nhờ vậy nên khi hành thiền, tâm dễ yên lặng đi vào định. Khi tâm và cảnh nhất như là thiền Ba-La-Mật.

(6) Trí tuệ: Do dứt sạch mọi nhiễm ô, vọng tưởng, nên mặt trời trí tuệ vô sự chiếu sáng rực rỡ. Trí tuệ này do công phu tu thiền định mà phát xuất, chớ không phải do học tập mà được. Khi trí tuệ này hiển lộ, thì vô minh phiền não hoàn toàn tiêu sạch. Đây là trí tuệ Ba-La-Mật.

Hàng Bồ-Tát là những bậc phát Bồ Đề tâm rộng lớn, cầu thành "Phật quả" để độ chúng sanh, phát nguyện tu hành tự lợi, lợi tha, tự giác, giác tha, trải qua vô lượng kiếp, đến khi nào giác hạnh được viên mãn, mới đắc quả vô thượng Bồ Đề, nên gọi là Đại thừa.

Ngoài ra, còn một pháp môn đặc biệt thù thắng dành riêng cho người đại căn, đại trí, chỉ cần nghe một câu Kinh, một bài kệ, hay một cử chỉ nào đó, họ trực nhận ngay tánh giác Bồ Đề sẵn có của mình, chứ chẳng phải giảng giải dài dòng vắn tắt như Ngũ Thừa. Pháp môn này vẫn tất chỉ ngay vào tâm người "thấy tánh thành Phật" gọi là "Tối thượng thừa", là "Nhất thừa" hay "Phật thừa".

III. KẾT LUẬN

Vì căn cơ chúng sanh khác nhau, nên Đức Phật phương tiện thuyết ngũ thừa để giúp chúng sanh dần đạt được giải thoát tối hậu. Ngũ thừa Phật giáo ví như 5 loại xe gồm: Hai loại xe Nhân thừa và Thiên thừa giúp hành giả thoát khỏi ba đường dữ Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Ba loại xe khác là Thanh-Văn thừa, Duyên-Giác thừa và Bồ-Tát thừa giúp hành giả ra khỏi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

Trước khi quyết định mình sẽ lên cỗ xe nào trong năm cỗ xe trên, thiết nghĩ chúng ta cần tự vấn xem mình muốn đi về đâu trong tương lai? Cõi Người? Cõi Trời? Niết-Bàn hay thành Phật? Chúng ta biết rằng, quyền chọn lựa cỗ xe nào, đó là quyền của mình. Hành giả có thể lên chuyến xe Nhân thừa hay Thiên thừa hoặc chuyển Thanh-Văn thừa, Duyên-Giác thừa hay Bồ-Tát thừa. Không ai bắt buộc hay chọn lựa thay cho mình. Bởi vì chính hành giả là người tu tập, hành trì suốt thời gian trên chuyến xe mình ngồi, chứ không ai tu tập giùm mình cả. Đặc biệt là khi hành giả biết đang ngồi trên chuyến xe không thích hợp với căn cơ, khả năng, hay biết rằng chuyến xe mình đang ngồi sẽ không đưa mình đến nơi mong muốn, thì hành giả có thể tự xuống và chuyển sang xe khác không một thế lực nào cản trở.

Bài viết "Tìm Hiểu Thuyết Ngũ Thừa Phật Giáo" tạm ngưng nơi đây. Nguyện chúc cho chư hành giả trên các chuyến xe, hành trì tinh tấn, và mau chóng về tới bến đỗ thanh tịnh an toàn. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật./.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền thất, 04-10-2023)



GIEO MÈ

*Có người ăn chút vừng mè
Khi ăn mè sống anh chê bai liền
Ăn mè rang chín anh khen
Rồi anh tự nghĩ: “Mình nên trồng mè
Mè rang chín ăn ngon ghê
Nếu đem mè chín trồng thì tốt cây
Chắc cây cho hạt ngon đây.”
Nghĩ xong anh thực hiện ngay tức thì
Rang vừng mè cho chín đi
Rồi mang tới mảnh đất kia gieo trồng.
Than ôi kết quả chờ trông
Chẳng cây nào mọc! Uổng công mất rồi!*

*

*Truyện này ví dụ có người
Tu theo hạnh Bồ Tát thời không vui
Than tu khổ hạnh buồn đời
Con đường Phật quả xa vời, gian nan.
Sau khi nghĩ bèn chuyển sang
Chỉ tu theo hạnh dễ dàng mà thôi
Làm A La Hán được rồi
Đường tu mau chóng, luân hồi thoát ngay
Chẳng còn sinh, tử vẫn xoay.
Tu như vậy thật tiếc thay vô cùng
Sau này khó thể trông mong
Muốn cầu Phật quả có hòng được đâu!*

TO CULTIVATE THE BOILED SESAME

Once upon a time, a stupid man who, after eating the raw sesame, found it not as tasty as the boiled kind. He said to himself, "I would boil the sesame before cultivating it. This way I could produce better sesame."

He then boiled and cultivated it as he had planned. However, the attempt failed altogether.

So are the people at large who consider it difficult to follow Bodhisattva's practice, due to the strict requirement of eternities of the strenuous efforts. Finding no pleasure, they think that it will be easier for them to become Arahant's by cutting quickly off the transmigration, without realizing that they would never attain Buddhahood that way, just as the boiled seed that would never grow.

This is just like the story of the stupid who tried to cultivate boiled sesame.

(Trích dẫn trong "SAKYAMUNI'S ONE
HUNDRED FABLES"
do Tetcheng Liao dịch).

thơ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

QUÁN QUÂN NOBEL VĂN CHƯƠNG 2023

JON FOSSE: *Nói Điều Không Thể Nói*

HUỲNH KIM QUANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tiểu thuyết gia, thi sĩ và kịch tác gia người Na Uy Jon Fosse – người ngày càng thấy số lượng độc giả trong thế giới nói tiếng Anh càng tăng vì những cuốn tiểu thuyết viết về những đề tài tuổi già, cái chết, tình yêu và nghệ thuật – đã được trao Giải Nobel Văn Chương hôm Thứ Năm, 5 tháng 10 năm 2023, “vì những vở kịch và văn xuôi đầy sáng tạo giúp tiếng nói cho những điều không thể nói,” theo bản tin của báo The New York Times cho biết hôm 5 tháng 10 năm 2023.

Điều này đã làm cho Fosse trở thành người đầu tiên lãnh giải thưởng Nobel Văn Chương viết bằng tiếng Nynorsk. Ông là người Na Uy thứ tư đoạt giải này và là người đầu tiên kể từ Sigrid Undset trúng giải vào năm 1928.

Là tác giả đã xuất bản khoảng 40 vở kịch, cũng như tiểu thuyết, thơ, tiểu luận, sách thiếu nhi và nhiều tác phẩm được dịch sang nhiều thứ tiếng, Fosse đã từ lâu được quý trọng vì ngôn ngữ bao dung, siêu việt và thử nghiệm chính thức của ông.

Trong cuộc họp báo hôm 5 tháng 10 năm 2023, Anders Olsson, Chủ Tịch Ủy Ban Văn Chương Nobel, đã ca ngợi “ngôn ngữ nhạy cảm của Fosse, thăm dò những giới hạn của chữ nghĩa.”

Tác phẩm của Fosse đã được dịch ra khoảng 50 thứ tiếng và ông nằm trong số những kịch tác gia còn sống được trình diễn rộng rãi nhất trên thế giới. Nhưng gần đây ông mới tìm thấy nhiều độc giả trong các nước nói tiếng Anh, chủ yếu là cuốn tiểu thuyết hư cấu “A New Name: Septology VI-VII,” lọt vào danh sách chung kết của Giải National Book Award vào năm ngoái, và 2 cuốn tiểu thuyết của ông được đề cử cho Giải International Booker Prize.

Nhưng quán quân của Giải Nobel Văn Chương 2023 Jon Fosse là ai?



Quán Quân Giải Nobel Văn Chương 2023 Jon Fosse đang nói về các tác phẩm của ông. (Hình chụp lại từ YouTube)

Vài ghi nhận về cuộc đời của Jon Fosse

Jon Olav Fosse sinh vào ngày 29 tháng 9 năm 1959 tại Haugesund, Na Uy, và lớn lên tại Strandebarm, theo www.en.wikipedia.org. Một vụ tai nạn nghiêm trọng vào lúc 7 tuổi làm cho ông thoát chết; kinh nghiệm này đã ảnh hưởng nặng nề trong văn nghiệp của ông vào tuổi trưởng thành. Ông vào trường Đại Học Bergen và học môn văn chương tỉ mỉ, sau đó dẫn thân vào sự nghiệp văn chương. Ông viết bằng tiếng Nynorsk, một trong 2 tiêu chuẩn viết trong tiếng Na Uy.

Ông khởi đầu bằng cuốn tiểu thuyết “Raudt, Svart” (Đỏ, Đen) được xuất bản vào năm 1983. Vở kịch đầu tay của ông là “Og Aldri Skal Vi Skiljast” (And We'll Never Be Parted - Và Chúng Ta Sẽ Không Bao Giờ Chia Tay), được trình diễn và xuất bản vào năm 1994. Fosse đã viết tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, sách thiếu nhi, tiểu luận, và kịch. Các tác phẩm của ông đã được dịch sang khoảng 50 thứ tiếng. Ông cũng chơi đàn vĩ cầm, và phần lớn việc tập viết ở tuổi vị thành niên của ông đều liên quan đến việc sáng tác lời cho các bản nhạc của ông. Ngoài việc viết tiểu thuyết, Fosse cũng dịch các tác phẩm của nhiều tác giả khác.

Fosse đã ba lần lập gia đình. Ông đám cưới với Bjorg Sissel (sinh năm 1959), một y tá và ở với người vợ này từ năm 1980 tới 1992. Một năm sau ông lấy Grethe Fatima Syed, một dịch giả và tác giả tiếng Ấn Độ-Na Uy, dù sau đó họ đã chia tay.

Fosse dành thời gian còn lại sau này để sống với người vợ thứ ba Anna, gốc người Slovak, tại Hainburg an der Donau tại Áo. Ông cũng có nhà riêng tại Bergen và 2 ngôi nhà nữa tại miền tây Na Uy. Lúc đầu, ông là thành viên của Giáo Hội Na Uy (dù ông tự mô tả mình như là nhà vô thần trước năm 2012). Từ năm 2012 tới 2013, ông tham gia vào Giáo Hội Công Giáo và ông đã tự thừa nhận là vào đó để hồi phục chức năng để giải quyết vấn đề nghiện rượu lâu năm.

Fosse là nhà viết kịch Na Uy được trình diễn nhiều nhất sau Henrik Ibsen (1828-1906), nhà soạn kịch và giám đốc hý viện Na Uy nổi tiếng. Và các tác phẩm của Fosse được xem như là sự tiếp tục hiện đại của truyền thống đã được Henrik Ibsen thiết lập vào thế kỷ thứ 19. Chính ông đề cập đến Samuel Beckett, cũng như Georg Trakl và Thomas Bernhard như là những người thân chọn lọc. Các tác giả và sách khác đã ảnh hưởng cuộc đời và sự nghiệp văn chương của ông gồm Olav Hauge, Franz Kafka, William Faulkner, Virginia Woolf, và Thánh Kinh.

Vào năm 2003, Fosse đã trở thành hiệp sĩ khi được trao Huân Chương Công Trạng Quốc Gia Pháp. Ông cũng đã được báo The Daily Telegraph

xếp hạng thứ 83 trong danh sách Top 100 thiên tài còn sống.

Từ năm 2011, Fosse được tặng cho danh dự Grotten do nhà nước Na Uy làm sở hữu chủ và nằm trong khuôn viên của Cung Đình Hoàng Gia tại trung tâm thành phố Oslo. Việc sử dụng danh dự Grotten như là nơi thường trú là một vinh dự đặc biệt được ban tặng bởi Vua Na Uy vì những đóng góp cho nghệ thuật và văn hóa Na Uy. Ông cũng nằm trong số những nhà tham vấn văn học cho Bibel 2011, một dịch phẩm Thánh Kinh bằng tiếng Na Uy được xuất bản vào năm 2011. Ông cũng nhận được Giải Văn Chương của Hội Đồng Bắc Âu năm 2015 cho bộ ba tác phẩm của ông *Andvake* (*Wakefulness*), *Olavs draumar* (*Olav's Dreams*), và *Kveldsvævd* (*Weariness*).

Nhiều tác phẩm của Fosse đã được dịch sang tiếng Ba Tư bởi Mohammad Hamed, và cách vở kịch của ông đã được trình diễn trên các sân khấu chính tại Thủ Đô Tehran, Iran.

Vào tháng 4 năm 2022, cuốn tiểu thuyết của ông "A New Name: Septology VI-VII," đã được dịch sang tiếng Anh bởi Damion Searls, nằm trong danh sách ngắn của Giải International Booker Prize. Cuốn tiểu thuyết này đã lọt vào danh sách chung kết cho Giải National Book Critics Circle Award trong mục Tiểu Thuyết vào năm 2023.

Giới thiệu một số tác phẩm nổi tiếng của Fosse

Một trong những dịch giả Anh ngữ của Fosse là Damion Searls, đã viết trong *The Paris Review* vào năm 2015, mô tả tác phẩm của Fosse như thế này: "Hãy nghĩ tới bốn nhân vật lão thành của nền văn học Na Uy hơi giống ban nhạc the Beatles," Damion viết. "Per Petterson là Ringo cứng rắn; Dag Solstad là John, nhà thực nghiệm, một người đàn ông lý tưởng; Karl Ove Knausgaard là Paul dễ thương; và Fosse là George, người trầm lặng, bí ẩn, nội tâm, có lẽ là nghệ nhân giỏi nhất trong tất cả."

Tác phẩm của ông thì phóng khoáng và hiện sinh, thường tập trung vào cuộc sống nội tâm của những nhân vật khá cô độc. Những câu quanh co, tiếp nối không dấu là chuyện thường. "Bạn không đọc sách của tôi vì những sự kiện sắp đặt," theo ông ấy nói với báo *The Financial Times* vào năm 2018.

Sau đây xin giới thiệu khái quát một số tác phẩm của Fosse dựa vào các tài liệu của báo *The New York Times*, *The Times*, *The Guardian*, *Bách Khoa Từ Điển Mở Tiếng Anh*, và trang mạng của Giải Thưởng Nobel www.nobelprize.org. Trước hết là về tiểu thuyết.

Septology I-VII: Được xuất bản từ năm 2019 tới năm 2021 sau khi Fosse cải đạo theo Công Giáo, 7 cuốn tiểu thuyết trong bộ truyện đặc sắc "Septology" tập trung vào nhân vật Asle, một nghệ sĩ già sống xa ở miền tây-nam Na Uy. Là một người cải đạo theo Công Giáo, giống như Fosse, Asle đang vật lộn với thời gian, nghệ thuật và bản sắc. Cuốn tiểu thuyết này là tác phẩm xuất sắc viết về khủng hoảng hiện sinh, về mất ký ức, và hai người rất giống nhau, dù thật hay tưởng tượng – cuộc sống đã sống, và cuộc sống có thể đã được sống, trong con người của một cái bóng người khác. Đó là một tác phẩm làm người đọc đáng sợ và căng thẳng, được viết không ngắt câu, để người đọc sống cuộc đời của Asle với ông. Bộ

tiểu thuyết *Septology* cũng là tác phẩm viết về niềm tin tôn giáo sâu xa mà trong đó một người đàn ông, một nghệ sĩ, và một con người, trên hết, cuối cùng đã tới vòng tròn viên mãn: "Điều chắc chắn đúng là chỉ khi nào mọi thứ ở trong tối tăm nhất, đen tối nhất, thì bạn nhìn thấy ánh sáng." Bộ tiểu thuyết này được dịch sang Anh ngữ bởi Damion Searls và do Fitzcarraldo xuất bản tại London vào năm 2022 từ nguyên tác *Septologien*.

Morning and Evening: Được xuất bản vào năm 2000, tuyển tập truyện ngắn nhưng mạnh mẽ này lấy bối cảnh tuổi trẻ trong sự nghiệp văn chương của Fosse từ năm 1983 tới 2013. Chúng đóng vai trò giới thiệu các chủ đề trung tâm của tác phẩm của ông – tuổi trẻ, ký ức, gia đình, niềm tin – cùng với ý thức mạnh mẽ về nhị nguyên và về định mệnh. Mở đầu với sự sinh ra đời của Johannes, người mà cha mẹ hy vọng hẳn sẽ trở thành một ngư dân giống như cha của hắn. Nhiều năm sau, khi trở thành một ông già, Johannes suy gẫm về gia đình và bạn bè thân thiết của mình. Dĩ nhiên, cuối cùng ông cũng đã trở thành một ngư dân.

Melancholy I-II: *Melancholy I* được xuất bản vào năm 1995 và *Melancholy II* được in vào năm sau, 1996. Trong *Melancholy I* và *II*, Fosse dẫn chúng ta vào sâu trong tâm thức bị tra tấn của một nhà nghệ sĩ vẽ phong cảnh vào thế kỷ thứ 19 là Lars Hertervig, người chết trong nghèo khổ vào năm 1902 ở tuổi 70, và cuộc đời của ông đã bị hủy hoại bởi ảo giác và ảo tưởng làm cho các họa phẩm của ông trông rất mơ mộng, rất ảo diệu. Hertervig lần đầu tiên bị loạn tâm khi làm học sinh tại trường nghệ thuật Düsseldorf và, cũng như một cuộc kiểm nghiệm bệnh tâm thần đáng sợ, cuốn tiểu thuyết có ý nghĩa nhất về ý nghĩa trở thành một nghệ sĩ. *Melancholy I* miêu tả rõ về những ám ảnh, lo lắng, và suy sụp trong một ngày khủng khiếp; *Melancholy II* đóng vai trò như một đoạn kết, với những quan điểm kể chuyện khác nhau – gồm quan điểm của người viết tiểu sử hư cấu – nhiều năm sau cái chết của Hertervig.

Melancholy I được dịch sang Anh ngữ bởi Grethe Kvernes và Damion Searls do NXB Dalkey Archive Press in vào năm 2006. Trong khi đó *Melancholy II* được Eric Dickens dịch sang Anh ngữ và do Dalkey Archive Press xuất bản vào năm 2014.

Allis at the Fire: Được xuất bản vào năm 2004, cuốn tiểu thuyết này miêu tả một người phụ nữ có tên là Signe hồi tưởng lại hơn 20 năm trước, khi chồng của bà xuống thuyền ra khơi trong một ngày giông bão và không bao giờ trở lại. Không bao lâu sau đó, những suy nghĩ của bà mang phẩm tính siêu hình, và ngay cả gồm những ký ức về các thành viên trong gia đình từ nhiều thế hệ trước. Cái vịnh nhỏ nơi Signe sống là điều không thay đổi xuyên qua tất cả những ký ức về mất mát và đau buồn. Cuốn này được dịch từ nguyên tác *Det er Ales* do Damion Searls chuyển ngữ và được Dalkey Archive Press xuất bản vào năm 2010.

Boathouse: Xuất bản vào năm 1989, *The Boathouse* là cuốn tiểu thuyết tội phạm được Fosse viết. Người kể chuyện 30 tuổi có vẻ đã sai lầm mọi thứ trong đời – anh ấy sống với người mẹ, sống ẩn dật thật sự, dường như không thể làm các việc cơ bản cho chính mình. Sự thành tựu



Một số tác phẩm của nhà văn, nhà thơ và kịch tác gia Jon Fosse, người đã thắng Giải Nobel Văn Chương năm 2023. (Hình chụp lại từ YouTube)

quan trọng nhất của anh nằm ở quá khứ -- ban nhạc rock mà anh có với người bạn thời trẻ thơ Knut, người mà anh đã mất liên lạc. Tuy nhiên vào một mùa hè tình cờ gặp Knut, bây giờ đã lập gia đình và tương đối thành công, sẽ dẫn đến một kết thúc hủy diệt. Song song với điều này, người kể chuyện cũng đang viết một cuốn tiểu thuyết là sự quan sát sắc bén về mọi điển hình của sự hiện hữu "bất an": một thí dụ hoàn hảo về phương châm "viết, không suy nghĩ" như Fosse đã hướng dẫn cho các học trò của ông vào cuối thập niên 80s tại Bergen, khi cuốn sách này đang được viết. Cuốn này do May-Brit Akerholt dịch sang Anh ngữ từ nguyên tác Naustet và do Dalkey Archive Press xuất bản vào năm 2017.

Bây giờ xin nói sơ về vở kịch của Fosse.

"I Am the Wind": Fosse đã được cho là một trong những kịch tác gia Châu Âu đang còn sống có nhiều vở kịch được trình diễn nhiều nhất, dù các chuyển thể kịch của ông bằng tiếng Anh ít phổ biến. "I Am the Wind" [Tôi Là Gió] là một vở kịch hiện sinh tập trung vào 2 người đàn ông trong một chiếc thuyền đánh cá. "Kịch bản ngắn gọn, nhịp nhàng của Fosse nắm bắt được nỗi lo lắng thật sự về các câu hỏi cơ bản về bản sắc," theo một nhà phê bình viết cho báo The Times vào năm 2014. "I Am the Wind" là bản dịch tiếng Anh từ nguyên tác Eg er vinden do Simon Stephens thực hiện và được Oberon xuất bản tại London vào năm 2011.

"A Summer Day": Vở kịch này có thể làm bạn nhớ đến cuốn "Aliss at the Fire" – trung tâm cảm xúc của vở kịch này là một người phụ nữ đang đau buồn đợi người chồng của bà trở về từ một chuyến đi đánh cá. Ngay dù với cảm giác sợ hãi rõ rệt nhất thời, vở kịch "cố gắng tạo ra sự mạnh mẽ nhưng là giòng nước ngầm rón rén, một xung lực đầy kịch tính đặc dị," theo nhà phê bình viết cho báo Times.

"Someone Is Going to Come": Trong kịch bản căng thẳng ghen tuông, tình dục và hoang tưởng này, một cặp vợ chồng dời tới một căn nhà cũ kỹ rách nát, xa xôi bên bờ biển nơi mà không người nào có thể nghĩ rằng "ai đó sẽ đến."

"The Name": Một cô gái còn trẻ mang bầu dời về ở nhà cha mẹ của cô, cùng với người cha của đứa bé. Cha mẹ của cô không biết rằng cô đang dự tính gì, làm vở kịch tăng thêm cảm giác lo sợ bị tù túng và căng thẳng vì điều không nói ra được.

Một bài thơ của Fosse

Bài thơ "A human being is here" [Một Con Người Ở Đây] nằm trong tuyển tập Dikt I Samling do Nhà xuất bản Samlaget, Oslo ấn hành vào năm 2009. Bản dịch Việt nơi đây dựa vào bản dịch Anh ngữ của May-Brit Akerholt được xuất bản vào năm 2010.

Một con người ở đây
và rồi biến mất
trong gió
mất hút
vào bên trong
và gặp những chuyển động của đá
trở thành ý nghĩa
luôn trong hợp nhất mới
của cái gì là
và cái gì không là
trong sự im lặng
nơi gió
trở thành gió
nơi ý nghĩa
trở thành ý nghĩa
trong chuyển động mất hút
của mọi thứ đã là
và ngay lập tức là
từ một nguồn cội
nơi âm thanh mang ý nghĩa
trước khi chữ tự phân chia
kể từ đó không bao giờ lia bỏ chúng ta
Nhưng đó là
trong tất cả quá khứ và trong tất cả tương lai
và đó là
trong thứ gì đó
không hiện hữu
trong biên giới biển mất của nó
giữa cái gì đã có mặt
và cái gì sẽ đến
Nó là vô biên và không khoảng cách
trong cùng chuyển động
Nó đơn sạch
và biển mất
và lưu lại
trong khi nó biệt tăm
Và nó thấp sáng
bóng tối của nó
trong lúc nó nói
về sự im lặng của nó
Nó chẳng ở đâu
Nó có mặt khắp nơi
Nó gần
Nó xa
thân xác và linh hồn gặp nhau
ở đó như một
và nó nhỏ
và lớn
như tất cả mọi thứ
nhỏ như không có gì
và nơi tất cả trí tuệ có mặt
và không điều gì biết
trong nội thể sâu kín nhất của nó
nơi mà không gì bị phân chia
và mọi thứ ngay tức thì là chính nó và mọi
thứ khác
trong sự phân ly
cái không bị chia lìa
trong biên giới vô tận Con đường mà tôi đi
nó biến mất

trong hiện diện minh bạch
trong chuyển động mất hút
và đi dạo quanh trong ngày
nơi cây là cây
nơi đá là đá
nơi gió là gió
và nơi ngôn từ là một hợp
nhất không thể hiểu được
về mọi thứ đã có mặt
về mọi thứ biến mất
và như thể vẫn còn
như ngôn từ hòa giải

Tôi thật sự ngạc nhiên khi
đọc bài thơ này của Jon Fosse.
Bài thơ chuyên chở nội hàm triết
lý Đạo Phật mà đặc biệt là triết
lý của Kinh Hoa Nghiêm (Flower
Adornment Sutra, hay
Avatamsaka Sutra), và Thiền.
Hãy suy nghiệm về ý nghĩa siêu
hình học của mấy câu thơ từ bài
thơ trên của Fosse:

"Nó chẳng ở đâu
Nó có mặt khắp nơi
Nó gần
Nó xa
thân xác và linh hồn gặp
nhau
ở đó như một
và nó nhỏ
và lớn
như tất cả mọi thứ
nhỏ như không có gì"

Mấy câu trên phảng phất
triết lý tương dung, tương tức,
tương nhập của Kinh Hoa
Nghiêm, mà trong đó nói rằng
"trên đầu một sợi lông chứa tam
thiên đại thiên thể giới," hay
"Nhất tức nhất thiết, nhất thiết
tức nhất" [Một là tất cả, tất cả là
một].

Còn mấy câu thơ dưới đây
cũng trong bài thơ trên của
Fosse thì không khác gì cách nói
của Thiền hay Kinh Kim Cang
(Diamond Sutra), rằng "quá khứ
tâm bất khả đắc, hiện tại tâm
bất khả đắc, vị lai tâm bất khả
đắc," nghĩa là quá khứ đã diệt,
tương lai thì chưa tới và hiện tại
thì biến dịch không ngừng, nên
tất cả đều "không hiện hữu."

"Nhưng đó là
trong tất cả quá khứ và
trong tất cả tương lai
và đó là
trong thứ gì đó
không hiện hữu"

Kỳ diệu thay!

Huỳnh Kim Quang



VÔ BIÊN KHÔNG GIAN

Về biển xanh nằm dài trên cát trắng
Ta lắng nghe muôn sóng vỗ dạt dào
Lòng rộng mở mà chiều sâu hẹp nắng
Ngắm mây hồng vì vút gió trên cao

Trời xanh thăm, biển cũng màu xanh biếc
Buồm nhấp nhô vẫy gọi cánh chim cội
Vàng dương xế ngập ngừng như luyến tiếc
Vài con tàu xa tít biển mù khơi.

Sóng lớp lớp đùa nhau trườn bãi cát
Lạc đường bay, gió gheo tóc rối bời
Nghe sóng vỗ triền miên của biển hát
Mà quên đi bao sóng gió cuộc đời!

Trước biển cả mịt mù không biên giới
Có phải mình là hạt cát nhỏ nhoi?
Trước không gian biết đâu là đầu mối
Có phải mình một thoáng bóng mây trôi?

Biển là ta, hay ta là biển cả?
Tâm mênh mông hay là biển mênh mông?
Tôi chỉ biết Phật tánh bao la quá
Đem mênh mông mà nhốt cả vào lòng.

thơ **DIỆU VIÊN**

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

BÚN XÀO NGHỆ CHAY



Bước 2

Rồi cho nấm rơm vô xào cùng mì căn, nộm xiu hạt nộm chay, nước tương, bột ngọt. Nghệ củ giã nhỏ cho vô xào luôn.

Nguyên Liệu

1. 1/2 kg bún tươi
2. 3 cây mì căn ống
3. 100 g nấm rơm
4. 1 củ nghệ tươi
5. 1 ít rau răm
6. Hạt nộm chay, nước tương, bột ngọt, tiêu...

Hướng dẫn nấu nướng

Bước 1

Sơ chế nguyên liệu: nấm rơm rửa sạch, rau răm, củ nghệ rửa sạch. Mì căn cắt nhỏ chiên sơ.



Bước 3

Cho bún vô trộn đều, nộm nếm cho vừa ăn. Cho tiêu, rau răm vô cho thơm.



(Nguồn: Đào Thị Bích Châu)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



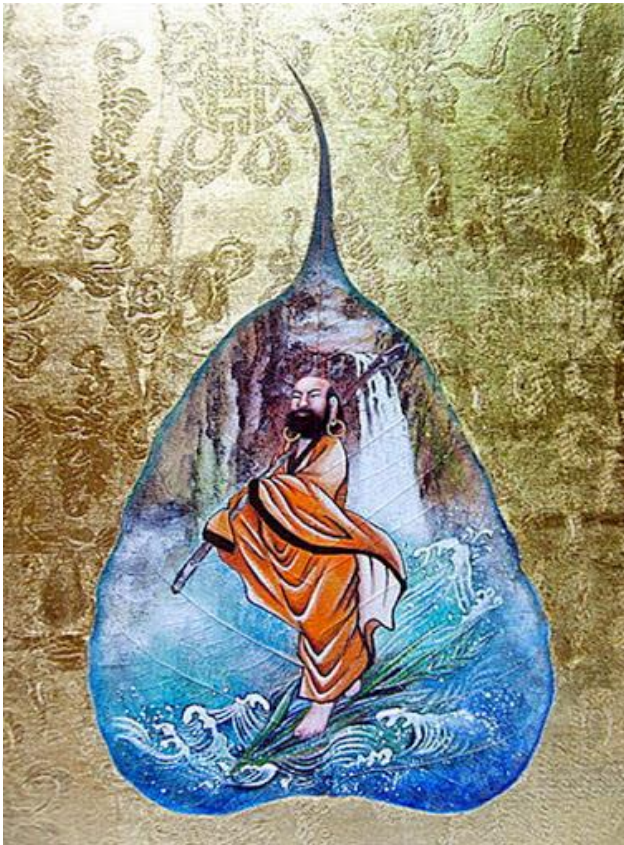
GÃ HỒ

Ngài là con vua nước Hương Chí, thưở nhỏ thông minh đỉnh ngô, biện luận lưu loát khiến người đời nể phục. Một hôm nhân có việc nên vua cha thỉnh Tổ Bát Nhã Đa La vào cung để cúng dường, Tổ và ngài đối đáp rất cao diệu; cuối cùng ngài khẳng định: "Phật Pháp vĩ đại nhất." Nhờ thế mà Tổ nhận ngài làm đệ tử. Cuộc đời hành đạo của ngài được bao phủ bởi nhiều huyền thoại ly kỳ, nhiều chi tiết và ngôn từ do người đời sau gán cho ngài. Riêng việc vô duyên với vua Lương Võ Đế và thâu nhận đệ tử Huệ Khả là còn có thể khả tín. Ngài đã mang thiền Phật giáo từ Ấn Độ sang Trung Hoa để giáo hóa, từ đó mở ra thêm huyền thoại môn phong võ Thiếu Lâm tự.

Thiền tông Đông Độ có đến 1700 công án, riêng câu: "Như hà thị tổ sư tây lai ý?" đã tạo ra hơn trăm công án, thể mới biết sức thu hút của ngài mạnh mẽ và tác động sâu đến dường nào. Ngài đã để lại Phật sử một câu nói mà cũng là một phương pháp đặc biệt trong việc tu học và truyền thọ: "Bất lập văn tự giáo ngoại biệt truyền".

SƠ TỐ ĐÔNG ĐỘ KHÍ QUÂN LY HUYỀN TUNG SƠN CỨU NIÊN DIỆN BÍCH MẬT TRUYỀN TÂM AN

HẬU THỪA TÂY THIÊN ĐÀI KIẾT NHẬP THẨM DƯƠNG TỬ NHẤT THỜI QUA GIANG KHAI PHÁP LẬP MÔN



Ngài là người Ấn nên hình dung diện mạo khác với người Trung Hoa. Thuở xưa người Trung Hoa ngạo mạn gọi những dân tộc bên kia Hy Mã Lạp Sơn là rợ Hồ, thế nhưng rồi người Trung Hoa lại được gã Hồ phi thường ấy giáo hóa. Người đời sau mới có thơ rằng:

*Gã Hồ râu đỏ đeo khuyên
Từ Tây Trúc lại mật tuyên án tâm
Ngồi nhìn vách đá chín năm
Khai môn dụng lập thiền lâm xứ này.*

QUA TẮM KIẾNG

Ông thầy trẻ, tu theo trào lưu hiện đại, phá bỏ chấp trước, chê lối tu cũ nên áp dụng những thành tựu kỹ thuật mới để tu cho hiện đại. Ông ấy lên mạng thường xuyên và tuyên bố:

- Thời đại văn minh, kỹ thuật tân tiến, ta cũng phải cải cách cách tu để theo kịp bước tiến của xã hội. Tôi sẽ truyền thọ qua mạng net, tụng kinh qua phương tiện Digital, làm Phật sự qua mạng xã hội...

Những người nghe thể phản đối cũng nhiều, tuy nhiên người ủng hộ cũng không ít. Việc của ông thầy làm gây nên một làn sóng ồ ạt trên mạng xã hội. Không biết nghiệp lực gì mà ông thầy vướng vòng lao lý phải ngồi tù, một số đệ tử ruột vào thăm nhưng bọn họ và ông chỉ được tiếp xúc qua tấm kiếng. Một người mến ông thầy nên lấy bàn tay áp vào kiếng và ông thầy từ bên trong cũng xòe bàn tiếp thọ. Đêm ấy ông thầy trần trọc ngủ không được, nằm gác tay lên trán, miệng lẩm bẩm:

- Phải chăng truyền giới, thọ giới qua mạng net cũng giống như hai bàn tay chạm qua một tấm kiếng?

NGHIỆP

Vốn là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc, ấy vậy mà lớn lên cuộc đời lại đi hai ngã khác nhau. Người anh lấy vợ Tây nên qua bên Tây sinh sống, cuộc đời thay đổi hẳn, vật chất đủ đầy, tinh thần thoải mái. Người em lấy vợ bản địa, cuộc sống nghèo khổ, tinh thần bất an... Tuy là anh em nhưng cũng chỉ giúp nhau ở một mức độ nào đó thôi. Một hôm hai anh em Facetime với nhau. Người anh nói:

- Mấy nay tuyết đổ mù trời, lạnh quá, đi lại khó khăn!

Người em thấy tuyết thì thích thú:

- Ở đây nắng nóng quá, ước chi có chút tuyết thì đã biết mấy, tuyết đẹp như truyện cổ tích!



Người anh nghe xong thì bảo:

- Anh ước gì được có chút nắng ấm để tắm biển, biển nhiệt đới đẹp như địa đàng.

Người nhà nghe hai anh em nói chuyện như thế nên cười:

- Vậy thì hai người đổi cho nhau đi!

Hai anh em đồng thanh:

- Đổi thế nào đây khi mỗi người một nghiệp khác nhau?

DI CƯ

Mùa thu lại về, lá vàng xào xạc rơi, từng bầy chim trời di cư về phương nam nắng ấm, những con vịt trời kêu ông ông trên không trung. Hai vị cư sĩ đang dạo bước trong rừng thấy cảnh vật như thế nên lòng băng khuâng. Một người nói:

- Chim di cư, bướm di cư, cá di cư... và loài người chúng ta cũng di cư; tuy nhiên động vật di cư vì thức ăn, thời tiết, sinh sản còn chúng ta thì di cư không chỉ vì kinh tế mà còn vì chính trị, tôn giáo, giới tính, bất công xã hội...

Người bạn kia cười:

- Không những người sống di cư mà người chết cũng di cư đấy!

- Anh nói sao? chết rồi thì còn di cư cái nỗi gì? Tôi không hiểu ý!

- Thì di cư từ Sa Bà sang Cực Lạc, từ uế độ sang tịnh độ. Có vô số người di cư vào tam đồ lục đạo, một số vô cùng ít ỏi thì di cư lên các tầng trời... Một số khác thì vẫn ở quốc độ người nhưng kẻ thì di cư từ nơi giàu sang đến nơi nghèo khổ bất an và cũng có kẻ từ nơi nghèo khổ di cư qua chốn giàu sang an ổn...

NGHE NHÀ QUAN CÓ MÀ CHẾT

Bang chủ Cờ Hoa qua thăm xứ nọ, chường môn nhân hồng bang của xứ ấy ra tiếp chứ chẳng phải bang chủ. Thiên hạ khắp nơi xì xào bàn tán. Chính dân xứ ấy cũng thấy bất bình, nhân chuyện này Tư Đồ gầy độ nhậu, sau khi quất hết chai Bà Chưởng thì khịa Hai Lúa:

- Lâu nay hồng thấy sếp mầy lên báo chí kêu gọi tiết kiệm chống lãng phí, tham ô!

Hai Lúa chưa nói gì thì Ba Đĩa tài lanh:

- Làm dở như hạch, cạp đất quá dữ dằn, phá banh chành nên bị nhập kho rồi.

Hai Lúa chọt lại Tư Đồ:

- Còn thủ trưởng ông ra sao? Mấy nay hồng thấy lên ti vi hô hào học tập sống theo đạo đức ông kẹ!

Tư Đồ cười:

- Bị hốt rồi, hồng biết nọi gương ra sao mà toàn bảo kê sòng bài, nhà thổ, cho vay nặng lãi, bán đường mại lộ...

Bây giờ cả Tư Đồ và Hai Lúa xĩa Ba Đĩa:

- Còn cấp trên của ông thì thế nào? Hồng thấy kêu gào chống Mèo, đánh Mèo...

Ba Đĩa cười nắc nẻ:

- Thăng chả và gia đình vọt qua bến rồi, mua thẻ xanh đi diện đầu tư.

LẦY KIỆU

Nhân chuyện anh Bầy bang chủ xứ Cờ Hoa sang thăm xứ mình và lầy Kiêu, thiên hạ rần rần vui theo và hào hứng bình luận. Thăng Tám tổng kết:

- Ông Bill Clinton, ông Bush, ông Biden khi đọc diễn văn đều lầy Kiêu!

Thăng Tư lý luận:

- Mấy chả chỉ biết Rock & Roll, Jazz, Pop... chứ biết gì Kiêu, có lẽ mấy thầy dùi đạo diễn trò này!

Thế rồi mấy hôm sau có tay cán bộ hạng trung bị ra tòa vì cạp quá dữ, ăn hồng chữa thứ gì và còn vì phe cánh bị trừng phạt. Quan tòa thuộc phe thăng thế, bắt chước mấy cụ tổng Mèo lầy Kiêu chế nhạo đối thủ:

Thoắt trông nhện nhọt màu da

Ăn gì cao lớn đây đà làm sao?

Tay cán bộ thất thế ấy cũng sính chữ, lầy Kiêu vớt vát:

Rõ ràng một lúa đôi ta

Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi

Dần mạng, dần đời cười rụng rốn. Họ cũng lầy Kiêu theo kiểu riêng:

Tiền sư cái bọ chúng mày

Đã cạp như hạm mặt dày mở môi

Lầy Kiêu chữ nghĩa đả bôi

Banh chành non nước chưa thô hại người.

Steven N

Georgia, 1023



CHÁNH PHÁP SỐ 144, THÁNG 11.2023

45

Một Phật tử hải ngoại

THANH NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Steven làm việc ở một công ty công nghệ ở thành Át Lãng. Công ty này vốn là chi nhánh của một bigtech ở California. Mọi người làm chung rất hòa đồng vui vẻ. Công ty này giống như một hình ảnh thu nhỏ của nước Mỹ, nó như cái lẩu thập cẩm có đủ sắc dân: trắng, đen, vàng, mẽ... và hầu như tất cả đều là tín đồ Thiên chúa, Tin lành, chỉ có mỗi Steven là Phật tử. Điều đó cũng chẳng có vấn đề gì, Steven và mọi người chung đụng và làm việc hòa thuận với nhau. Nhiều bạn làm chung cũng có hỏi sơ về đạo Phật. Họ hầu như không biết gì về Phật giáo cả, nên những câu hỏi rất buồn cười, đại khái như: Ông Phật có quyền năng bằng chúa Jesus không? Ông Phật có cứu rỗi linh hồn người chết không? Thậm chí có người còn khuyên Steven nên quay về với Chúa, tin ở Chúa để sau khi chết được lên thiên đàng, không tin Chúa sẽ bị đày xuống hỏa ngục... Rất nhiều những câu hỏi và quan niệm như thế. Đặc biệt chuyện ăn chay của Steven là một đề tài thường xuyên đùa giỡn của mọi người. Họ không có ác ý, chỉ là đùa và châm chọc hí lộng mà thôi. Steven chưa bao giờ nói với ai về chuyện ăn chay nhưng do làm chung, ăn chung nên dần dần họ phát hiện ra.

Giờ ăn trưa rất nhộn nhịp, cả căn phòng rộn ràng với trăm người ăn uống và nói chuyện, nhiều người vừa ăn vừa lướt mạng xã hội. Steven lơ đãng nhìn ra ngoài bãi đậu xe thấy thằng Omamudho Abdulah đang trải chiếc thảm cá nhân ở giữa hai chiếc xe và quỳ mọp xuống cầu nguyện. Không biết một ngày nó cầu nguyện mấy lần chứ từ khi vào làm ở hãng này thì thấy nó cầu nguyện trước giờ làm, giờ ăn trưa và sau buổi làm. Có tận mắt thấy nó quỳ lạy mới cảm nhận được sự toàn tâm toàn ý như thế nào. Tháng Ramadan là tháng ăn chay của tín đồ Hồi giáo, nó nhìn ăn từ trước khi mặt trời mọc cho đến sau khi mặt trời lặn, công việc dù có nhiều giờ hay nặng nhọc cách mấy nó vẫn nhìn ăn trong khoảng thời gian đó. Thằng Mauricio nói với Steven:

- Nếu tao theo đạo thằng Omamudho chắc tao chết mất! Tụt đường huyết chịu sao nổi? Không biết những người bị đau bao tử mà nhìn ăn kiểu này chắc lên thiên đàng sớm.

- Chắc những người bệnh có sự nổi lòng?

- Tao không nghĩ vậy! Giáo luật của tụi nó rất khắc nghiệt! Tháng ăn chay của những tín đồ Thiên chúa như tao thì khác. Tụi tao chỉ cứ ăn thịt súc vật, ngoài ra tôm, cá, ốc, hến... chơi tuốt. Chúng ta có quyền thụ hưởng những gì Chúa ban tặng.

Steven nói với thằng Mauricio:

- Phật tử tụi tao cũng khác, ăn chay là ăn thực vật, rau, củ, quả... Không ăn thịt bất cứ loại động vật nào.

- Đó là giáo luật à?

- Không, chỉ là sự khuyến khích mà thôi. Đạo



Phật khuyến khích ăn chay để nuôi dưỡng lòng từ, tôn trọng sự sống của muôn loài.

- Mày không ăn thịt vì tình thương, vậy mày thử vào chuồng cạp trong sở thú thử nó có thương mày chẳng?

Cả bản ăn cười rần rật, cười ngả nghiêng. Thằng Justin giơ hai ngón cái lên, thằng Jerome vỗ tay lớp lớp. Thằng Jessie la to:

- Đúng đấy! Mày thử vào chuồng cạp thử

xem cạp có tử bị với mày hay không?

Steven chờ một tí cho lắng xuống rồi mới bảo:

- Vì tao là con người, cạp là động vật, người thì hành xử có tri giác, văn hóa, kiến thức và tâm linh. Cạp chỉ sống theo bản năng sinh tồn.

Thằng Mauricio lại hỏi:

- Tao nghe Phật giáo có ngồi thiền, vậy mày có thực tập chẳng? Thiền để làm gì vậy?

- Đúng đấy! Thiền để tâm mình lắng xuống, mày cứ thử xem thì biết, một hồ nước nếu cứ quậy hoài thì sẽ đục, để lắng xuống thì nước mới trong, khi nước trong sẽ hiện được cảnh vật. Con người cũng thế, thiền là để tâm mình lắng xuống, từ đó mới có thể phát sanh sự hiểu biết khôn ngoan. Cái tâm mình quyết định tất cả, thằng hay đọa cũng từ tâm.

Thằng Mauricio lắc đầu quầy quậy:

- Thật mơ hồ, tao không hiểu nổi, tao tin Chúa tạo ra tất cả, thằng đọa gì cũng do Chúa. Mày cầu nguyện và tin ở Chúa thì khi chết sẽ được lên thiên đàng, bằng không sẽ bị ném xuống hỏa ngục.

- Đạo Phật tao thì khác, tự mình chịu trách nhiệm những gì mình nghĩ, nói và làm; làm lành thì thăng làm ác thì đọa, không có ai có thể làm cho người khác thăng hay đọa được!

Thằng Mauricio là bạn thân của Steven, nó lai nửa trắng nửa đen, ngày nào vào chỗ làm cũng đùa giỡn rần rật. Nó mê hàng hiệu như điều đồ, ăn mặc toàn đồ mắc tiền, nó có hàng trăm đôi giày, mỗi tuần thì đổi một kiểu tóc, cuối tuần đi hộp đêm. Nó thường nói với Steven:

- Mày mặc toàn đồ rẻ tiền, người ta xem thường. Mày phải ăn mặc sang trọng thì người ta mới nể!

- Tao chẳng cần ai nể, và lại giá trị con người là ở nội tại chứ không phải ở quần áo bề ngoài.

- Mày mặc đơn sơ, lại ăn chay, sống khắc khổ

thế! Tôi gì phải chịu vậy? Mày làm vậy để được gì?
- Tao chẳng thấy khổ tí nào, thậm chí ngược lại nữa là khác, lúc nào cũng an lạc và hài lòng vì biết đủ. Tao sống vậy, làm vậy là hoàn toàn tự nhiên, chẳng có mục đích hay mong cầu gì.

Thằng Mauricio giơ hai tay lên kêu trời:

- Tao không hiểu nổi mày!

Sáng thứ bảy, Steven dẫn Mauricio tới quán cà phê Việt ở trong thị trấn, nó quất tô phở xong còn chơi thêm ổ bánh mì. Nó khen ngon nức nở rồi thắc mắc:

- Mày ăn chay sao cho tao ăn phở và bánh mì thịt?

- Tao tùy thuận mọi người, với vợ con tao cũng thế thôi. Tao không có quyền và cũng không thể buộc người khác ăn chay theo. Ngay cả đức Phật cũng thế thôi! Ngài chỉ khuyến khích chứ không bắt buộc, trừ những người đã là tu sĩ thì khác.

Steven và Mauricio chơi thân đến độ có thể giỡn và chơi khăm nhau suốt ngày, có thể nói mọi chuyện từ gái gú, ăn mặc, thời sự cho đến những vấn đề gai góc dễ gây xích mích như: Tôn giáo, chính trị và giới tính, chẳng có gì để ngại, cái đáng ngại ấy là trình độ tiếng Anh ba rọi của Steven không đủ để hiểu hết lời, nói hết ý mà thôi. Trong những chuyện ấy, đôi khi cũng có những vấn đề tranh cãi, ai giữ ý người đó nhưng mọi ngày gặp nhau vẫn vui vẻ như chẳng có gì xảy ra. Steven bảo nó:

- Mày biết không? Con vật đánh nhau, cắn xé nhau vì tranh giành hang ổ, lãnh địa, miếng mồi và con cái để giao phối. Con người cũng thế, chẳng khác gì mấy, từ xưa đến giờ đánh nhau liên miên vì tranh đất đai lãnh thổ, đánh nhau để cướp của cải tài sản, đánh nhau vì nhan sắc... Con người còn hơn con vật một bậc là đánh nhau vì danh tiếng, vì sự háo thắng, vì cái bản ngã của mình. Mày thấy đấy! Putin xua quân xâm lăng Ukraine cũng vì háo danh, y mơ làm đại đế, cướp đất lập đế quốc, y muốn Ukraine cũng như các nước nhỏ phải làm chư hầu. Quân lính của y tàn độc giết người, phá nhà, cướp của, hãm hiếp... Tham vọng cá nhân của y cộng với bản năng của quân binh đã đẩy Ukraine vào thảm họa, gây tang thương thống khổ ngất trời cho người Ukrainian. Mauricio, những người Phật tử như chúng tao nghe lời Phật dạy: "Không trực tiếp giết hay xúi người khác giết, không vui với sự giết"; tuy nhiên với trường hợp những tên độc tài như Putin thì tao thật sự mong cho y bị lật đổ hay ám sát chết đi.

Thằng Mauricio tán đồng:

- Tao cũng nghĩ vậy! Nếu y bị lật đổ hay bị giết chết thì cục diện chính trị sẽ thay đổi, có thể cuộc chiến phi nghĩa và tàn bạo này sẽ chấm dứt.

Trước khi cuộc chiến này nổ ra, Steven cũng đã nghĩ: "Giá mà có thể lực nào đó làm đảo chánh hoặc ám sát y thì có lẽ cuộc chiến sẽ không xảy ra". Nguyên nhân sâu xa hay ân oán quả báo thế nào thì không biết, tuy nhiên nguyên nhân trực tiếp và gần nhất ấy chính là sự tham lam và hoang tưởng của Putin. Y thèm khát đất đai và mong tái lập lại đế quốc như thuở trước. Y độc tài, hiểu chiến và bản tánh tàn độc nên y bắt chấp mọi lời can gián, cảnh báo trừng phạt của thế giới. Y xua quân tấn công Ukraine. Steven giật mình



thoát ra khỏi phút giây tâm ý miên man khi nghe thằng Mauricio gọi:

- Steven, sao tự nhiên im lặng vậy? Đang nhập thiền hả?

Steven cười:

- Không! Tao đang để tâm ý chạy rộng như ngựa hoang trên đồng cỏ, như khi chuyên cày trên ruộng. Chính vì cái tâm mình vọng động như thế nên Phật mới dạy ngồi thiền. Thiền để ngăn chặn và hóa giải cái tâm viên ý mã đó, thiền để mình lắng xuống, để nhận biết sự thật, để sống chánh niệm.

Thằng Mauricio cũng như những người Âu - Mỹ khác, nó chỉ biết đạo Phật chỉ có thiền chứ không biết đến những pháp môn khác. Hiện nay ở Âu - Mỹ cũng có nhiều người dạy thiền và đủ loại thiền, trong số ấy có khá nhiều loại thiền hoàn toàn không phải của Phật giáo, không giúp ích gì trong việc tĩnh tâm hay chánh kiến mà chỉ mang tính chất như yoga hoặc chỉ là liệu pháp tâm lý để chữa trị bệnh về mặt thân xác. Thằng Mauricio cười cười:

- Tao nghe thiền hay lắm nhưng chịu thôi, tao không thể ngồi thiền được!

- Thiền đâu chỉ ngồi, còn có nhiều tư thế khác, ngồi chỉ là một trong nhiều cách tối ưu để thực tập. Nếu mày giữ được tâm ý bình an, không loạn động, giảm ham muốn vật chất, giảm sự tham đắm hưởng thụ vật chất như: ăn ngon, mặc đẹp, sắc dục hay tánh háo danh... ấy chính là đang thực tập thiền vậy.

Thằng Mauricio nhấp một ngụm cà phê rồi cười:

- Thiền thế nào được? Khi mà cà phê kích thích tim tao đập mạnh như thế này!

Nhìn mặt nó, biết nó láu lỉnh cả khịa, Steven cùng cười xòa với nó.

Thanh Nguyễn

Ất Lăng thành, 0323

CỎ CÂY VÀ PHẬT PHÁP

Đạo Sinh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Khi chứng kiến những bất công trong xã hội, phản ứng thông thường của chúng ta là phẫn nộ. Và rồi vì phẫn nộ nên chúng ta quay sang nguyên rủa—nguyên rủa những người chúng ta cho rằng đã tạo ra những bất công đó.

Theo Phật pháp, những phản ứng trên đều tích cực. Phẫn nộ cho thấy sự phân biệt được thiện-ác, xấu-tốt. Nguyên rủa là một thái độ phê phán cái ác, cái xấu, được thể hiện qua ngôn ngữ. Thế nhưng, có một vấn đề ở đây: Sau khi phẫn nộ và nguyên rủa như thế thì chúng ta làm gì tiếp theo? Có phải là chúng ta im lặng và ngồi yên? Nếu cho rằng dù không làm được gì cụ thể nhưng ít ra một phản ứng như thế cũng tạo ra một tác động nào đó thì chúng ta đã bị lầm lớn.

Nhằm lần thứ nhất: Ngôn ngữ chỉ mang tính biểu thị chứ không phải là tự thân thực tại. Từ ngôn ngữ dẫn đến thực tại là một quãng đường rất xa, kèm theo biết bao công sức của con người. Người nào trong chúng ta có dám mê thú cây kiểng rất dễ nhận ra điều này: Muốn uốn một thân cây hay một cành cây theo một tư thế nào đó, bạn không thể dùng ngôn ngữ mà là hành động. Và bạn phải dùng dây, mà dây phải là loại thép không rỉ để tránh làm tổn thương cây. Và không phải uốn xong là bạn có ngay một dáng cây như ý muốn đâu, mà bạn phải chờ. Chờ cho đến khi nào bạn tháo dây ra mà cây vẫn không trở lại tư thế ban đầu thì lúc đó bạn mới có thể nói rằng “minh đã thành công, mình đã thay đổi được”.

Nhằm lần thứ hai: Cái cây đã được uốn không phải là tồn tại độc nhất trong vườn bạn. Có nghĩa rằng cảnh tượng hỗn loạn xuất hiện trong vườn bạn không phải được tạo ra bởi chỉ một cây nào đó không được cắt tỉa uốn nắn, mà là bởi rất nhiều cây như thế. Vì thế, nếu muốn thay đổi cảnh tượng hỗn loạn đó bằng một trật tự như bạn muốn, thì không phải chỉ cần đổ công sức vào chỉ một cây là xong. Trừ khi bạn sử dụng các kỹ xảo như che chắn những cây còn lại để mọi người khỏi phải nhìn thấy, hoặc đem vứt chúng vào thùng rác một cách “phi nhân tính”, thì không nói làm gì.

Khi nhận ra hai sự thật trên, nếu là người nhạy bén, chắc chắn thế nào bạn cũng liên tưởng đến vấn đề giáo dục một con người. Có khi nào bạn tự hỏi tại sao phải cưỡng bách con người đi học khi chỉ mới năm sáu tuổi? Tại sao không chờ đến tuổi mười bảy mười tám, lúc con người đã trưởng thành, đã đủ trí khôn, để có thể tiếp thu mọi kiến thức trên đời? Nếu trả lời được hai câu hỏi trên thì bạn đã nhận ra được rất nhiều vấn đề có liên quan đến con người và xã hội.

Vào thập niên '80 thế kỷ trước, những người tu tập trong Phật Giáo đã đứng lên yêu cầu nhà cầm quyền hãy để cho họ duy trì hệ thống giáo dục và các cơ sở đi kèm mà họ đã xây dựng trước đó. Trong quá trình đòi hỏi như thế, có người trong số họ đã bị giết trong tù, có người suýt chết vì án tử hình, có người phải ngồi tù trên dưới 20 năm, v.v... Ngoài những hành động nói trên của nhà cầm quyền ra, không ít người trong chúng ta, khi biết được sự kiện này, cũng đã “phẫn nộ”, đã “nguyên rủa” những việc làm mà chúng ta cho là “phá hoại” của họ. Và hậu quả sự không thành công của những hành động “phá hoại” đó là gì? Thật chua xót, không chỉ cho chúng ta, mà cho cả một dân tộc, là phải chờ hơn 30 năm, 40 năm mới nhận ra. Và bi đát nhất là khi nhận ra thì đã quá muộn màng.

Khi nhận ra một sự thật như thế, có thể có người trong chúng ta sẽ thấy cảm thông và “thương xót” họ. Thật ra, nếu hiểu được Phật Pháp là gì thì chúng ta không cần phải làm thế. Bởi vì đó là cuộc sống của họ, là con đường đi của họ trong cuộc đời, không phải chỉ trong một đời, mà là vô số đời không tính đếm được.

Khi đức Phật thị hiện hơn 2500 năm trước trên trái đất này thì Ấn-độ là lãnh thổ của 16 tiểu vương quốc, với trên dưới 900 phương ngữ (dialect). Đức Phật đã làm gì để “thay đổi xã hội”, nếu chúng ta muốn nói như thế, trong hoàn cảnh đó. Ngài là con trai độc nhất của một quốc vương. Thế nhưng tại sao ngài không lên làm vua để tiếp nối sự nghiệp an bang tế thế của cha mình, mà lại quyết định chỉ làm một “thầy giáo”—mà lại là một thầy giáo độc nhất vô nhị trong lịch sử loài người? Một thầy giáo không giày dép, không ngựa xe, không nhà không cửa, với vốn vụn chỉ 3 cái y và cái bát đựng cơm xin từ người khác. Và cứ thế, lầm lũi từ ngày này qua ngày khác, từ thị thành cho đến các làng mạc xa xăm nơi chân núi góc đèo, ngài kiên nhẫn giáo hóa TỪNG CON NGƯỜI, chỉ cho TỪNG CON NGƯỜI thấy được thế nào là an lạc, là khổ đau.

Con đường mà đức Phật đã đi như thế cho đến hết cuộc đời giúp chúng ta nhìn thấy điều gì? Nếu có một đổi thay nào đó có thể mang lại an lạc, hạnh phúc thật sự cho loài người thì đổi thay đó chỉ có thể tìm thấy ở mỗi người chúng ta. Nếu chúng ta không nỗ lực thay đổi chính mình mà chỉ mong đợi một ân phước nào đó được ban phát bởi người khác, bởi những gì được gọi là “định chế” do con người tạo ra, cho dù đó là các định chế mang tên Phật Giáo, mang tên tông phái, hệ phái, giáo hội, v.v..., thì thật sự chúng ta đang đùa cợt với chính số phận mình.



THANH VĂN TẶNG ĐẾN TÍCH LAN

Thích Thanh An

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Như vàng thái dương soi tỏ đêm trường tăm tối, mang sự sống đến cho muôn vạn loại, Chánh Pháp của Đức Như lai cũng thế, quét sạch mây mù hôn ám, khai mở lối đi thanh tịnh cho cõi người, cõi trời, lợi lạc cho chúng sanh từ quá khứ đến hiện tại và miên viễn đến mai sau. Bởi giáo pháp ấy "là giáo pháp chân chính vi diệu, được Phật khéo thuyết không cuộc hạn thời tiết, chỉ bày con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí." [1] Từ kim khẩu của Đức Thế Tôn tuyên thuyết, giáo pháp được kết tập qua các thời kỳ để lưu truyền cho hậu thế trong nhiều phương vực, lãnh thổ và chủng sắc v.v... Phật giáo Việt Nam trải qua bao biến thiên thăng trầm của lịch sử, song vẫn mãi giữ được tâm huyết và hoài bão của Chư vị Tổ sư truyền trao qua bao thế hệ. Thanh Văn Tặng thuộc Đại Tạng Kinh Việt Nam ra đời như một mốc son thời hiện đại thể hiện sự kế thừa cao quý ấy. Tâm nguyện ấy "trên hết là báo đáp ân đức của Phật Tổ, đã vì an lạc của chúng sanh mà trải qua vô vàn khổ hạnh, qua vô số a-tăng-kỳ kiếp. Thứ đến, kế thừa sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Thầy Tổ để cho ngọn đèn Chánh pháp luôn luôn được thắp sáng trong thế gian." [2]

Bởi lẽ, ngoài yếu tố truyền bố chánh pháp sâu rộng muôn nơi để mọi người, mọi tầng lớp có thể nương theo đó mà tu tập chuyển hoá tự thân để đi trên con đường chánh; mà còn đáp ứng với nhu cầu nghiên cứu theo tiêu chuẩn hàn lâm, khoa học, điều mà xã hội đương đại đang hướng đến trên mọi lĩnh vực.

Như phát biểu của Hoà Thượng Tuệ Sỹ và Giáo sư Lê Mạnh Thát đã từng nêu: "Thánh điển Tam tạng là nguồn sống cho tất cả nhận thức về Phật pháp, để học tập và hành trì, cũng như để nghiên cứu. Kinh tạng và Luật tạng là tập đại thành Pháp và Luật do chính đức Phật giảng dạy và quy định, là sở y cho tri thức và hành trì của Thánh đệ tử để tiến tới thành tựu cứu cánh Minh



Thượng tọa, Giáo Sư, Tiến Sĩ M. Dhammajothi – Viện trưởng PGIPBS tiếp nhận Thanh Văn Tặng



Hoà Thượng Giáo Sư Tiến Sĩ Neluwe Sumanawansa, Viện trưởng ĐH Buddhist and Pali tiếp nhận Thanh Văn Tặng

và Hành. Kinh và Luật cũng bao gồm những điển giải của các Thánh đệ tử được thần truyền từ kim khẩu của đức Phật." [3] Thanh Văn Tặng ra đời chính là mở ra cánh cổng đi vào kho tàng quý báu của Chư Phật để thẩm nhuần những giá trị tinh hoa, cải hoá tự thân và xây dựng một cộng đồng an lạc và sạch trong. Mỗi trang Kinh, từng câu Luật, đôi dòng Luận tất thảy đều là chìa khoá để khai mở con mắt bên trong, là thẳng mặc định hướng cho thân, khẩu, ý hành động. Mỗi mỗi cá nhân nếu không dẹp bỏ ngu độn bao phủ tâm thức bấy lâu, không tiếp cận và thực hành lời dạy của Đức Thế Tôn truyền lại thì há có thể vin vào đầu mà mong mỗi một cuộc sống an lạc cho mình, cho người trong đời này và mai sau. May thay giữa chốn ô trược của nhân sinh vẫn hiện hữu những tuyệt liên thanh tịnh. Kế thừa và phát huy tâm nguyện của lịch đại Tổ sư đi trước, Thanh Văn Tặng ra mắt mở ra một chương mới cho đời sống tâm linh của người Việt muôn nơi. Đây cũng chính là then chốt để cho Phật pháp được lưu truyền miên viễn. Bởi như Bồ tát Thế thân từng đề cập : "Chánh Pháp của Đức Phật có hai loại gồm có giáo và chứng làm thể; nếu có người thọ trì, thuyết giảng và tu tập chứng ngộ thì Chánh pháp cứu trụ thế gian." [4]

Với giá trị chuyên môn cao của bộ Đại tạng này, môi trường học thuật là một trong những điểm chú trọng để phổ biến công trình này. Ngoài các viện nghiên cứu chuyên về Phật học, các trung tâm học thuật và thực tập giáo pháp thì các Đại học khắp nơi là cơ sở để truyền tải lời Phật dạy này đến tầng lớp trí thức, học giả. Trong bối cảnh đó, Tích lan là một đất nước Phật giáo là Quốc

giáo và có môi trường học thuật cao, lâu đời cũng may mắn đón nhận bộ Thanh Văn Tạng cao quý này.

Đảo quốc Sư Tử Cylon (tên gọi trước đây của Sri Lanka) có một nền Phật giáo thấm nhuần từ từ tưởng đến phong hoá, lối sống tập tục, thơ ca và tất cả các lĩnh vực liên đới như chính trị, văn hoá, xã hội. Theo *Mahavamsa* – Đại Sử cũng như Đảo Sử – *Dipavamsa*, Phật giáo được truyền bá vào Sri Lanka do Ngài Mahinda một vị A la hán tử Ấn Độ và khoảng thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch. Đây là vị con trai thứ 3 của Hoàng Đế Ashoka tại Ấn Độ thời đó. Ngài Mahinda đến Sri Lanka vào thời của Vua Devanampiya Tissa trị vì Cylon lúc bấy giờ có cung điện đóng tại Kinh Đô Anuradhapura. Thời kỳ này, tuy Phật giáo mới du nhập nhưng được sự ủng hộ vô cùng mạnh mẽ của Vua và dân chúng, các cơ sở tự viện cũng bắt đầu được hình thành và mở đầu cho thời kỳ hưng thịnh của Phật giáo tại Cylon. Một trong những mốc đánh dấu sự hình thành khoảng đại về cách thức giáo dục cổ điển đó là giáo dục trong tự viện. Theo đó, Mahavamsa chép rằng “Đức Vua Devanampiya Tissa vì muốn cho toàn thể dân chúng cả nước đều được nghe Ngài Mahinda thuyết giảng nên đã cho xây dựng một đại hội trường cho dân chúng ngồi nghe. Thật không may, số lượng quần chúng quá đông nên sức chứa của đại hội trường vẫn không đủ. Do đó, Vua cho sửa chữa trại quán tượng để nối rộng phòng giảng để cho mọi người có đủ chỗ ngồi nghe giảng dạy” [5]. Thời kỳ này còn được biết đến với việc cây non của cây bồ đề Sri Maha được đưa đến Sri Lanka và cũng là khi các tu viện và tượng đài Phật giáo đầu tiên được thành lập. Phật giáo đã được nhìn thấy hưng thịnh trong nhiều thế kỷ ở Ceylon. Mô hình giáo dục Phật giáo trong tự viện đã mạnh nha từ đó và dần phát triển thành những chính thể hệ thống.

Trên một bình diện khác, nền tảng của hệ thống giáo dục Phật giáo Sri Lanka sơ dĩ được coi là một trong những hệ thống có uy tín nhất của giới học thuật Phật giáo xuất phát từ những nguyên nhân chính yếu văn hoá tín ngưỡng tôn sùng Đạo Phật trên nền tảng thâm nhập giáo lý. Nguyên nhân thứ hai là tiếp cận gần nhất với nguồn gốc Phật giáo là Ấn Độ bao gồm cả trên phương diện địa lý, văn hoá lẫn ngôn ngữ Pali và Sanskrit và Prakrit. Nguyên nhân thứ ba là được các bậc tu chứng ngộ đạo trực tiếp truyền trao và giảng dạy từ Ấn độ sang. Nguyên nhân thứ tư vô

cùng quan trọng đó là hệ thống ngôn ngữ Sinhalese gần như tương đồng trong với Pali khoảng 80% về phương diện bảng chữ cái cách phát âm và ngữ pháp. Nguyên nhân thứ tư là văn hoá đọc sách vốn đã ăn sâu trong tiềm thức của người dân. Nguyên nhân quan trọng nhất xuất phát từ cấu trúc quản lý theo khu vực làng bản của các vị sư và mô thức ‘*pirivena*’. Vậy, do đâu mà trải qua biết bao nhiêu biến cố chính trị, đặc biệt là sự thống trị của Đế Quốc Anh, nền giáo dục Phật giáo không những không bị mai một mà còn phát triển rầm rộ trên mọi lĩnh vực dựa trên một nền tảng vô cùng vững chắc để có thể duy trì lâu dài và bền vững.

Bối cảnh lịch sử của Sri Lanka có tác động vô cùng lớn đối với nền giáo dục nói chung và giáo dục Phật giáo nói riêng của nước này. Ở đây, chỉ trình bày những vấn đề liên quan trực tiếp đến nền giáo dục Phật giáo của các giai đoạn lịch sử cơ bản cũng nhưng điếm qua đôi nét khái quát của bối cảnh lịch sử nơi đây. Sri Lanka, theo các biên niên sử phổ biến của đảo quốc này như *Mahavamsa*, *Dipavamsa* và *Culavamsa* thì mối quan hệ giữa Cylon và Ấn Độ, các nước vùng Ấn Độ Dương là vô cùng mật thiết; bộ tộc *Balangoda* như tiền nhân của dân tộc Cylon. Nhà nước thời tiền sử đầu tiên được xác định vào khoảng thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch dưới Triều đại Tambapanni. Quốc đảo này thời kỳ sơ khai được chia thành các tiểu quốc nhỏ và được thống nhất dưới triều đại Vua Chola và trải qua 181 vị Vua trị vì khác nhau từ Anuradhapura đến Kandy. Từ thế kỷ thứ 16 đến 1972 là sự thống trị của các nước Châu Âu như Hà Lan, Bồ Đào Nha và Anh, mà đặc biệt Anh Quốc cai trị lâu dài nhất và ảnh hưởng sâu nặng nhất. Đến năm 1972, Sri Lanka đã hoàn toàn sạch mọi ảnh hưởng từ Anh Quốc.

Trong tiến trình thăng trầm như thế, Phật giáo vẫn luôn đóng giữ một vai trò tối ư quan trọng từ văn hoá đến chính trị và đời sống của người dân. Một trong những nét đặc trưng của nền Giáo dục Phật giáo sơ khai của Cylon chính là hệ thống ‘*pirivena*’. Thuật ngữ ‘*pirivena*’ là tiếng Sinhalese, nó được biến thể từ nguyên gốc Pali là ‘*parivena*’; có nghĩa là nơi cư ngụ, là tự viện. Hệ thống giáo dục *pirivena* có thể được định nghĩa như một hệ thống giáo dục cổ điển dựa lấy nền tảng căn bản là những lời dạy của Đức Phật” [6]. Hệ thống này được coi là hệ thống giáo dục vô cùng chất lượng và có những đóng góp to lớn về



mặt xã hội và cơ cấu thành phần Tăng có trình độ góp phần tạo nên những giá trị lịch sử lâu dài. Vào thời đại Kinh Đô Anuradhapura đã có khoảng 3000 đến 5000 tăng sĩ theo học trong các tự viện thuộc hệ thống giáo dục này. Thời kỳ đầu tiên, hệ thống *pirivena* này chỉ ở dạng vừa và nhỏ và đặc biệt chỉ dành riêng cho cộng đồng tăng lữ. Tuy nhiên, về sau này, các tầng lớp tại gia cư sĩ cũng được tham dự và theo học giáo lý những khoá như thế này. Có thể nói, hệ thống *pirivena* này thông qua sự bảo trợ của vua và Hoàng gia đã chú trọng đào tạo Tăng và Phật tử không những vì mục đích truyền bá giảng dạy đáp ứng nhu cầu học và tu của cộng đồng Phật giáo mà cốt yếu là đào tạo các nhà truyền giáo xuất chúng để gánh vác trọng trách truyền bá Đạo Phật ra các vùng chưa có ánh sáng Phật pháp ở trong nước và truyền bá Phật pháp ở nước ngoài.

Hệ thống này đã có những sự phát triển nhanh chóng từ phạm vi mô hình đến cơ sở hạ tầng. Như đã trình bày ở trên, ban đầu chỉ có các phòng nhỏ trong các tự viện sau nhân rộng thành các cơ sở hội trường lớn hơn và có quy mô cũng như hệ thống chặt chẽ hơn. Bên cạnh đó, giáo trình sơ khai là hai tạng chính của Phật giáo đó là Kinh tạng và Luật tạng. Đến thời đại của Ngài Buddhagosha, một bộ phần nòng cốt khác được hình thành và phát triển và trở thành nét đặc trưng của Giáo dục Phật giáo Sri Lanka là bộ Chú giải. Bộ Chú Giải được xem là ra đời tại *Mahavihara* [7] và được viết bằng tiếng Hela bởi Ngài Buddhagosha là người chủ biên cùng với các vị học giả như *Mahāthakatha, Mahāpaccari, Kurundi, Andhatthakathā, Sankhepatthakathā, Buddhadatta, Dhammapāla, Badaratittha Dhammapala, v.v...* [8] sau đó chuyển dịch sang tiếng Sinhalese và Pali và đến nay vì các nguyên nhân chủ quan hay khách quan mà chỉ còn lại bản Pali.

Đến thế kỷ thứ 12 xuất hiện thêm một trung tâm giáo dục Phật giáo lớn nữa ở Kinh đô *Polonnaruwa* với tên gọi *Alahana Pirivena*. Như vậy có thể khái quát sơ bộ nền Giáo Dục Phật Giáo tại Sri Lanka thời kỳ đầu là sự hình thành và phát triển của hệ thống *Pirivena* với các trung tâm giáo dục đào tạo đội ngũ Tăng và Cư Sĩ để truyền đạo khắp nơi mà có thể coi đây là các Đại Học Phật Giáo thời đó. Theo đó, có thể khái quát rằng có 3 trung tâm giáo dục chính yếu buổi đầu gồm *Mahavihara* (thế kỷ thứ 3 trước Tây lịch), *Abhayagiri Mahavihara* (thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch) và *Jetavana Mahavihara* (thế kỷ thứ 3 sau Tây lịch) các trung tâm này tập trung chủ yếu ở Kinh Đô Anuradhapura cho đến thế kỷ 11 sau Tây lịch; và trung tâm *Alahana Pirivena* ở Polonnaruwa từ thế kỷ 12 sau Tây lịch. Về bộ phận các môn học, ngoài Phật học là chính yếu ra còn các bộ môn khác và được phân chia làm 2 hệ thống với tên gọi là '*Suta*' và '*Sippa*'. Hệ thống '*Suta*' gồm các bộ môn như ngôn ngữ, tôn giáo, triết học, lịch sử, kinh tế và địa lý. '*Sippa*' bao gồm các kỹ năng như nông nghiệp, chiêm tinh, và nghề mộc. Hai hệ thống này được tiêu chuẩn hóa và có phương pháp và phác thảo bởi các học giả trong nước và các quốc gia như Thái Lan, Campuchia và Miến Điện.

Như thế, nhìn nhận một cách tổng quát rằng, môi trường học thuật, nghiên cứu Phật học tại Đảo

quốc Tích lan có bề dày lịch sử lâu đời và trình độ chuyên môn vô cùng cao. Qua đó, ta có thể thấy rằng sự quan tâm và chú trọng từ giới học thuật lẫn chính trị và người dân đến nghiên cứu Tam Tạng Thánh Điển tại nơi đây vô cùng đặc biệt.

Thanh Văn Tạng được sự cho phép của Hoà Thượng Chủ tịch Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm thời cùng Chư Tôn Đức trong hội đồng đã chuyển đến đảo quốc này để trao tặng cho một số Đại học và Tăng ni đang nghiên cứu và theo học tại nơi đây. Các trường Đại học đã và sẽ tặng cũng đều có bề dày lịch sử và tầm ảnh hưởng lớn đối với nền học thuật Tích lan và thế giới.

Viện cao học chuyên ngành Phật học và Pali của trường Đại học Kelaniya (PGIPBS) [9] trước đây là Viện nghiên cứu Phật học *Vidyālanakara* ra đời và ngày 23 tháng 11 năm 1975. Viện nghiên cứu Phật học *Vidyālanakara* được giữ nguyên cho đến 30 tháng 12 năm 1979. Sau đó, Viện này sát nhập với Đại học Kelaniya và có tên như hiện nay PGIPBS. Hiện nay, sự phát triển của PGIPBS là vô cùng to lớn khi đã hoàn thành khai mở các chi nhánh và chấp nhận lời mời liên kết đào tạo từ các nước như Mỹ, Singapore, Trung quốc và Hongkong. Chương trình đào tạo và hệ thống Giáo sư từ giảng dạy đến hướng dẫn ở các chi nhánh và trường liên kết đa phần là theo khung sườn ở PGIPBS và các bộ môn chính thì các Giáo sư trường và Phó phân khoa sẽ trực tiếp giảng dạy.

Mỗi năm, số lượng Thạc sĩ Phật học đầu vào dao động từ 300 đến 400 và đầu ra từ 200 đến 300 sinh viên với tỷ lệ ¾. Số lượng Thạc sĩ Pali là còn hạn chế kể cả số lượng và lần ra trong khi đầu ra chiếm khoảng 1/5 số lượng. Số lượng nghiên cứu sinh Phó tiến sĩ và Tiến sĩ tương đối đồng với mức đầu vào khoảng 60 sinh viên cấp Phó tiến sĩ và 20 nghiên cứu Tiến sĩ trong một năm. Chương trình đào tạo của PGIPBS rất phong phú và đa dạng, mở ra tất cả các cánh cửa tiếp cận đến tất cả các khía cạnh của học thuật Phật giáo từ Mahayāna đến Theravāda và cả Mật giáo.

Đại Học Phật Giáo và Pali (BPU)

Đây là trường đại học duy nhất tại Sri Lanka được thành lập theo Đạo Luật Giáo dục nước này năm 1982 với tính chuyên nhất là 'Phật Học và Pali'. Trường này được thành lập vào năm 1985 do một vị Tăng vô cùng nổi tiếng là Ngài Walpola Rahula sáng lập. Mục tiêu của trường đại học này là truyền bá Phật giáo, phát triển Nghiên cứu Pali và Phật học ở Sri Lanka và nước ngoài. BPU đã được cơ cấu lại theo cấu trúc của các trường đại học khác của Sri Lanka. Trường gồm có 2 khoa lớn đó là Khoa Phật học và Khoa nghiên cứu ngôn ngữ. Khoa Phật học gồm có các phân khoa nhỏ như Triết học Phật Giáo, Nghiên cứu Tôn giáo và so sánh, Khảo cổ học và Văn Hoá Phật giáo. Khoa ngôn ngữ gồm có phân khoa Pali, Sanskrit, Sinhalese, Tiếng Anh, Trung, Nhật.

Đại Học Kelaniya

Sau Đại Học Cylon (1942), *Vidyālanakara Pirivena* trở thành Đại học *Vidyālanakara* vào năm 1959; sáp nhập như một cơ sở *Vidyālanakara* của Đại học Ceylon vào năm 1972, rồi đến năm 1978 trở lại là một Đại Học độc lập lấy tên là Đại học Kelaniya. Ngày nay, Đại học Kelaniya là một trong những trường đại học quốc gia lớn. Nó nằm ngay

bên ngoài thủ đô Colombo, thuộc vùng đất cổ kính và có giá trị lịch sử cao đó là vùng Kelaniya mạn bắc của sông Kelani. Duy trì bản sắc và cội nguồn căn nguyên vốn có của trường, Đại học Kelaniya luôn là một trung tâm nổi bật bậc nhất Sri Lanka về nghiên cứu Pali và Phật học. Chuyên ngành Phật học và Pali ngày nay trực thuộc Khoa Nhân văn. Bên cạnh đào tạo và nghiên cứu về Phật học và Pali, các chuyên ngành khác như Sanskrit và Đông Phương học cũng có bề dày lịch sử và ảnh hưởng nhất định về danh tiếng cũng như đội ngũ giảng dạy và chất lượng đào tạo.

Đại học Peradeniya

Đây là trường Đại học cổ kính và gần như đẹp nhất về khuôn viên, khí hậu và chất lượng đào tạo cũng là bậc nhất về tổng thể. Ra đời vào năm 1942 dưới tên gọi là Đại học Cylon (chung với Cylon của Đại học Colombo), năm 1978 được đổi tên thành Đại học Peradeniya và đến bây giờ. Năm 2013, 2016 và 2018 được xếp hạng bậc nhất của Sri Lanka về tổng thể. Và vị trí nhất nhì xét về tổng thể thì chỉ có Đại học Colombo, Peradeniya Kelaniya luân phiên nhau chiếm giữ. Đại học này có tổng cộng 9 khoa và hai Viện cao học, 10 trung tâm và 73 phân khoa có số lượng tổng sinh viên lên đến 11 ngàn người. Phân khoa Phật học và Phân Khoa Pali, Phân Khoa Sanskrit là những phân khoa độc lập nhau và đều là chi nhánh của Khoa Nghệ Thuật. Khoa Nghệ thuật của Đại học Peradeniya được ra đời năm 1942 và đến năm 1943 Phân Khoa Pali và Sanskrit mới được thành lập rồi mãi đến năm 1964 Phân Khoa Phật học mới được ra đời dưới tên gọi chuyên khoa Triết học Phật giáo.

Quý vị Giáo sư đứng đầu các trường Đại học cũng như Tăng Ni du học sinh đều tỏ lòng biết ơn và hoan hỷ khi được đón nhận Pháp bảo cao quý này. Đối với nền Giáo dục Phật giáo cởi mở như Sri Lanka, Thanh Văn Tạng mở ra nhiều cách tiếp cận mới cho việc nghiên cứu đa truyền thống. Minh chứng cho sự hoan hỷ này chính là tâm thái khi tiếp nhận pháp bảo. Quý vị Giáo sư bắt ngờ với công trình đầy tính khoa học và phương pháp nghiên cứu đúng chuẩn hàn lâm. Chư vị đều dành thời gian để hỏi về cách tra cứu cũng như với một người không biết tiếng Việt nhưng giỏi về Pali và chữ Hán thì gạt hái được gì từ Đại tạng ấy. Sau khi tham khảo các phần tổng mục, đi vào chi tiết họ mới nhận ra các phần tham chiếu là vô cùng bổ

ích cho việc nghiên cứu Phật học qua so sánh, đối chiếu giữa hai về văn hệ lớn của Phật giáo. Chư vị Giáo sư gửi lời cảm ơn chân thành đến Hoà thượng Chủ tịch và Chư tôn đức và nguyện cầu Chư vị thân tâm an lạc để tiếp tục cống hiến cho nền Phật học toàn cầu. Riêng với Tăng Ni sinh người Việt đang theo học tại đảo quốc này thì đây là một món quà vô giá và niềm động viên lớn cho hàng hậu học khi các bậc trưởng thượng luôn quan tâm và dõi theo từng bước chân của hàng hậu học. Thanh Văn Tạng giúp ích rất nhiều trong quá trình nghiên cứu cũng như học tập cả hai văn hệ vĩ đại này. Thanh Văn Tạng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, và đối chiếu cũng như mở ra rất nhiều cách tiếp cận mới mẻ cho việc học tập, nghiên cứu. Cùng chung một tâm niệm, tất cả hướng vọng đánh lễ niệm ân Hoà Thượng Tuệ Sỹ, Chư Tôn Hoà Thượng, Chư Thượng Toạ, Đại Đức Tăng Ni trong Hội Đồng, khánh nguyện Quý Ngài an trụ pháp lạc, tứ đại nhu hoà để diu dặt và là chỗ nương tựa trên bước đường tu tập.

Colombo, ngày 10 tháng 07 năm 2023.
Tk. Thích Thanh An

[1] Kinh Du Hành, *Thanh Văn Tạng I*, Tuệ sỹ dịch & chú, Hội Đồng Hoằng Pháp, 2022, tr. 106.

[2] Trí Siêu-Tuệ Sỹ, *Giới Thiệu Công Trình Phiên Dịch Đại Tạng Kinh*, Hội Đồng Hoằng Pháp 2022, tr. 36

[3] *sđđ*, tr. 21.

सद्धर्मा द्विविधः शास्त्रागमाधिगमात्मकः। धातारस्तस्य वक्तारः प्रतिपत्तार एव च॥, (अभिधर्मकोशकारिका). T1558: 佛正法

有二，謂教證為體，有持說行者，此便住世間。T1559: 世尊正法二，教修得為體。於中有能持，能說及能行

[5] Mahavamsa, Ch. Iv, §29.

[6] A. Adikari, *The Classical Education and The Community of Mahasangha in Sri Lanka*, Godage International Publishers, Colombo, 2006, tr. 25.

[7] Một ngôi trường được xây dựng lâu đời nhất của Cylon bởi Vua *Devānampiyatissa* (276-236 TCN).

[8] *sđđ*, tr. 22.

[9] Postgraduate Institute of Pali and Buddhist Studies.



Bố thí thân mạng

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Về thời kỳ quá khứ xa xăm, trên một đại thọ có ổ chim năm con. Một chim trống, một chim mái và ba chim con.

Ngày kia, chim trống thấy ba lữ khách thoát đến nghỉ chân dưới gốc cây, bèn nói với chim mái rằng:

- Này, chúng ta phải làm sao bây giờ? Khách lạ đến nhà, nhằm mùa đông lạnh lẽo mà ta lại không có chút lửa!

Dứt lời, chim trống cất cánh bay đi, rồi thả về một miếng củi cháy, nhả ngay xuống trước chỗ ba người. Lữ khách mới lượm cành khô nhúm thành một đồng lửa để sưởi.

Thấy vậy, chim trống cũng chưa thỏa lòng, bèn nói cùng chim mái:

- Này, chúng ta phải làm sao bây giờ? Khách đã đói lòng, nhằm tiết đông thiên mà chẳng có chi đãi khách! Đây là nhà của ta, vậy ta có trách nhiệm phải nuôi mấy kẻ xa lạ đến tá túc. Cái chi có thể làm thì phải làm ngay! Vậy để tôi hiến thân cho khách đỡ lòng.

Vừa dứt lời, chim trống bay nhào xuống đồng lửa hồng.

Ba lữ khách ngồi dưới gốc cây, thấy vậy lật đật lại cứu chim, nhưng đã muộn.

Chim mái bủi ngùi, than rằng:

- Dưới gốc cây, có ba người mà một thân của chồng ta thì sao cho đủ! Bồn phận của ta là vợ, phải tỏ rằng chồng đã cư xử đúng theo lẽ đạo. Vậy ta cũng phải hiến thân cho khách qua đường!

Dứt lời, chim mái liền nhào xuống ngay đồng lửa...

Ba chim con chứng kiến cử của cha mẹ, và biết rằng bấy nhiêu cũng chưa đủ cho ba khách no lòng, nên bàn tính với nhau:

- Cha mẹ đã tùy theo sức mà tròn bồn phận, nhưng việc cũng chưa xong! Vậy thì chúng ta lại phải hiến thân cho khách lạ!

Dứt lời, cả ba nhào xuống đồng lửa một lượt...

Trích chính bản **Thanh Nguyên**

"Người thọ thí là ân nhân của người bố thí. Vì người kia có đến xin, người này mới thực hành được hạnh bố thí."



TRỞ VỀ MỤC LỤC

LỢI LẠC TỪ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

(phần 1)

Niệm Phật và Lạy Phật hàng ngày

TÂM LƯƠNG ĐÀO MẠNH XUÂN

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Đọc, sàng lọc lấy điều hay.
Thực hành chí thiết, mong thay đổi đời.
Phước lành hồi hướng về nơi:
Quê hương Cực Lạc, cuối đời vắng sanh.

(1): Pháp môn TỊNH ĐỘ lợi lạc biết dường bao!
Phước sinh VÔ LƯỢNG niệm một câu DI ĐÀ.
LỄ PHẬT một lạy, TỘI NGHIỆP diệt HÀ SA.
Mong PHỔ BIẾN RỘNG cùng chúng ta hành trì!

(2): Đừng nghĩ: tu TỊNH ĐỘ dành cho NGƯỜI GIÀ.
Suốt ngày chỉ một câu DI ĐÀ mà thôi.
Thật ra: TỊN SẬU, NGUYỄN THIẾT giữ không lời.
TRỌNG TỘI TÂM MƯỜI ƯỚC KIẾP tức thời biến đi.

(3): Tu TỊNH ĐỘ cũng cốt làm cho TÂM TỊNH.
Niệm Phật ký số đúng: VỌNG TƯƠNG khó còn.
Tức là NGHIỆP TỘI sẽ tiêu trừ đi luôn.
Đạt NHẤT TÂM BẤT LOẠN: Tây phương đón chờ...

(4): TỊNH ĐỘ: thêm LẠY PHẬT nữa, chẳng dễ đâu.
Khởi lạy, mô hôi toát từ đầu tới chân. (chỉ 20 lạy)
Tốt rồi: hãy thêm HAI MƯỜI LAY mỗi lần.
Một năm thôi, SỨC KHỎE sẽ tăng rất nhiều.

(5): Cỗ làm sao lạy MỘT TRĂM đạt "mục
tiêu" (được 200, 300 lạy càng tốt)
Mỗi ngày, cứ vậy, TỘI DIỆT nhiều xiết bao!
Tịnh KHIÊM CUNG, DẶNG TUỔI TRẺ hiện ra mau.
ĐỪNG NẢN... LẠY PHẬT niệm màu lấm thay!

(6): Lạy Phật cách "ngũ thể đầu địa" tốt thay!
Toàn thân sát đất, cốt tỏ bày KHIÊM CUNG.
Cũng nói lên sự KÍNH NGƯỢNG PHẬT vô cùng.
Nhiếp phục kiêu mạn, PHƯỚC tạo sinh vô hạn.

(7): Không PHƯỚC nào LỚN BẰNG niệm HỒNG DANH
Nên chi cố gắng, thực hành thật chăm
Trì niệm A MI ĐA PHẬT nhất tâm
Hơn cả BỐ THÍ TRĂM NĂM đời người.

Ghi thêm: Pháp Môn Tịnh Độ luôn nhắc đến những
câu sau:

(1): Niệm Phật một câu, Phước sinh vô lượng.
(2): Lễ Phật một Lạy, tội diệt hà sa.
(3): Trong các bản kinh Tịnh Độ có viết: "Niệm
Phật một câu tiêu trừ được trọng tội trong tám
mười Ước Kiếp Sinh Tử."

*Chúng tôi tha thiết kính mong những nhạc sĩ
phổ thành nhạc những câu viết trên để Phật tử
nghe và làm tăng thêm niềm tin cho những người
thực hành pháp môn TỊNH ĐỘ.*

(1): Những câu thơ Lục Bát:

Được thân người khó biết bao!
Tin tu Tịnh Độ, sướng sao cuộc đời!
Lâm chung chỗ đến là nơi:
Quê hương Cực Lạc tuyệt vời lấm thay!

Đọc kinh Di Đà thấy ngay:
Lời chân thật, Phật dạy bày trong kinh.
Biết rồi thực tập nhiệt tình,
Chí tâm niệm Phật: thật tin đúng đường.

Niệm Phật vang khắp mười phương,
Để cho dứt khổ ba đường ác ngay.
Niệm Phật ký số thật hay,
Cố công thực tập hằng ngày rồi xem.

Trước kia, niệm Phật ngày đêm,
Miệng trì, tâm loạn chẳng đem lợi gì.
Giờ đây Ký Số hành trì,
Tai nghe, miệng niệm, tâm ghi rõ ràng.

Mười câu đúng cả hoàn toàn.
Nên Tam đọc, Ngũ dục... "đầu hàng", lánh xa.
Muốn nên vậy, phải nhớ là:
Giữ cho Tâm Tịnh là ta đạt rồi.

Lúc đầu Tâm rất "lôi thôi",
"Ngao du" đây đó, chẳng "ngồi" yên đâu.
Có khi mất cả năm đầu,
Tâm luôn như vậy, đừng rầu làm chi.

Khi Tâm Tịnh, sướng nào bì.
Chỉ câu niệm Phật khắc ghi trong lòng.
Lâm chung, niệm Phật cầu mong,
Phật đưa về cõi non bằng Tây Phương.

Mừng sao, đời được tỏa hương!
Tự, Tha lực: chính con đường phải theo.

Nếu tai mắt, mũi, miệng, thân,
Thả buông tạo tội, điều cần làm sau:
Quyết tâm sửa lỗi hàng đầu.
Phải nên hổ nhục khi nào làm sai.

Nếu không, làm tội hoài hoài,
Không còn nhân cách, khác loài thú đâu!
Chí tâm niệm Phật thật sâu,
Những điều xấu, ác sẽ mau biến liền.

Ngày ngày tha thiết nguyện cầu:
Lâm chung tinh tảo niệm mười câu Mi Đà.

Cầu mong Phật đến đón ta,
Về nơi thù thắng quê nhà Tây Phương

PHÁP MÔN LẠY PHẬT TUYỆT VỜI

Được thân người khó biết bao!
Không tin Phật Pháp uống sao cuộc đời
Không tin chết có luân hồi
Không tin nhân quả, sống đời buông lung!

Tạo bao nghiệp xấu vô cùng!
Cả ta, con cháu chịu chung quả này.
Tội tiêu, lay Phật hằng ngày
Quả lành sẽ đến ở ngay hiện đời.

Pháp môn Lạy Phật tuyệt vời
Ai hành trì được, cuộc đời đổi thay
Hơn hai mươi phút, mỗi ngày
Lạy và niệm Phật, thân này khỏe ra.

Lại tiêu nhiều bệnh nữa mà:
Ung thư sẽ bớt, cùng là huyết (áp) cao
Tiểu đường, mỡ máu giảm mau
Đau lưng, nhức khớp, còn đau giày vò
Thức đêm: nay ngày kho kho
Tâm luôn an lạc, chẳng lo, chẳng buồn.
TIÊU TRỪ NGHIỆP CHƯỚNG đi luôn
THIỆN CĂN TĂNG TRƯỞNG, KHIÊM
NHƯỜNG phát sinh.

Ba điều cuối đến với mình
Nhờ vào kết quả công trình khổ tu.
Mong người tin, gắng công phu,
Ao Sen Thất Bảo dự trừ có tên.

Câu tục ngữ: "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh"
Khuyên: một nghề thuần thực, tinh chuyên: tuyệt vời.
Tu Tịnh độ: chỉ một câu Di Đà thôi.
Tín, Nguyên chân thiết: chắc một đời vãng sanh.

(2): Những Câu Thơ 7 Chữ:

Chuyên Tu Vô Gian, thực hành sao?
Thiền Đạo Tổ Sư dạy thuộc lâu:
Niệm Phật Mi Đà cùng lạy Phật.
Chẳng cần xen vị Phật nào đầu.
Rồi thêm cả ý: tưởng không tạp.
Cứ vậy lâu ngày tâm trụ sâu.
Cần tử gần kề, luôn niệm Phật.
Tây Phương Cực Lạc: thỏa mong cầu.

Kính mong Quý bạn đạo hữu duyên
hãy cùng chúng tôi cố gắng thực tập
thường xuyên hằng ngày bài viết trên để
đạt được những lợi lạc của Pháp môn Tịnh
độ. Nếu được vậy, chúng tôi xin đem
công đức này hồi hướng tất cả Pháp giới
chúng sanh tương lai đồng sinh về Tịnh
Độ.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị đã
đọc hết bài viết và thực hành.

ĐỘC HÀNH

I.
*Nhiều khi vọng tưởng chút tâm giao
Cùng người cạn hết một ly sầu
Cuối cùng mình ta trong gió buốt
Lá rơi biên thành những mũi dao.*

II.
*Thêm khúc sầu ca thêm tháng năm
Nỗi niềm chín đỏ một trăng rằm
Những tưởng giúp đời nên gắng sức
Mười năm ta đã hóa người câm.*

III.
*Phố cũ hoang tàn ba mươi năm
Ngoài nhìn ngao ngán chuyện phù trầm
Đã quỳ ngày xưa, con đường cũ
Giờ còn gì nữa để về thăm?*

THƠ HAIKU

1.
*Thanh thoát vàng trăng
Chiếc thuyền ánh sáng
Nghỉ trên núi đồi*

2.
*Ngon tháp - thanh kiếm sắc
Cũng chìm khuất
Vào trời mây âm u*

3.
*Tôi mang theo mình
Như chú ốc sên
Mang theo vỏ ốc.*

4.
*Cánh bướm lượn quanh
Là sứ giả báo tin
Từ vùng trời ngày cũ.*

5.
*Qua bao nhiêu phong ba
Còn lại đám bạn già
Là lũ cá trầm tư*

6.
*Đàn bò câu trắng
Đẹp dễ làm sao
Giữa trời mưa xám.*

thơ HOÀNG LONG





VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG SÁU

(tiếp theo)

"Chào đồng chí, thủ trưởng đâu rồi, cho tôi gặp ông ấy được không?" một giọng Bắc của anh cán bộ trẻ nào đó cất lên phía sau lưng tôi.

Tôi giật mình trở về với thực tế là tôi đang ngồi nơi cái bàn họp ở gian trước cửa văn phòng ông trưởng trại để viết bản tự khai. Tôi quay ngược lại trả lời người cán bộ mới vào:

"Ông ấy đi vắng rồi."

Anh cán bộ bấy giờ mới nhìn rõ tôi, hơi giật mình, rồi bằng vẻ tò mò không giấu giếm, anh trở mắt nhìn tôi một lúc rồi bước ngang phía sau lưng tôi, tiến sâu đến cánh cửa phòng riêng mở vào bên trong, nơi bàn làm việc và cất chứa hồ sơ của ông trưởng trại. Anh đảo mắt nhìn rồi quay ra, tay khép cánh cửa lại, đến đứng cạnh tôi, nhìn xấp giấy trước mặt tôi:

"Đồng chí viết cái gì thế nhỉ?"

Ừ, là phạm nhân à, sao viết bản tự khai?"

Tôi chưa kịp nói gì, anh đã lâu bầu:

"Thủ trưởng này làm việc sao mà tắc trách sơ hở quá! Ai đời lại để phạm nhân ngồi một mình nơi đây chẳng ai coi ngó!"

Nói rồi anh hùng hổ bước qua bước lại, đến đóng cánh cửa sổ mà nãy giờ tôi đang thả hồn ngấm mây, xong anh ôm cặp rời khỏi phòng, không quên đóng cánh cửa ngoài mở sẵn từ nãy giờ.

Còn lại một mình, tôi định cúi xuống viết nhưng không viết được vì phòng khá tối. Chưa được hai phút sau, anh cán bộ trở lại, có cả Phương bước theo.

"Đây, đồng chí coi, ông ấy để phạm nhân ngồi đây viết tự khai, cửa ngoài cũng mở, cửa sổ cũng mở, cửa kia cũng mở, cái phòng đầy hồ sơ và đủ thứ vật dụng linh tinh trong đó! Bây giờ đồng chí sắp xếp làm sao cho nó qua phòng khác hay ít nhất cũng cho người ngồi đây mà trông nó chứ!"

Phương thấy tôi thì ồ lên một tiếng:

"Không sao đâu, đồng chí bình tĩnh. Thủ trưởng biết phải làm cái gì mà. Anh Khang đây tôi cũng biết nữa. Không có gì đâu. Người của ông lấy ra thì cứ để yên cho ông, đừng vào làm gì. Ông ấy bảo anh ngồi đây hả anh Khang?"

"Vâng, tôi đâu có tự tiện được chứ," tôi đáp.

Phương cười, nói với anh cán bộ kia:

"Yên chí đi mà. Thôi, ra ngoài này đi. Đồng chí gặp thủ trưởng có việc gì, tôi giúp được không?"

Họ cùng kéo ra ngoài. Phương không quên bật công tắc điện cho tôi có ánh sáng. Tôi cúi xuống viết thật nhanh bản tự khai. Một lúc lâu, Phương trở lại một mình. Bước ngang sau lưng tôi rồi đến mở tung cánh cửa sổ khi nãy bị viên cán bộ kia cẩn thận đóng lại. Từ cửa sổ, Phương quay lại, đối diện tôi, nhòe miệng nói:

"Đủ sáng chứ hả, anh Khang?"

Tôi ngược lên, đáp:

"Vâng, cảm ơn," và bất ngờ

nhìn thấy thân hình của Phương, sau chiếc áo bà ba bằng lụa mỏng, phơi lộ ra giữa vùng nắng chói lóa từ cửa sổ rơi vào, hình dạng một chiếc đục bình hai bên cong vào một chút ở phần giữa, hay như hai vòng eo của thùng đàn ghi-ta... Tôi vội cúi mặt xuống, viết tiếp.

Phương cứ đứng đó. Tôi có cảm tưởng là cái bóng của cô đổ vào trang giấy trước mặt tôi, Tôi lại ngước lên nói:

"Cô mở cửa sổ cho tôi có ánh sáng nhưng rồi cô lại đứng che mắt rồi."

Phương cười nhẹ, nói:

"Ồ, xin lỗi anh Khang," nói rồi cô đứng giạt sang một bên, tiếp, "anh Khang hôm nay viết tự khai cho ông trưởng trại thì chắc chắn hồ sơ sắp kết thúc rồi đó."

"Vây hả?"

"Vâng, hồ sơ kết thúc ở đây rồi thì anh sẽ được liên lạc với gia đình để thăm nuôi hay gặp mặt. Nhưng còn chuyện ra tòa thì phải chờ bên Viện Kiểm Sát tính cứu xét nữa."

"Cám ơn cô cho biết điều đó."

"Có gì đâu anh Khang. Bị can nào cũng có thể biết được điều đó mà, chỉ tại em... à, chỉ tại tôi biết anh Khang không rành mới giải thích cho anh thôi. Ô kìa, bàn tay anh Khang sao nhỏ xíu vậy hả, lại trắng nữa, tay anh là tay con gái mà! Nhưng... hình như anh bắt đầu bị ghê rồi đó."

Tôi mắc cỡ rụt tay lại, bỏ dưới gầm bàn, giống như đứa học trò nhỏ bị cô giáo quở về bàn tay dơ đầy bụi đất hay dính mực của mình. Phương cười, nói:

"Trong trại mà bị ghê thì cũng thường thôi. Anh chưa có thăm nuôi thì chắc là không có thuốc xức ghê? Để mai mốt tôi đem thuốc xuống phòng cho anh. Đâu, anh đưa tay tôi coi nào."

Tôi ngập ngừng một lúc rồi để bàn tay lên bàn. Phương bước tới một bước cho gần hơn, nhìn rồi cầm bàn tay tôi, lật qua lật lại rồi chặc lưỡi, lắc đầu, không nói gì. Tôi chẳng hiểu ý nghĩa của những cái chặc lưỡi ấy của cô.

"Thôi, anh Khang tiếp tục làm việc há. Bữa nào Phương xuống phòng, đem thuốc xức cho anh. À, anh cần thuốc gì nữa không? Hay là... anh có cần cái gì không?"

"Không, cám ơn."

Phương chậm rãi rời chỗ tôi, đến ngang cửa phòng cô đưa tay tắt điện (mà khi nãy cô bật lên cho tôi khi phòng bị anh công an kia đóng hết các cửa), nhìn tôi mỉm cười lần nữa, và đầu cô vẫn cứ lắc nhẹ như tiếc rẻ hay chua xót cho một điều gì.

Tôi cúi xuống tiếp tục viết một lúc nữa thì ông Lâu về. Từ sân, ông bước nhanh vào, ngang chỗ tôi thì đứng lại, hỏi: "Anh đã xong chưa? Chưa xong thì cứ viết, thông thả, không gấp đâu. Viết đầy đủ là được rồi, không cần nhanh."

"Tôi viết xong rồi," tôi nói.

"Vây hả? Tốt quá, thôi được, để tôi nói người ta đưa anh về lại phòng-này đồng chí, cho tôi một bảo vệ." Ông bước ra bậc cửa nói với ai đó ở ngoài hành lang, xong quay trở lại, đến chỗ tôi, cầm bản tự khai lên, liếc sơ, nói nhỏ giọng, "cám ơn, cám ơn... dài như vậy mà anh viết nhanh quá, lại sạch sẽ rõ ràng nữa! Ở dưới đó, có việc gì cần, anh nói quản giáo là anh muốn gặp tôi nhé. Tôi cũng sẽ dẫn tất cả cán bộ quản giáo là... thôi, tóm lại là khi nào muốn gặp tôi, anh cứ nói với quản giáo. Được rồi, anh theo cán bộ kia về phòng há."

Tôi được một cán bộ đeo súng ngắn dẫn đi. Về khu trại giam, vừa bước vào văn phòng trực-nơi có một chiếc bàn dành cho cán bộ trực ngồi kiểm soát tù nhân mới xuất và nhập trại hoặc đi khai cung-tôi bất ngờ bắt gặp một dáng mặt quen thuộc của một tù nhân cời trần mặc quần cụt, đang đứng trước mặt viên cán bộ trực. Đang cúi đầu bước đi, vừa suy nghĩ vớ vẩn gì đó, tôi không kịp nhận thức ra anh ấy là ai; đến khi anh bảo vệ bảo tôi đứng lại để bàn giao cho cán bộ trực, tôi mới ngước lên, nhìn kỹ lại thì sức nhận biết người ấy chính là Hiền, anh ruột tôi. Hai anh em tôi nhìn nhau, vừa mừng vừa tủi, cùng nở một nụ cười để chào thăm nhau. Nhưng viên cán bộ trực quát lên:

"Cười cái gì? Các anh muốn thông cung hả? Các anh quen nhau à? Anh ở Nha Trang mới chuyển trại đến đây mà quen với anh này hả? Sao các anh cười?"

Hai anh em tôi chưa kịp

giải thích gì thì viên cán bộ đã hướng về tôi, hỏi:

"Mày ở phòng nào?"

"Phòng 7," tôi đáp.

"Đi vào mau," cán bộ xua tôi đi nhanh.

Tôi không kịp nói gì với anh mình. Bước vào đứng nơi mái hiên bên ngoài phòng giam, chờ đợi cán bộ mở cửa vào phòng, tôi nghe như có lệ ứa trong lòng. Tôi luôn có cảm giác hoàn cảnh anh tôi phải gánh chịu hôm nay đều do một tay tôi gây nên dù rằng những gì anh ấy làm trước đây đều do anh tự nguyện. Anh là một nhà thơ hiền lành, ít nói. Hoàn cảnh đất nước biến anh thành một người cầm súng để bảo vệ mảnh đất miền Nam; rồi hoàn cảnh đất nước khi thống nhất hai miền trong chính thể mới lại biến anh thành một chiến sĩ văn hóa sử dụng ngòi bút của mình để lên tiếng thay cho những người dân yêu chuộng tự do và công bình. Anh em tôi ít khi nào có cơ hội để ngồi trao đổi riêng với nhau về tâm cảnh và mơ ước riêng của mỗi người, nhưng từ lúc cùng dẫn thân trong các hoạt động chính trị, chúng tôi đã gần lại với nhau nhiều hơn. Bấy giờ tôi càng thấy rõ rằng quá thật đạo sĩ và nghệ sĩ lúc nào cũng gần gũi với nhau, không những ở khuy nh hướng tìm hiểu và khai phá thực tại qua sự sáng tạo nghệ thuật hay khai mở thức tâm giác ngộ, mà còn ngay trong những hoài bão sâu kín đối với thực tại xã hội. Anh tôi đã tự nguyện dẫn thân, chẳng phải do tôi khích lệ hay lôi lái gì; nhưng chính sự nhẹ dạ kết bạn và dễ tin người của tôi đã đẩy xô anh tôi vào hậu quả tù tội hôm nay qua sự giới thiệu vào tổ chức một đặc tình công an như Hân.

Tôi là người đáng tội nhất. Tất cả an nguy của những người khác có liên hệ đến tôi, đều là do một mình tôi gánh chịu. Tôi phải gánh chịu. Tôi tự giao cho mình trách nhiệm ấy. Vâng, tôi phải gánh chịu tất cả.

Bây giờ là tuần thứ tư của tháng 8, chỉ còn vài ngày nữa là tới đợt thăm nuôi cuối tháng. Đợt thăm nuôi cuối tháng 8 là một trong những đợt thăm nuôi có nhiều hy vọng nhất của tù nhân. Không phải chỉ hi vọng được thăm nuôi và gặp mặt thân nhân mà còn hy vọng được trả tự do nữa, vì sau ngày 30 tháng 8 ấy

hai ngày thì đứng vào dịp lễ Quốc khánh của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam—ngày 2 tháng 9, cái ngày mà nhóm cộng sản Việt Nam thao túng tổ chức Việt Minh, ma lanh đứng lên cướp chính quyền Việt Nam khỏi tay quân đội Nhật sau vụ hai quả bom nguyên tử khiến Nhật đầu hàng Đồng minh năm 1945. Nhà nước cộng sản thường nhân những dịp lễ lớn (như sinh nhật ông Hồ Chí Minh, lễ Quốc khánh, Tết Nguyên đán), trả tự do cho một số tù để những người tù này cảm thấy mang ơn Bác và Đảng. Cho nên, những ngày cuối tháng 8 là những ngày đầy hy vọng. Đã có một vài người trong phòng 7 được trả tự do thực. Bắt đầu từ ngày 23 tháng 8, mỗi ngày đều có người được gọi tên cho về. Phòng giam được rộng rãi hơn, nhưng cũng vì cái tự do của người khác mà mình không được dự phần, nó cũng trở nên trống vắng buồn tẻ hơn.

Ngày 25 tháng 8, Khoa gọi tôi ra ngoài "làm việc." Nơi hai cái bàn lớn thô kệch sơn màu đỏ nằm dưới bóng râm của mấy cây trướng cá, tôi thấy đây một tổp công an vận đồng phục, kẻ ngồi người đứng, bàn tán nói chuyện sôi nổi. Thấy Khoa đưa tôi từ xa đến, họ ngưng tiếng ồn, cùng quay nhìn. Khoa đưa tôi hướng về phía họ. Đến nơi tôi mới thấy rằng nơi hai chiếc bàn với bốn cái băng ghế dài mà chỉ có một anh công an mập mạp, cỡ bốn mươi tuổi, có lẽ là người chỉ huy, ngồi chêm một mình trên một băng ghế; những người còn lại, chừng mười lăm người, đều đứng xúm xít chung quanh. Họ quan sát tôi từ đầu đến cuối, xăm xì to nhỏ. Khoa đến trước mặt viên công an kia, nói:

"Báo cáo đồng chí, đây là Vĩnh Khang, tức là Thích Tâm Quang đó."

Anh công an mập ra dấu bảo tôi ngồi xuống ở băng ghế đối diện. Tôi ngồi xuống.

"Anh thực sự là Thích Tâm Quang hả?"

"Vâng," tôi đáp.

"Trẻ quá vậy đó! Anh có biết là anh làm phiền chúng tôi lắm không hả?" viên công an nói với giọng hơi đùa. Cả tổp công an đứng sau đều cười. Viên chỉ huy có vẻ sung sướng được đàn em hỗ trợ bằng tiếng cười, hứng thú hỏi tiếp:

"Anh đi tu bao lâu rồi?"



"Mười lăm năm," tôi đáp.

"Dữ vậy đó. Tức là anh đi tu trước năm 1975 chứ không phải mới sau này?"

"Vâng."

"Bộ ở chùa dạy anh hoạt động phản cách mạng hả?"

"Không, chùa chỉ dạy tôi nên nói, làm và suy nghĩ đúng với sự thật."

"Vậy thì sự thật đó có quan hệ gì đến chuyện hoạt động phản cách mạng đâu kia, sao anh lại đi phản cách mạng?"

"Từ sự thật đó mà suy ra, tôi thấy cái gì bất công thì tôi nói là bất công, thấy cái gì đau khổ thì tôi nói là đau khổ, thấy cái gì sai thì biết là sai, thấy cái gì đúng thì biết là đúng. Rồi tôi quyết định nói và làm những gì tôi nghĩ là đúng."

"Ồi chà, nói gì mà lòng vòng quá. Anh có tài giảng đạo, viết văn, làm báo... tôi biết, nhưng không cần phải văn chương triết lý ở đây. Tôi chỉ muốn hỏi là... là... thôi, dẹp đi, khỏi cần nữa. Thế tôi hỏi anh, hôm Tết vừa qua, anh bỏ Long Thành chạy đi đâu, sao không chịu ra đầu thú để rồi bây giờ lại bị bắt vào đây vậy hả?"

"Tôi về Sài Gòn thăm bà con sau khi lo xong công chuyện ở chùa ba ngày Tết."

"Chứ không phải có ai thông báo cho anh biết để anh trốn sao?"

"Không."

"Anh đi đường nào, vào lúc nào mà chúng tôi không thấy? Anh ở chùa có học phép thuật gì không vậy hả?"

Cả tổp công an cười ồ lên theo giọng hỏi đùa của viên chỉ huy. Tôi cũng cười theo, nhưng không trả lời.

Những người cộng sản vô thần này đa phần xuất thân từ thôn quê, ít học, nên thường có thói quen suy đoán sự việc theo xu hướng thần bí. Cứ việc gì xảy ra mà vượt khỏi khả năng suy luận thì lại ngờ đó là do huyền thuật tâm linh. Trước đây, ở trại T20, Hùng công an cũng đã thay mặt tổp trình sát Sài Gòn hỏi tôi một câu tương tự chỉ vì họ không bắt được tôi sau suốt một ngày canh gác bao vây khu xóm nhỏ nơi tôi ẩn náu. Họ là những người mê tín dị đoan, tin tưởng thần quyền nhiều nhất, nhưng cứ làm bộ chống lại thần quyền. Tính chất mê tín thần quyền thực ra chỉ có thể nảy nở trong giới bình dân thiếu cận. Vậy mà rồi chính giới này lại phải đứng ra phát động chiến dịch bài trừ mê tín, tiêu diệt thần quyền. Cái buồn cười nhất trong xã hội

cộng sản chủ trương vô thần là ở chỗ đó. Họ không biết rằng cây đa đầu làng sở dĩ linh thiêng là do niềm tin của dân làng đặt vào đó, chứ không phải vốn tự nó có sự linh thiêng; cho nên thay vì dẹp bỏ sự mê tín, họ lại đi chặt cây đa, phá nơi thờ tự, diệt Phật, chống Chúa. Rốt cuộc thì mê tín vẫn cứ là mê tín. Lòng người còn mê thì có thể đẻ ra muôn vạn thần linh chứ nói gì chỉ một thần linh! Đó là lý do tại sao Karl Marx, Lenine, Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh... trở thành thần thánh để "sống mãi trong sự nghiệp" của họ.

Mà cũng không trách họ được. Tôi nghe một chú tiểu ở chùa Long Quang trên kinh tế mới chạy về Sài Gòn cho biết rằng vào ngày 14 tháng Giêng sau Tết vừa qua, công an tỉnh Đồng Nai phối hợp với công an địa phương vây chùa để bắt tôi; mấy chú tiểu nói tôi đã đi Sài Gòn; công an không tin, hoặc nghĩ rằng nếu tôi đi Sài Gòn thì cũng về lại chùa vào buổi tối, nên họ cắt người ở lại đêm tại chùa để canh gác, chờ tôi lộ diện. Buổi khuya, có hai anh công an đối quá rủ nhau lên chánh điện lấy trái cây dâng cúng trên bàn thờ, ngồi ăn ngay trước Tổ đường. (Chùa tôi mái lợp bằng tranh, vách tô bằng đất; ngõ trước đi vào chánh điện có một cửa rộng ba mét, phía sau hai bên Tổ đường có hai cửa mỗi cửa rộng hơn một mét, cả ba cửa đều chỉ là ba cái khung vuông, không có cánh để đóng hay khóa, ai muốn vào thì vào, muốn ra thì ra). Ăn xong, các anh ngồi hút thuốc, xả vỏ chuối và rác rến bữa bãi trên chánh điện. Nhưng khi vừa bước ra khỏi chánh điện, bỗng dưng cả hai lại té lăn ra đất, ói mửa liên hồi, chân tay co giật như mắc kinh phong. Các đồng chí của hai anh vội tìm xe đưa các anh ra bệnh viện cấp cứu. Chuyện ấy có thể giải thích đơn giản rằng hai anh gặp một luồng gió độc nào đó từ trong khu rừng phía tây thổi qua, hoặc vào giờ giặc khuya lạnh như thể mà ăn nhiều trái cây, ăn đầy bụng, khó tiêu, bội thực thì phải ối. Nhưng đồng bào Phật tử địa phương cũng như mấy anh du kích ấp xã thì phải giải thích theo cách nghĩ của tín ngưỡng dân gian, chẳng hạn cho rằng mấy anh bị cô hồn các bác "vật", hoặc bị long thần hộ pháp trừng trị để dẫn dắt cái

tội không tôn trọng nơi thờ tự trang nghiêm-thậm chí có người còn cho rằng các anh bị phạt vì cái tội đã dám tới chùa để rình bắt nhà sư trụ trì! Từ câu chuyện bị trừng phạt ấy, ắt hẳn là đồng bào địa phương được dịp thuật lại cho mấy anh công an nghe rằng trước đây có kẻ ăn trộm thùng phước sương của chùa, ra chưa khỏi tam quan đã bị vật té, dẫy dãnh đạp dưới đất, chưa kịp khui thùng phước sương để lấy tiền cúng của thập phương bá tánh; một kẻ trộm khác lấy cặp chân đèn bằng đồng nơi bàn thờ Phật đem ra chợ huyện bán thì bị bắt, chân đèn trả lui lại cho chùa. Những chuyện này cộng thêm chuyện mấy anh công an trúng gió trúng thực, đã bồi thêm về huyền hoặc linh thiêng của chùa Long Quang, và dĩ nhiên là cũng khiến cho các nhà vô-thần-mê-tín thềm kín nhìn tôi như một con người có linh thuật đáng sợ.

Thấy tôi chẳng nói gì, anh công an chỉ huy cười rồi đứng dậy, rời dãy bàn. Đám công an kia cũng lục tục kéo theo, ra khỏi khu vực trại giam, hướng về phía văn phòng trại. Chị Khoa ở lại, ngồi thay vào chỗ của viên chỉ huy khi nãy.

"Anh Khang nhập trại bao lâu rồi vậy?"

"Khoảng ba tháng," tôi đáp.

"Nghe nói anh từ trại T20 Sài Gòn chuyển lên, phải không? Vậy là anh xa gia đình hơn ba tháng rồi."

"Phải."

"Anh có muốn liên lạc với gia đình không?"

"Dĩ nhiên là muốn."

Ngập ngừng một lúc, anh nói tiếp mà mắt chớp lia chớp lia, có vẻ như không muốn nhìn thẳng vào mắt tôi:

"Thường thì bị can phải học tập tốt và có tích cực đóng góp trong việc xây dựng đời sống trại giam thì mới được phép liên lạc thư từ với gia đình..."

"Vậy à? Tôi tưởng khai cung xong thì tất nhiên phải được quyền liên lạc chứ."

"Ai nói với anh điều đó?"

"Ơ... tôi không nhớ rõ lắm... hình như là cán bộ phó trại hay trưởng trại gì đó," tôi vừa nói xong thì nhớ ngay rằng người nói cho tôi biết điều đó chính là Phương chứ không phải hai ông cán bộ kia; tôi định chỉnh lại nhưng thấy cũng chẳng cần

thiết gì, vì tôi nghĩ cán bộ nào nói lại chẳng được. Không ngờ cái uy của hai ông cán bộ kia lại khiến Khoa e dè. Anh có vẻ hơi lúng túng một chút, nhưng cuối cùng cũng đưa lý lẽ của anh:

"Trên nguyên tắc thì là vậy... nhưng đó là ở trên văn phòng, với ban chấp pháp, còn thực tế ở phòng giam dưới này thì lại khác. Anh thử nghĩ coi, nếu một người cứ bị phạm kỷ luật hoặc không chịu học tập tốt thì ban quản giáo chúng tôi làm gì cho phép viết thư về gia đình chứ hả?"

"Té ra là như vậy. Tôi không biết. Thôi thì khi nào anh thấy được thì cho tôi gửi thư, chưa được thì thôi."

"Tôi chỉ nói cái thông lệ ở đây thôi, còn trường hợp anh thì được chứ. Trên đã thông báo cho chúng tôi biết là hồ sơ khai cung của anh đã kết thúc. Tôi cho anh biết để anh về phòng viết thư cho gia đình. Anh có giấy bút chứ hả? Nếu dưới đó không có thì nói tôi biết. Viết xong, nhờ trưởng phòng đem ra cho ban quản giáo duyệt lại rồi sẽ dán tem gửi đi cho anh."

"Cám ơn..."

"Có điều... tôi muốn anh cũng chứng tỏ là anh sẵn sàng giúp đỡ ban quản giáo trong việc kiểm tra xây dựng sinh hoạt trong trại giam, buồng giam."

"Nghĩa là sao?"

"Nghĩa là... nếu ở dưới phòng có chuyện gì lộn xộn, hoặc có thành phần nào đáng nghi là phản động, có âm mưu vượt trại trốn trại, chống lại ban quản trại... thì anh báo cáo lên cho chúng tôi biết sớm, được không?"

"Có nghĩa rằng tôi phải làm công việc báo cáo đó thì mới được liên lạc với gia đình à?"

"Không, không phải vậy. Đã nói là trường hợp của anh thì trại đã cho phép. Đây là cá nhân tôi và ban quản giáo nhờ riêng anh thôi. Có gì đâu, hể trong phòng có cái gì không bình thường thì khi thấy tôi, anh cứ việc giơ tay xin ra ngoài gặp... rồi báo cáo tình hình."

"Tôi nghĩ đó là công việc của các anh trưởng phòng, phó phòng. Tôi không quen và cũng không thích hợp để làm chuyện đó đâu. Nếu vì tôi không nhận việc mà anh không cho viết thư thì thôi vậy. Tôi đã bỏ gia đình đi xuất gia mười lăm năm rồi, nếu bây giờ không liên lạc cũng

chẳng sao đâu.”

“Anh đừng nói vậy chứ. Tôi có nói rồi, anh đã được phép viết thư... Thôi, được, tôi đưa anh trở về phòng. Nhưng anh nên nhớ cho rằng bất cứ lúc nào anh muốn gặp để nói chuyện riêng với tôi, cứ việc giơ tay lên nha.”

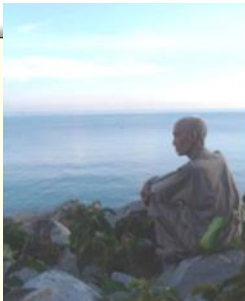
Anh trưởng phòng, cho tôi một tờ giấy viết thư rút ra từ một cuốn tập vở cho học sinh đi học; màu giấy vàng xỉ, đôi chỗ dính cả vỏ cây hoặc một thứ lông nhỏ của con gián hay dế gì đó; có chỗ lại nổi lên một cục bột hay cục gì cứng ngắt; có chỗ loang một khoảng dầu mỡ hay nhựa cây màu lòng trắng trứng gà, mũi viết đến ngang đó thì trượt tới trượt lui, chẳng làm sao mà xuống mực. Nhưng không sao, giấy xấu cách nào thì cũng đọc được mà!

Trưởng phòng còn cho tôi một bì thư và cho mượn cây bút nguyên tử để viết thư. Anh dặn: đừng viết gì liên hệ đến những người trong tù hoặc những người đồng phạm, đừng than khổ, đừng tả cuộc sống trong trại, đừng nói gì bóng gió xa xôi... và nhớ đừng dán bì thư lại, vì đó là công việc của quản giáo chứ không phải của người viết thư!

Lâu lắm tôi mới có dịp viết thư cho gia đình. Không phải từ lúc bị bắt mà từ lâu lắm rồi, lúc còn ở chùa Long Quang trên kinh tế mới. Trên ấy không có bưu điện nên tôi rất lười viết thư, và lại thói quen của người xuất gia khiến tôi thấy cũng chẳng có gì quan trọng để viết cho gia đình, ngoại trừ hỏi thăm sức khỏe mỗi người vào mỗi ba tháng, có khi sáu tháng hay một năm... Bây giờ viết gì nhỉ? Và viết cho ai đây? Ba mẹ và một số anh chị em của tôi ở Nha Trang, một vài anh chị lớn khác ở Sài Gòn. Suy tính một lúc, tôi quyết định viết cho hai người chị ở Sài Gòn. Họ sống trong một căn nhà nhỏ ở quận Tân Bình. Thỉnh thoảng từ kinh tế mới về Sài Gòn, tôi vẫn thường đến đó để nghỉ trưa và thăm hỏi tin tức gia đình.

(Hết Chương 6—mời đọc tiếp Chương 7 vào kỳ tới)

HIỆN SĨ



*Áo lam phơ phất trường sơn
Thân gầy gầy trúc cô đơn độc hành
Sậy lau đôi mắt tinh anh
Sống đời ly viễn mà thành đạo sư
Nói lời pháp lạc chơn như
Pháp hành pháp học kể từ Thế Tôn
Chỉ tâm thân giáo chơn ngôn
Già lam dựng lập bảo tôn thanh quy
Tâm từ đức hạnh đại bi
Dẫn thân lo liệu cũng vì nước non
Thương hàng tứ chúng như con
Loạn ly hung hiểm hãy còn minh sư
Trọn tình nhiệt huyết tâm thư
Đánh thức đồ chúng khư khư tác lòng
Ngục tù hình án vương vòng
Truyền thừa giáo hội quyết không phụ người
Phục quang Phật Việt sáng ngời
Hội đồng lưỡng viện một lời đình ninh
Tuệ sư viết sách dịch kinh
Sĩ hiện lập lại lịch trình năm xưa
Sư vương bản lãnh có thừa
Con thuyền giáo hội quyết đưa đến cùng
Ở đời muôn sự của chung
Sá gì ngôi vị trùng trùng hiểm nguy
Kim cương bát hoai chẳng suy
Tinh thân vô úy vẫn đi một đường
Định tâm bậc đại tượng vương
Tòng lâm thạch trụ xem thường lợi danh
Cung đàn trác tuyệt âm thanh
Câu thơ “mắt biếc”* long lanh giữa dòng
Hiền nhân tự tại thông dong
“Khung trời hội cũ”* vàng trong cõi này
Chi vì quốc vận lung lay
Hòa cùng pháp vận nên thầy dân thân
Tâm lòng vì nước vì dân
Ông tăng xuất sĩ tinh thần trượng phu
Thiền am cho chí ngục tù
Đạo tràng của bậc chân tu thực hành
Kính thầy rất mực tâm thành
Ngưỡng ngài một bậc thiện lành tôn sư.*

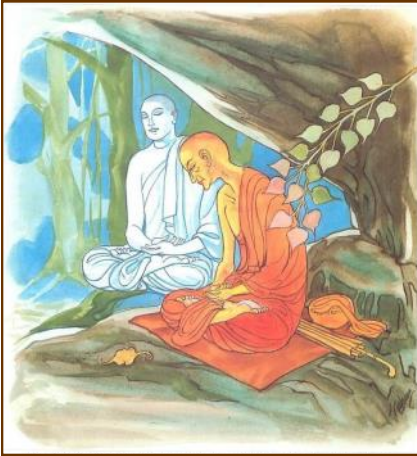
thơ ĐÔNG THIÊN

Át Lăng thành, 0923

(*) chữ của Thầy Tuệ Sĩ.

The Story of the Giver of the First-Fruits of His Labour

Dhammapada, Verse 367



While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (367) of this book, with reference to a brahmin who was in the habit of making five offerings of first-fruits in charity. The first-fruits here refer to the first-fruits of the field. The first-fruits of the field are given in charity at the time of harvesting, at the time of threshing, at the time of storing, at the time of cooking and at the time of filling the plate.

One day, the Buddha saw the brahmin and his wife in his vision and knew that time was ripe for the couple to attain Anagami Fruition. Accordingly, the Buddha set out for their house and stood at the door for alms food. The brahmin who was then having his meal, facing the interior part of the house, did not see the Buddha. His wife who was near him saw the Buddha, but she was afraid that if her husband saw the Buddha standing at the door for alms-food, he would offer all his rice in the plate and, in that case, she would have to cook again. With this thought in her

mind, she stood behind her husband so that he would not see the Buddha; when she quietly stepped backwards and slowly came to where the Buddha was standing, and whispered to him, "Venerable Sir! We do not have any alms-food for you today." But the Buddha had decided not to leave the house; he just shook his head. Seeing this gesture, the brahmin's wife could not control herself and she burst out laughing.

At that instant, the brahmin turned round and saw the Buddha. At once he knew what his wife had done, and he cried out, "O you, my wretched wife! You have ruined me." Then, taking up his plate of rice, he approached the Buddha and apologetically requested, "Venerable Sir! Please accept this rice which I have partly consumed." To him the Buddha replied, "O brahmin! Any rice is suitable for me, whether it is not yet consumed, or is partly consumed, or even if it is the last remaining spoonful." The brahmin was very much surprised by the Buddha's reply; at the same time, it made him happy because his offer of rice was accepted by the Buddha. The brahmin next asked the Buddha by what standard a bhikkhu was judged and how a bhikkhu was defined. The Buddha knew that both the brahmin and his wife had already learned something about mind and body (nama-rupa); so he answered, "O brahmin! One who is not attached to mind and body is called a bhikkhu."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 367: He who does not take the mind-and-body aggregate (nama-rupa) as "I and mine", and who does not grieve over the dissolution (of mind and body) is, indeed, called a bhikkhu.

At the end of the discourse both the brahmin and his wife attained Anagami Fruition.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

Burma Pitaka Association,

Rangoon, Burma.



MÙA THU VÀ NIỀM HẠNH PHÚC

*Gió heo may, báo tin mùa thu tới,
Cảnh thiên nhiên màu sắc đẹp mênh mang,
Gió cùng mây lơ lửng lướt không gian
Thế gian đang đón chào mùa thu tới.*

*Những con đường, bông cỏ may ngập lối,
Hoa mùa thu, đang chuyển sắc lớn mau
Trong công viên, cây lá sắp đổi màu.
Triệu lá xanh chuyển sang vàng, nâu, đỏ.*

*Chờ thu đến, lá vàng rơi trước ngõ,
Đợi thu sang, bao mộng ước mong chờ
Bao lời văn chải chuốt viết thành thơ
Bao hy vọng niềm tin vui rộng mở.*

*Hè vừa qua, thu bên thêm vội vã!
Cây trong vườn, hoa lá sắp đổi màu
Muôn triệu ngàn chiếc lá đỏ, vàng, nâu.
Thu đã đến, màu yêu thương đượm sắc!*

*Hoa tigon giăng giăng trên tường gỗ.
Hoa băng lăng nở rộ trước sân nhà
Chậu cúc vàng e ấp sắp nở hoa
Bông giấy đỏ, thắm tươi màu rực rỡ.*

*Đôi cánh bướm lượn vui trong vườn nhỏ,
Những chú chim luôn nhảy nhót trên cành,
Trên không trung, làn mây trắng lướt nhanh
Mùa thu đến, mang niềm vui hạnh phúc.*

*Hoa mùa thu, đang nở chào ngày mới,
Hạt sương đêm, vui lấp lánh trên cây
Bình minh bừng tỉnh cơn say,
Đàn chim tung cánh đón chào thu sang...*

MÙA THU THIÊN NHIÊN ĐẸP VÔ TẬN

*Một ngày mới, bình minh tỉnh giấc,
Đón ngày vui, nắng sớm trong lành,
Những hạt sương ân hiện long lanh
Mặt trời lên, sương tan trên lá...*

*Bên kia sông, mặt trời rực rỡ quá!
Ánh bình minh tỏa rạng chân mây
Hào quang vàng, đỉnh núi ngọn cây,
Một ngày mới, tin vui khởi sắc.*

*Tâm thư thái, trong lành, tĩnh lặng,
Tâm tan vào khoảnh khắc yên bình
Giây phút này, hạnh phúc đến nhanh
Trời vào thu, thiên nhiên đẹp vô tận...!*

*Mùa thu đến, lá thu đổi sắc,
Muôn ngàn cây lá đỏ, nâu, xanh,
Làn gió thu thoáng nhẹ rung cành
Lá vàng từng chiếc rơi nhanh trên đường*

*Mỗi mùa thu, một chu kỳ lá rụng,
Lá thu rơi, cây sẽ nảy mầm.
Hết mùa đông, lộc trở vào xuân,
Thu là mùa thương yêu hạnh phúc.*

*Chúc trần gian, mùa thu đẹp nhất.
Chúc muôn người mộng ước tựu thành.
Chúc gia đình, khỏe mạnh hanh thông,
Để thu về, được niềm vui bất tận...*

Mùa Thu /2023

thơ HOÀNG THỤC UYÊN





MỆT MỎI KINH NIÊN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Hội chứng Mệt Mỏi Kinh Niên (Chronic Fatigue Syndrome) không phải là vấn đề mới lạ.

Bệnh đã được mô tả từ thế kỷ thứ 19. Rồi trong thập niên 30 tới 50 của thế kỷ trước, có nhiều trường hợp bệnh xảy ra tại các quốc gia trên thế giới. Vào năm 1980, sự lưu tâm tới hội chứng này tăng lên và đã có nhiều triệu người đi khám bác sĩ với than phiền luôn luôn mệt mỏi, không có sinh lực.

Định nghĩa

Hội chứng này được định nghĩa như tình trạng mệt mỏi kéo dài quá sáu tháng, gây ảnh hưởng xấu tới các sinh hoạt hàng ngày và không do một bệnh nào về thể xác gây ra.

Đặc tính của tình trạng mệt mỏi là:

- a- Phải trầm trọng đến nỗi nghỉ và ngủ không làm thuyên giảm.
- b- Mệt mỏi không gây ra do làm việc hay tập dượt nặng nhọc.
- c- Mệt mỏi ảnh hưởng tới mọi công việc thường lệ.
- d- Mệt mỏi phải là hiện trạng mới chứ không phải do một bệnh tật nào đó, và phải kéo dài liên tục.

Hội chứng Mệt Mỏi Kinh Niên khá phổ thông nhất là tại các quốc gia kỹ nghệ cao.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu, hội chứng này vẫn được coi như là một bệnh kinh niên có nhiều điều chưa được sáng tỏ. Khác với các bệnh truyền nhiễm vì hội chứng không do một vi khuẩn rõ ràng nào gây ra. Không như bệnh tiểu đường, bệnh thiếu hồng cầu vì mệt mỏi kinh niên không thể đo lường. Lại chẳng như bệnh tim mạch vì phương thức trị liệu rất hiếm hoi.

Bệnh có nhiều ở nữ giới hơn nam giới, trong khoảng tuổi từ 20 tới 50, thường thấy ở lớp người có kiến thức tương đối cao, khá hiểu biết về bệnh tật, có bảo hiểm sức khỏe và thường hay đi khám bác sĩ. Nữ giới có kinh kỳ bất thường bị chứng này nhiều hơn.



Riêng đối với dân Mỹ, Trung Tâm Kiểm Soát và Phòng Ngừa Bệnh cho hay cứ 100.000 người thì 3 người bị bệnh.

Nguyên nhân

Đã có nhiều thuyết được nêu ra để giải thích nguyên nhân của hội chứng này và các thuyết đều cho nó là tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau. Tuy vậy một số người trong y giới vẫn nghĩ rằng hội chứng chỉ là dấu hiệu của vài bệnh về tâm thần hay về thể xác, giống như sự thiếu hồng cầu, cao huyết áp trong một vài bệnh. Hầu như bất cứ một bệnh trạng kinh niên nào cũng gây ra mệt mỏi được như bệnh tiểu đường, u bướu giáp trạng, phong thấp khớp, viêm cơ tim, bệnh trầm cảm, lo âu.

Sau đây là một số giải thích:

- 1- Thay đổi trong hệ thần kinh trung ương như viêm não, rối loạn sự điều hòa giấc ngủ, trung tâm kiểm soát căng thẳng, "Cầu tạo dưới đồi" (hypothalamus) bị xáo trộn; giảm chất cortisol hoặc hóa chất trung gian thần kinh.
- 2- Nhiễm độc đặc biệt là với các loại virus.
- 3- Suy yếu hệ thống miễn nhiễm phòng vệ cơ thể.
- 4- Ở một số người bị Mệt Mỏi Kinh Niên, huyết áp xuống thấp khi họ đứng lên. Nguyên do là có một thay đổi ở hệ thần kinh khiến nhịp tim chậm lại, huyết áp giảm, máu dồn xuống chân, gây ra chóng mặt, buồn nôn, ngất xỉu.
- 5- Sự suy yếu chung của các bắp thịt và hệ thống xương cốt cũng được nêu ra như một giải thích cho hội chứng.
- 6- Nhiều người đôi khi bị rối loạn hô hấp, hơi thở dồn dập, căng thẳng quá mức, có thể đưa đến ho suyễn, lo âu, tức ngực, tê đầu ngón chân tay vì mất thăng bằng giữa dưỡng khí và thán khí trong cơ thể.
- 7- Sau cuộc chiến vùng Vịnh năm 1990, nhiều cựu chiến binh Hoa Kỳ nhất là nữ giới bị hội chứng này. Sự việc được giải thích là sự căng thẳng cơ thể khiến máu lưu thông trên óc giảm, virus dễ xâm nhập và gây ra hội chứng.
- 8- Một số dược phẩm gây ra mệt mỏi như thuốc chữa bệnh cao huyết áp, đau nhức, thuốc tâm thần, thuốc trị dị ứng.

Triệu chứng

Việc chẩn đoán bệnh đều căn cứ vào lời khai của bệnh nhân về các dấu hiệu, y sử cá nhân, gia đình, các thuốc đang dùng.

Ngoài sự mệt mỏi, hội chứng cần có ít nhất bốn hay nhiều hơn những dấu hiệu sau đây để được xác định bệnh:

Mất trí nhớ ngắn hạn, kém tập trung vào việc làm, sự học hay các sinh hoạt khác;

Đau cứng họng;
Nổi hạch ở nách và cổ;
Đau nhức các bắp thịt;
Một số khớp xương bị đau nhưng không sưng hay đỏ;
Nhức đầu trầm trọng;
Mệt mỏi rã rời suốt ngày sau bất cứ một gắng sức nào;
Ngủ không ngon giấc hoặc có nhiều nhu cầu ngủ hơn thường lệ.
Kết quả thử nghiệm thường không có gì đặc biệt và ít giúp ích cho việc định bệnh.

Ta cũng cần lưu ý là có nhiều bệnh có thể nhầm lẫn với hội chứng này như trầm cảm, nhiễm độc, mang thai, chứng mất ngủ, tâm thần thường xuyên căng thẳng, sử dụng sức lực quá đáng, tiếp xúc với hóa chất môi trường độc, nghiện rượu, ma túy và nhiều bệnh khác.

Cho nên khi ta bị mệt mỏi kéo dài cả tháng không bớt thì cần đi tham khảo bác sĩ.

Tương lai của người bị bệnh rất khó đoán.

Có trường hợp trầm trọng khiến phải nằm liệt giường vì không còn sức di chuyển, sinh hoạt. Nhẹ hơn có người cũng nói là không hoàn toàn tắt chu đáo được công việc hàng ngày. Nhiều người than phiền làm việc mà tâm trí để ở đâu đâu hoặc không làm được việc có tính cách tỉ mỉ. Cũng có người cảm thấy tự cô lập, giảm sinh hoạt, rơi vào tình trạng trầm buồn, ưu phiền.

Điều trị

Điều đáng tiếc là cho tới nay chưa có phương thức điều trị nào được coi như hữu hiệu, đáng tin cậy để chữa hội chứng mệt mỏi mà chỉ có thể làm nhẹ bớt khó khăn ngõ hầu bệnh nhân có thể tiếp tục các sinh hoạt hàng ngày.

Các lời khuyên về việc áp dụng một nếp sống lành mạnh với tập luyện cơ thể vừa phải, ăn uống cân bằng bổ dưỡng, giữ tâm thần an lạc, hoạt động vừa sức, tất cả đều có ích.

Bác sĩ có thể cho dùng vài loại thuốc an thần, chống đau để làm bớt trầm cảm, đau đớn thể xác.

Vài trung tâm điều trị khảo cứu có dùng mấy loại thuốc mới như Ritalin, Corticosteroid... Ta có thể xin bác sĩ gia đình giới thiệu tới các trung tâm này để dung thử.

Ngoài ra, một số người bệnh còn tìm sự chữa trị ở các phương pháp khác như châm cứu, Đông y cổ truyền, thuốc ta.

Có bệnh thì vài tư phương là vậy.

Nhưng nên đề phòng khi có người khoe khoang rằng họ có thuốc chữa dứt hội chứng để khỏi rơi vào tình trạng tiền mất, tật mang. Chẳng hạn như là muốn khỏi bệnh chỉ nên dùng thuốc của họ. Rằng muốn hết mệt mỏi thì phải sinh hoạt thường xuyên với họ cũng như mua thuốc trực tiếp qua các cơ sở thương mại của họ, với giá tiền quá cao.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức M.D.



CHÂN LÝ

*Thầy đã dạy con ngọc nằm trong đá
Và những bông sen chỉ mọc dưới bùn
Khi khó đau đã lắng xuống tận cùng
Thì mới hiểu thế nào là hạnh phúc.*

*Khi đã mất mới tìm ra Sự Thật
Hạnh phúc sinh ra từ đau khổ ghen ngào
Ôi cuộc đời như một giấc chiêm bao
Cái gì cũng qua, cái gì cũng mất.*

ĐỊNH HƯƠNG

*Xin định hương về chân trời núi đá
Để trầm tư trong kiếp sống luân hồi
Cho thời gian xác thân này mục rã
Mong luân hồi thành tảo mộ rêu sương.*

thơ **MINH TRÍ**